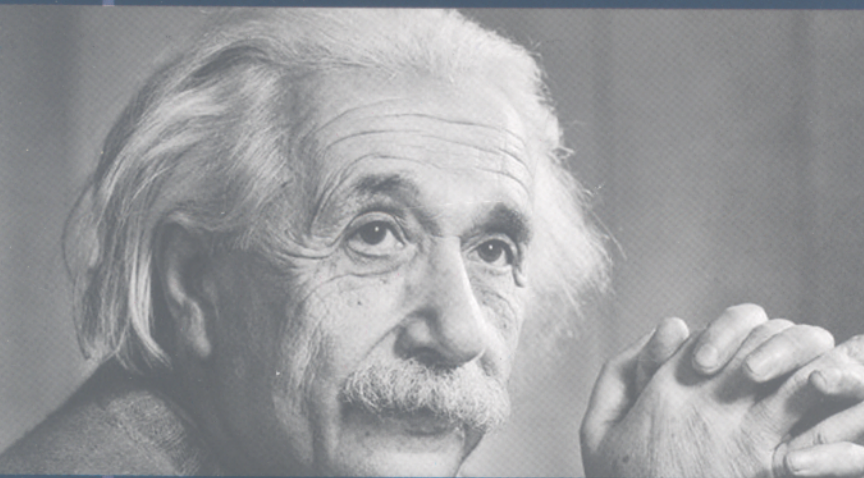


ALBERT EINSTEIN

Thế giới như tôi thấy



NXB TRI THỨC

THẾ GIỚI
NHƯ TÔI THẤY

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY | ALBERT EINSTEIN
Bản tiếng Việt © 2005 NXB Tri Thức và Đình Bá Anh

Dịch từ nguyên bản tiếng Đức: Albert Einstein, *Mein Weltbild*, Carl Seelig, Ullstein Taschenbuch, 30. Auflage, Germany 2005; bản tiếng Anh: *The World As I See It*, Citadel Press, Reissue edition, July, 1993.

ALBERT EINSTEIN

**THẾ GIỚI
NHƯ TÔI THẤY**
MEIN WELTBILD

Đinh Bá Anh, Nguyễn Vũ Hào,
Trần Tiến Cao *Đã dịch*
Bùi Văn Nam Sơn *hiệu đính*

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

Cuốn sách này được dịch và xuất bản
trong chương trình

Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới

với sự hỗ trợ về tài chính của

QUỸ DỊCH THUẬT VIỆT NAM

53 Nguyễn Du, Hà Nội

Tel.: (84-4) 9454 662; Fax: (84-4) 9454 660

và

VIỆN GOETHE HÀ NỘI

56-58 Nguyễn Thái Học, Hà Nội

Tel.: (84-4) 7342 251; Fax: (84-4) 7342 254

LỜI GIỚI THIỆU

(Cho bản tiếng Việt xuất bản lần đầu tiên)

Cuốn sách mà các bạn đang cầm trên tay là tập hợp những bài viết, bài nói chuyện, thư từ và tiểu luận khoa học của một trong những con người vĩ đại nhất của thế kỷ hai mươi: Albert Einstein. Ông là một trong những thiên tài hiếm hoi, người không chỉ vô cùng xuất sắc trong lĩnh vực nghiên cứu của mình mà còn có ảnh hưởng sâu rộng tới các lĩnh vực khác: tư tưởng, tôn giáo và chính trị.

Cuốn sách này được Einstein công bố lần đầu năm 1931 ở Đức. Năm 1955, sách được tái bản ở Mỹ, có bổ sung thêm nhiều bài viết mới. Từ đó đến nay, nó đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và trở thành một trong những cuốn sách "kinh điển" để người đọc qua đó có thể tìm hiểu về con người và cội nguồn tư tưởng của nhà khoa học.

Ấn bản mà chúng tôi chọn dịch là thuộc tủ sách Ullstein Taschenbuch của nhà Carl Seelig (Đức), 2005. Cuốn sách gồm có năm phần. Bốn phần đầu gồm các bài được sắp xếp theo bố cục gần giống với ấn bản năm 1955 ở Mỹ, song thứ tự các bài có đôi chỗ thay đổi và cũng có một số bài được bổ

sung mới. Riêng phần năm, "Các tiểu luận khoa học", là phần được bổ sung mới hoàn toàn. Trong lần ra mắt bản tiếng Việt lần này, tiếc rằng chúng tôi chưa kịp hoàn tất phần năm mà chỉ có thể giới thiệu bốn phần đầu mà thôi. Chúng tôi sẽ bổ sung phần thiếu này vào lần xuất bản sau.

Tất cả những bài viết trong sách này đều là *nguyên bản* của Einstein: tiểu luận, thư từ, phát biểu, bài trả lời phỏng vấn... ở nhiều dịp khác nhau, trong đó có những bài được viết rất công phu, dày dặn, nhưng cũng có những phát biểu rất ngắn hoặc đôi khi chỉ là những lời bông đùa ngẫu hứng. Nhưng dù là ngắn hay dài, công phu hay ngẫu hứng, tất cả các bài đó đều thống nhất với nhau ở một văn phong không thể nhầm lẫn, văn phong của một cây bút bậc thầy: sâu sắc nhưng luôn sáng sủa và kiệm lời, quyết liệt nhưng không bao giờ đánh mất vẻ duyên dáng và hài hước.

Vì các bài được tác giả thực hiện ở những khoảng thời gian khác nhau nên rất khó sắp xếp chúng vào chung một chủ đề. Cách lựa chọn của nhà Carl Seelig trong ấn bản mà chúng tôi chọn dịch cũng chỉ là tương đối. Tuy vậy, khi đã đọc tất cả các bài ở các phần khác nhau, chúng tôi tin rằng độc giả hoàn toàn có khả năng nhận ra được các quan điểm chính yếu của Einstein trong các lĩnh vực mà ông quan tâm, từ khoa học, tôn giáo cho tới giáo dục và chính trị. Và, dù các quan điểm đó đã được xác nhận là đúng đắn hay vẫn còn gây nghi vấn, dù chúng vẫn còn giữ nguyên tính thời sự hay đã trở nên lỗi thời, chúng ta hoàn toàn có

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

thể tin rằng, chúng đã được viết ra bởi một con người đã dành cả đời mình để cống hiến cho chân lý trong khoa học, cho cái thiện và cái đẹp trong cuộc sống.

Để tỏ lòng trân trọng với một nhân vật lịch sử lỗi lạc như Albert Einstein, chúng tôi đã chuyển tải nguyên văn các quan điểm riêng của ông. Về một số vấn đề cụ thể như: các thể chế dân chủ, nghĩa vụ quân sự, tòa án trọng tài quốc tế... mong độc giả hãy đọc với tinh thần phê phán khách quan và khoa học.

Ở Việt Nam đã có nhiều cuốn sách viết về Einstein, nhưng một cuốn sách do chính tay nhà khoa học viết ra thì vẫn còn thiếu. Nhân kỷ niệm 100 năm Thuyết tương đối và 50 năm ngày mất của Albert Einstein, chúng tôi xin giới thiệu bản dịch này như một sự bù đắp vào chỗ thiếu hụt ấy.

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	10
------------------	----

VỀ BẢN DỊCH	11
-------------------	----

Phần I

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY	13
-----------------------------	----

Phần II

CHÍNH TRỊ VÀ CHỦ NGHĨA HÒA BÌNH	93
---------------------------------------	----

Phần III

TRONG CUỘC CHIẾN CHỐNG CHỦ NGHĨA QUỐC XÃ	161
---	-----

Phần IV

CÁC VẤN ĐỀ DO THÁI	175
--------------------------	-----

TIỂU SỬ ALBERT EINSTEIN	211
-------------------------------	-----

LỜI CẢM ƠN

Các dịch giả xin cảm ơn nhà vật lý Phạm Duy Hiền và nhà vật lý Nguyễn Văn Trọng đã đọc bản dịch và cho những góp ý về các thuật ngữ khoa học được sử dụng trong sách.

Đặc biệt, chúng tôi xin cảm ơn dịch giả Bùi Văn Nam Sơn đã đọc bản dịch, đôi chiều kỹ lưỡng với bản gốc tiếng Đức và cho nhiều đề nghị sửa đổi quý báu. Nếu không có sự giúp đỡ tận tình và những đề nghị sửa đổi trong tinh thần dịch thật nghiêm cẩn của ông, chắc hẳn bản dịch này đã phạm phải những sai sót đáng tiếc và không thể có được diện mạo như hiện nay.

Tháng 12/2005

Các dịch giả

VỀ BẢN DỊCH

Cuốn sách này được thực hiện như sau:

Phần I: Thế giới như tôi thấy - Đinh Bá Anh dịch từ nguyên bản tiếng Đức, *Mein Weltbild* (Carl Seelig, Ullstein Taschenbuch, Đức, 2005), phần: *Wie ich die Welt sehe*.

Phần II: Chính trị và chủ nghĩa hòa bình - Nguyễn Vũ Hào dịch từ nguyên bản tiếng Đức (như trên), phần: *Politik und Pazifismus*.

Phần III: Trong cuộc chiến chống chủ nghĩa Quốc xã; và Phần IV: Các vấn đề Do Thái - Trần Tiền Cao Đăng dịch từ bản tiếng Anh, *The World as I see it*, Citadel Press, Reissue edition, July, 1993.

Bùi Văn Nam Sơn đối chiếu và hiệu đính toàn bộ bản dịch (gồm các phần từ I đến IV) theo bản tiếng Đức (nói trên).

Các dịch giả cân nhắc và tiếp nhận ý kiến của người hiệu đính, song về nguyên tắc, mỗi dịch giả chịu trách nhiệm về phần dịch riêng của mình.

Bản dịch có thể vẫn còn những điểm sai sót hoặc chưa xác đáng, các dịch giả mong nhận được sự góp ý của các học giả và độc giả để có thể làm hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Phần I

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Tiểu luận này được Einstein viết tại Berlin năm 1930 khi ông 51 tuổi. Năm 1931, nó được dịch ra tiếng Anh và in trong tập thứ 13 của bộ sách "Living Philosophies", Nhà xuất bản New York, Mỹ.

Tình cảnh của những đứa con trái đất chúng ta mới kỳ lạ làm sao! Mỗi chúng ta đến đây như một chuyến viếng thăm ngắn ngủi. Ta không biết để làm gì, nhưng đôi khi ta tin rằng ta cảm nhận được điều đó. Song, nhìn từ cuộc sống thường nhật mà không đi sâu hơn, ta biết rằng: ta đến đây vì người khác - trước hết vì những người mà hạnh phúc của riêng ta phụ thuộc hoàn toàn vào nụ cười và sự yên ấm của họ, kể đến là vì bao người không quen mà số phận của họ nối với ta bằng sợi dây của lòng cảm thông. Mỗi ngày tôi nghĩ không biết bao nhiêu lần, rằng cuộc sống bên ngoài và cuộc sống nội tâm của tôi là dựa trên lao động của những người hiện tại và cả những người đã chết, rằng tôi phải nỗ lực để trao lại tương xứng với những gì tôi đã nhận được và còn nhận được. Tôi có nhu cầu sống giản tiện và thường cảm thấy dằn vặt, rằng mình đòi hỏi nhiều hơn mức cần thiết từ lao động của đồng loại. Tôi thấy sự khác biệt về giai cấp xã

hội là không thể biện minh được và rốt cuộc là do dựa trên bạo lực. Tôi cũng tin rằng, một đời sống bên ngoài giản dị và không cầu kỳ là tốt cho mọi người, tốt cho cả thể xác lẫn tâm hồn.

Tôi tuyệt không tin vào tự do của con người theo nghĩa triết học. Mỗi người không chỉ hành động vì sự thúc ép ngoại cảnh mà còn theo đòi hỏi nội tâm. Câu nói của Schopenhauer¹: "Con người tuy có thể làm những gì mình muốn nhưng không thể cứ muốn [chạy theo] những gì mình muốn." đã hằng sống theo tôi từ thời trẻ và luôn là nguồn an ủi với tôi trong những lúc đối mặt và chịu đựng sự khắc nghiệt của cuộc đời và là nguồn suối vô tận của lòng khoan dung. Cảm nhận đó đã làm vơi đi biết bao gánh nặng trách nhiệm vốn dễ khiến ta suy sụp; nó giúp ta không quá khắt khe với chính mình và người khác; nó dẫn đến một cách nhìn cuộc sống mà ở đó, nhất là sự hài hước cũng có chỗ đứng của nó.

Từ góc nhìn khách quan, câu hỏi về ý nghĩa hoặc mục đích tồn tại của mình cũng như của các sinh thể nói chung luôn có vẻ vô nghĩa đối với tôi. Nhưng mặt khác, mỗi người đều có

¹ Arthur Schopenhauer (1788-1860): triết gia Đức; tác phẩm chính: *Thế giới như là ý chí và biểu tượng* (Die Welt als Wille und Vorstellung), Leipzig 1819 (tập I), 1844 (tập II). Tư tưởng của ông chịu nhiều ảnh hưởng của triết học Ấn Độ cổ đại, nhất là của các kinh *Upanishad*/ *Áo nghĩa thư*.

những lý tưởng nhất định làm kim chỉ nam cho nỗ lực và sự phán xét của mình. Theo nghĩa này, sự thỏa mãn và yên ấm chưa bao giờ là mục đích tự thân của tôi (tôi gọi nền tảng luân lý này là lý tưởng của bấy lộn). Lý tưởng của tôi, lý tưởng soi đường và luôn làm dâng đầy trong tôi niềm cảm khái yêu đời, là Thiện, Mỹ và Chân. Không có cảm nhận về sự đồng điệu với những người cùng chí hướng, không có sự đau đầu với cái khách quan, với cái mãi mãi không vươn tới được trong lĩnh vực nghệ thuật và nghiên cứu khoa học, thì cuộc sống với tôi thật trống rỗng. Những mục đích tầm thường mà người đời theo đuổi như của cải, thành đạt bề ngoài, sự xa xỉ, với tôi từ thời trẻ đã luôn đáng khinh.

Ý thức nhiệt thành của tôi về công bằng xã hội và trách nhiệm xã hội luôn đối nghịch một cách cố hữu với việc tôi không có nhu cầu trực tiếp gắn kết với những cá nhân và tập thể. Tôi đích thực là một kẻ "thu mình", kẻ chưa bao giờ hoàn toàn thuộc về nhà nước, quê hương, bạn bè, vâng, ngay cả gia đình thân thiết của mình cũng vậy; đối với tất cả những mối quan hệ ấy, tôi luôn có cảm giác xa lạ khôn dứt và nhu cầu được cô đơn; cảm giác đó càng tăng theo tuổi tác. Người ta cảm nhận được, một cách rõ nét nhưng không ân hận, về ranh giới của sự đồng cảm và hòa hợp với người khác. Có thể một người như thế sẽ đánh mất phần nào sự hồn nhiên và vô tư, nhưng bù vào đó, anh ta lại luôn

độc lập trước những quan điểm, thói quen và sự phán xét của người khác, và không để mình dễ bị chao đảo trên cái nền tảng không lấy gì làm vững chắc đó.

Lý tưởng chính trị của tôi là lý tưởng dân chủ. Mỗi người cần được tôn trọng như một nhân cách và không ai được thần thánh hóa. Thật trớ trêu cho số phận, chính tôi lại nhận được quá nhiều sự ngưỡng mộ và trọng thị từ người khác - mà tôi chẳng làm gì xứng đáng hay làm gì nên tội. Điều này có lẽ có nguyên cớ từ mong muốn không được thỏa mãn của nhiều người trong việc muốn hiểu vài ba ý tưởng của tôi, những ý tưởng mà tôi đã tìm được bằng chút sức lực yếu ớt trong cuộc vật lộn không ngừng nghỉ. Thực ra tôi cũng biết rằng, để đạt được một mục đích tập thể, nhất thiết phải có ai đó đứng ra nghĩ, sắp xếp và chịu trách nhiệm chung. Nhưng không được ép buộc những người đi theo, mà phải để họ có quyền chọn cho mình người cầm lái. Một hệ thống độc đoán dựa trên sự cưỡng bức sẽ sớm bị thoái hóa trong một thời gian ngắn, tôi tin chắc như vậy. Bởi bạo lực luôn hấp dẫn những kẻ thấp kém về đạo đức, và tôi tin rằng đã thành quy luật: nổi nghiệp những tên bạo chúa thiên tài luôn là những tên khốn kiếp. Vì lý do đó, tôi luôn là người quyết liệt chống lại những hệ thống như vậy, những hệ thống mà chúng ta đang thấy ở Ý và Nga hiện nay. Cái làm cho nền dân chủ ở châu Âu hôm

nay rơi vào bê bối không phải là bản thân lý tưởng dân chủ, mà là sự thiếu ổn định của một bộ phận lãnh đạo các chính phủ và tính phi nhân cách² của thể thức bầu cử. Về mặt này, tôi cho rằng nước Mỹ đã có lựa chọn đúng: họ có một Tổng thống có trách nhiệm, được bầu cho một thời gian đủ dài và có đủ quyền lực để thực sự đảm nhận được trọng trách. Mặt khác, tôi lại đánh giá cao hoạt động nhà nước của chúng ta về mặt phúc lợi rộng rãi cho cá nhân trong trường hợp đau ốm hay khó khăn. Cái mà tôi cho là có giá trị đích thực trong các hoạt động của con người không phải là nhà nước, mà là cá thể sáng tạo và cá thể cảm nhận, là cá nhân: Chỉ cá nhân mới [vượt lên] tạo dựng được những giá trị chân quý và cao cả, trong khi bầu đàn, xét như bầu đàn, cứ mãi vẫn là trì độn trong tư duy và trì độn trong cảm xúc.

Nhân đây tôi muốn đề cập đến cái quái thai kinh tởm nhất của bản tính bầu đàn: hệ thống quân đội mà tôi căm ghét. Chỉ cần kẻ nào cảm

² ... dem unpersönlichen Charakter des Wahlmodus: Tính phi nhân cách của thể thức bầu cử. Khi nói đến tính "phi nhân cách" của thể thức bầu cử ở các nước châu Âu, theo chúng tôi, Einstein muốn phê phán thể thức bầu cử mà ở đó, các đảng phái chính trị có vai trò chính yếu và phần nào che lấp cá nhân người ra ứng cử. (Khác với thể thức bầu cử Tổng thống trực tiếp kiểu Mỹ: ứng cử viên Tổng thống cần chứng minh được nhân cách và bản lĩnh cá nhân của mình trước cử tri nhiều hơn.)

thấy thích thú khi đứng vào đoàn duyệt binh trong tiếng quân nhạc, tôi đã coi thường rồi; anh ta được trời phú nhấm cho bộ não lớn, bởi với anh ta, chỉ cần cột xương sống thôi là đã quá đủ. Vết nhục này của nền văn minh cần bị loại trừ càng sớm càng tốt. Chủ nghĩa anh hùng phục tùng mệnh lệnh, bạo lực mù quáng, trò hề ái quốc tòm lợm, tôi căm ghét chúng làm sao. Với tôi, chiến tranh thật dễ tiện và đáng khinh làm sao. Tôi thà bị băm vằm làm muôn mảnh còn hơn là dự phần vào cái trò khốn nạn đó! Dù sao tôi vẫn luôn nghĩ tốt về nhân loại, và tôi tin rằng, lẽ ra bóng ma này đã có thể biến đi từ lâu nếu lý trí lành mạnh của dân chúng không bị những tham vọng về kinh tế và chính trị, thông qua trường học và báo chí, làm cho bại hoại.

Cái đẹp dễ nhất mà chúng ta có thể trải nghiệm được là cái bí ẩn. Đó là cảm thức nền tảng trong cái nôi của nghệ thuật và khoa học chân chính. Kẻ nào không biết đến nó, không còn khả năng thành thốt hay kinh ngạc, kẻ đó có thể coi như đã chết, đã tắt rụi lửa sống trong mắt mình. Trải nghiệm cái bí ẩn - dù có pha trộn cảm giác sợ hãi - cũng chính là trải nghiệm mà tôn giáo đã tạo ra. Hiểu biết về sự hiện hữu của cái mà ta không thể nhìn thấy, của những biểu hiện của lý trí sâu thẳm nhất và cái đẹp rực rỡ nhất, [tức về] những cái chỉ có thể đến với trí não của ta trong những hình thức sơ khai nhất; chính cái *biết* và cái *cảm* này làm nên tính tín ngưỡng đích thực;

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

theo nghĩa đó và chỉ theo nghĩa đó, tôi thuộc về những người có tín ngưỡng sâu xa. Còn một Thượng đế theo nghĩa là kẻ ban phát phần thưởng và trừng phạt những tạo vật do chính mình tạo ra, kẻ gần như có một ý chí như người trần thế chúng ta, thì tôi không thể nào hình dung ra được. Tôi không muốn và cũng không thể tưởng tượng ra những cá nhân sống lâu hơn cái chết thể xác; mặc cho những tâm hồn yếu đuối, vì sợ hãi hay ích kỷ đáng cười, tìm đến những suy nghĩ như vậy. Với tôi, sự huyền nhiệm về tính vĩnh cửu của sự sống cùng với sự thức nhận và tiên cảm về cấu tạo kỳ diệu của tạo vật cũng như nỗ lực nhẫn nại để nắm bắt lấy một phần dù rất nhỏ bé của cái lý tính tỏa rạng trong cõi tạo hóa này, đã là quá đủ.

VỀ Ý NGHĨA CUỘC SỐNG

Đâu là ý nghĩa cuộc sống chúng ta, đâu là ý nghĩa cuộc sống của mọi sinh vật nói chung? Biết câu trả lời cho câu hỏi này, nghĩa là có đức tin tôn giáo. Bạn lại hỏi: Có nghĩa gì không khi đặt ra câu hỏi ấy? Tôi trả lời: Kẻ nào thấy cuộc sống của mình và của đồng loại là vô nghĩa, kẻ đó không những chỉ bất hạnh mà còn hầu như không thể sống được.

GIÁ TRỊ ĐÍCH THỰC CỦA MỘT CON NGƯỜI

Giá trị đích thực của một con người trước hết được xác định bởi: anh ta đã đạt đến chỗ giải phóng khỏi cái Tôi đến mức độ nào và theo nghĩa gì.

VỀ CỦA CÁI

Tôi nghiệm thấy chắc chắn rằng, không của cái nào trên đời này có thể đưa nhân loại tiến lên được, ngay cả khi nó được trao vào tay những người tận tâm nhất. Chỉ có tấm gương của những nhân cách lớn và trong sạch mới dẫn đến những tư tưởng và hành động cao quý. Đồng tiền chỉ kích thích tư lợi và luôn mê hoặc sự lạm dụng.

Ai có thể tưởng tượng ra Moses, Jesus hay Gandhi được trang bị bằng tài tiền của Carnegie hay không?

CỘNG ĐỒNG VÀ CÁ THỂ

Nếu chúng ta ngẫm nghĩ về cuộc đời và nỗ lực của mình, chúng ta sẽ sớm nhận ra rằng, hầu hết những hoạt động và mong muốn của chúng ta đều có quan hệ với sự tồn tại của người khác. Chúng ta nhận ra rằng, về bản chất giống loài, chúng ta cũng giống như những động vật sống theo bầy. Chúng ta ăn thức ăn người khác trồng, mặc quần áo người khác may, sống trong nhà

người khác xây. Hầu hết những gì ta hiểu biết và tin tưởng đều do người khác bày cho ta thông qua một ngôn ngữ, mà ngôn ngữ cũng do những người khác tạo ra. Nếu không có ngôn ngữ, khả năng tư duy của chúng ta sẽ rất hạn chế - chỉ tương đương với những động vật cao cấp; vì thế chúng ta phải thừa nhận rằng, để chúng ta hơn được động vật, trước hết chúng ta phải mang ơn vì được sống trong cộng đồng loài người. Một cá thể bị bỏ rơi một mình từ khi sinh ra sẽ có suy nghĩ và cảm nhận hoang dã như động vật, đến mức chúng ta khó mà tưởng tượng được. Vậy nên, căn cước và ý nghĩa tồn tại của một cá thể nằm ở chỗ, anh ta không hẳn là một sinh thể đơn lẻ mà là thành viên của một cộng đồng lớn của con người, cộng đồng dẫn dắt đời sống vật chất và tinh thần của anh ta từ khi sinh ra tới khi chết.

Cái làm nên giá trị của một con người trong cộng đồng phụ thuộc trước hết vào việc những tình cảm, suy nghĩ và hành động của anh ta giúp ích được bao nhiêu cho sự tồn tại của người khác. Tùy theo thái độ của anh ta trong môi quan hệ này mà chúng ta đánh giá anh ta thuộc loại tốt hay xấu. Thoạt nhìn thì có vẻ là, chỉ duy những phẩm chất xã hội của một con người mới là chuẩn mực cho những đánh giá về anh ta.

Nhưng một quan niệm như vậy thật ra là không đúng. Dễ nhận thấy rằng, trải qua bao thế

hệ, tất cả tài sản vật chất, tinh thần và đạo đức mà chúng ta nhận được từ cộng đồng đã được tạo dựng bởi những cá thể sáng tạo đơn lẻ: người tìm ra cách dùng lửa, người tìm ra cách trồng trọt, và người phát minh ra đầu máy hơi nước.

Chỉ cá thể đơn lẻ mới có thể tư duy và qua đó, tạo ra những giá trị mới cho xã hội, vâng, thậm chí đề ra những quy phạm đạo đức mới để đời sống cộng đồng hướng theo. Nếu không có những cá thể sáng tạo, suy nghĩ và phán xét độc lập, thì sự phát triển lên cao của xã hội là khó tưởng tượng; cũng như vậy, một cá thể đơn lẻ sẽ không thể phát triển nếu thiếu mảnh đất dinh dưỡng của cộng đồng.

Vâng, một cộng đồng lành mạnh là một cộng đồng gắn liền với tính độc lập của những cá thể cũng như với sự liên kết bên trong của xã hội. Có nhiều điểm đúng khi nói rằng, nền văn hóa Hy-Âu-Mỹ nói chung, đặc biệt là cao trào văn hóa thời Phục hưng ở Ý - thời chấm dứt đêm trường trung cổ ở châu Âu - đã đặt nền tảng trên sự giải phóng cá nhân và sự tách bạch một cách tương đối giữa cá nhân với cộng đồng.

Bây giờ, hãy nhìn vào thời đại chúng ta đang sống! Cộng đồng được nhìn nhận ra sao, còn cá thể thì thế nào? So với thời trước, mật độ dân số ở các nước văn minh hiện quá cao; châu Âu hôm nay chứa một lượng người lớn gấp ba lần cách đây một trăm năm. Nhưng tỉ lệ những người có

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

tư chất thủ lĩnh lại giảm sút. Chỉ có một số ít người, nhờ thành tựu của mình, nổi lên trước đám đông như một nhân cách. Ở một chừng mực nhất định, tổ chức đã thay thế thủ lĩnh, nhất là trong lĩnh vực kỹ thuật, song cũng đã có thể cảm thấy điều tương tự trong khoa học.

Đặc biệt nhạy cảm, sự thiếu hụt cá tính trong lĩnh vực nghệ thuật đang lộ rõ. Hội họa và âm nhạc xuống cấp trông thấy và đang đánh mất ghê gớm sự cộng hưởng trong công chúng. Trong chính trị, không chỉ thiếu người cầm lái mà sự độc lập tinh thần cũng như ý thức về lẽ phải của dân chúng cũng giảm sút khủng khiếp. Chế độ dân chủ nghị trường³, chế độ vốn lấy sự độc lập nói trên làm điều kiện tiên quyết, đang bị chao đảo ở nhiều nơi; các chế độ độc tài xuất hiện và được dung dưỡng, bởi ý thức về danh dự và quyền cá nhân không còn đủ mạnh nữa. Chỉ trong hai tuần, vì báo chí, đám đông mù quáng ở một quốc gia nào đó có thể bị làm cho giận dữ và kích động đến nỗi những người đàn ông sẵn sàng khoác áo lính để đi giết người và bị giết vì những mục đích chẳng lấy gì làm cao quý của những thế lực nào đó. Nghĩa vụ quân sự với tôi là dấu hiệu nhục nhã nhất về sự thiếu hụt phẩm giá cá nhân,

³ die demokratische, parlamentarische Organisation: Tổ chức dân chủ nghị trường. Chúng tôi xin dịch là "chế độ dân chủ nghị trường" vì Einstein đang nói đến tình trạng của các chính phủ châu Âu hồi đó.

sự thiếu hụt mà vì nó, nhân loại văn minh của chúng ta đang quần quai. Chẳng thế mà không thiếu những nhà tiên tri, những kẻ dự báo ngày tàn của nền văn minh chúng ta đang đến gần. Tôi không thuộc số những kẻ bi quan này; tôi tin vào một tương lai tốt đẹp hơn. Ở đây tôi muốn biện giải cho lòng tin ấy một cách ngắn gọn:

Theo ý kiến của tôi, những biểu hiện suy tàn hiện nay bắt nguồn từ chỗ: sự phát triển về kinh tế và kỹ thuật đã khiến cho cuộc đấu tranh sinh tồn của con người càng thêm gay gắt, vì thế, sự phát triển tự do của cá nhân bị tổn hại nặng nề. Nhưng mặt khác, kỹ thuật phát triển lại giúp cá nhân ngày càng phải lao động ít hơn mà vẫn thỏa mãn được các nhu cầu chung. Việc phân công lao động có kế hoạch đang ngày càng trở nên một đòi hỏi cấp thiết, và việc phân công này sẽ mang lại sự bảo đảm về vật chất cho từng cá thể. Sự bảo đảm này, cũng như sức lực và thời gian dư ra của các cá thể, sẽ là một lợi thế cho sự phát triển nhân cách. Cộng đồng nhờ thế sẽ khỏe mạnh trở lại, và chúng ta hãy hy vọng rằng, các sử gia tương lai sẽ nhìn những biểu hiện bệnh tật của thời đại chúng ta như chứng cảm cúm của trẻ con⁴, chứng cảm cúm của một nhân loại đang vươn mình lên cao - mà tất cả chẳng qua cũng do tốc độ chuyển đổi quá nhanh mà ra.

⁴ Kinderkrankheiten: Còn có thể dịch là "những căn bệnh ấu trĩ" hay "những cơn sốt vô da".

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

NHÀ NƯỚC VÀ LƯƠNG TÂM CÁ NHÂN

Bài này xuất hiện lần đầu ngày 22.12.1950 trên tạp chí Science (Khoa học) của Mỹ. Trước đó, Einstein đã gia nhập Society for Social Responsibility in Science (Hiệp hội vì trách nhiệm xã hội trong khoa học). Có thể coi bài viết này là lời cổ vũ của Einstein cho một hiệp hội khoa học dân chủ, vì các mục đích hòa bình và nhân bản trên toàn thế giới.

Một câu hỏi xưa cũ: Con người phải hành xử như thế nào nếu nhà nước áp đặt hành vi của anh ta, cũng như nếu xã hội chờ đợi ở anh ta một thái độ [hành xử] mà lương tâm anh ta thấy là sai trái?

Câu trả lời dễ phỏng đoán là: Anh bị phụ thuộc hoàn toàn vào cộng đồng nơi anh sống. Vì vậy anh phải phục tùng những luật định của nó. Anh chẳng phải chịu trách nhiệm gì về những hành vi do anh bị bắt buộc phải làm.⁵

Chỉ cần nói rõ ra điều ấy, ta sẽ thấy nó mâu thuẫn thế nào với quan niệm thông thường về lẽ phải. Sự cưỡng bức từ bên ngoài có thể làm giảm trách nhiệm cá nhân theo một nghĩa nào

⁵ Du kannst nicht für solche Handlungen verantwortlich gemacht werden, die unter unwiderstehlichem Zwang zustande kommen: Anh không thể bị quy trách nhiệm cho những hành vi này sinh từ áp lực không thể kháng cự được ấy.

đó chứ không thủ tiêu được trách nhiệm ấy. Nhân các phiên xử ở Tòa án Nürnberg⁶, người ta hầu như đã chấp nhận quan điểm này như một lẽ đương nhiên.

Cái có giá trị luân lý⁷ ở các thiết chế, luật pháp và phong tục của chúng ta bắt nguồn từ những biểu lộ của ý thức về lẽ phải ở vô số cá thể. Những thiết chế xã hội sẽ bất lực theo nghĩa luân lý nếu chúng không được chống đỡ và gánh vác bởi ý thức trách nhiệm của những cá nhân sống thực.

Bởi thế, nỗ lực đánh thức và ủng hộ ý thức trách nhiệm về luân lý của cá nhân là một cống hiến quan trọng đối với toàn thể xã hội.

Ở thời đại chúng ta, các đại diện của khoa học tự nhiên và giới kỹ sư phải chịu trách nhiệm đạo lý đặc biệt lớn, bởi sự phát triển các công cụ quân sự giết người hàng loạt thuộc lĩnh vực hoạt động của họ. Bởi thế tôi nghĩ, việc thành lập một "Society for Social Responsibility in Science"⁸ đang là một nhu cầu có thật. Một tổ chức như thế sẽ giúp cá nhân, thông qua thảo luận, để

⁶ Các phiên tòa xử các phạm nhân Đức Quốc xã sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai.

⁷ "moralisch" (tính từ), "Moral" (danh từ). Einstein dùng các từ này ở nhiều chỗ. Tùy theo văn cảnh, chúng tôi dịch là "đạo đức", "luân lý" hay "đạo lý". Cũng tương tự, với hai từ "ethisch" (tính từ) và "Ethik" (danh từ), tùy theo văn cảnh, chúng tôi dịch là "đạo đức" hay "luân lý".

⁸ Tiếng Anh: Hiệp hội vì trách nhiệm xã hội trong khoa học.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

dàng hơn trong việc có một đánh giá độc lập về con đường mà anh ta chọn lựa. Hơn nữa, giữa những người lâm nạn vì dám đi theo tiếng gọi lương tâm của mình cũng cần gấp rút có sự tương trợ lẫn nhau.

TỐT VÀ XẤU

Những cá nhân có đóng góp nhiều nhất vào việc nâng cao phẩm giá con người và cuộc sống con người thường được yêu mến nhiều nhất, và điều đó về nguyên tắc là đúng. Nhưng nếu lại hỏi rằng, những người đó là ai, ta sẽ gặp khó khăn không nhỏ. Với các thủ lĩnh chính trị, vâng, thậm chí với cả các thủ lĩnh tôn giáo, việc họ gây tác động tốt hay xấu nhiều hơn vẫn luôn là điều đáng ngờ. Vì thế tôi nghiêm chỉnh tin rằng, ta giúp được người khác nhiều nhất khi ta dẫn dắt họ đến với một việc chân quý, và qua đó, giúp họ gián tiếp tự nâng cao phẩm giá của mình. Đó trước hết là trường hợp của các nghệ sĩ lớn và sau đó là các nhà nghiên cứu. Đúng là các kết quả của việc nghiên cứu không thể giúp con người nâng cao phẩm giá và giàu có hơn [về nội tâm], song chính nỗ lực vươn tới sự hiểu biết, chính lao động tinh thần tiếp thu và sáng tạo thì sẽ làm được điều ấy. Như vậy, sẽ thật tréo ngoe nếu người ta có ý định đánh giá bộ kinh Talmud dựa trên các thành quả tri thức của nó.⁹

⁹ Talmud là bộ kinh của đạo Do Thái, được soạn từ thế kỷ VI tCN - IX, chi tiết hóa "Sách ước" (Torah) [mười điều

TÔN GIÁO VÀ KHOA HỌC

*Tiểu luận này xuất hiện lần đầu ngày 11.11.1930
trên tờ Berliner Tageblatt (Nhật báo Berlin).*

Tất cả những gì con người tạo dựng và phát kiến là để thỏa mãn những nhu cầu do giác quan khơi dậy¹⁰ cũng như để làm dịu những nỗi đau. Ta phải luôn nhìn nhận điều đó nếu ta muốn hiểu các trào lưu tinh thần cũng như sự phát triển của chúng. Cảm xúc¹¹ và khát vọng là động cơ của tất cả những nỗ lực và tạo tác của con người, cho dù động cơ sau (tức khát vọng - ND) có tỏ ra cao thượng đến đâu đi chăng nữa. Vậy thì đâu là những cảm xúc và nhu cầu đã đưa con người tới tư duy tôn giáo và niềm tin tôn giáo theo nghĩa rộng nhất? Nếu chúng ta suy ngẫm về điều đó, chúng ta sẽ thấy rằng, trong cái nôi của tư duy và trải nghiệm tôn giáo có vô số loại cảm xúc khác nhau. Ở những người sơ

răn của Moses ghi trong Cựu Ước"]. "Talmud" chữ Hebrew nghĩa là "Kinh điển".

¹⁰ Alles was von den Menschen getan und erdacht wird, gilt der Befriedigung gefühlter Bedürfnisse sowie der Stillung von Schmerzen: Tất cả những gì con người làm ra và nghĩ ra là để thỏa mãn những gì được cảm nhận là nhu cầu của mình cũng như để làm dịu những nỗi đau.

¹¹ "Fühlen" (danh từ), "fühlen" (động từ). Tùy theo văn cảnh, chúng tôi dịch là "cảm nhận" hoặc "cảm xúc". Ngoài ra, danh từ "Gefühl" sẽ luôn được dịch là "cảm xúc". Ở đôi chỗ, chúng tôi dịch là "cảm nhận".

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

khai thì trước tiên là sự sợ hãi đã gọi lên những biểu tượng tôn giáo. Sợ đói, sợ thú dữ, bệnh tật và cái chết. Vì ở cấp độ tồn tại này, sự hiểu biết về các mối quan hệ nhân quả còn thấp, đầu óc con người tự tưởng tượng ra "các hình nhân" ít nhiều giống họ. Những trải nghiệm đầy sợ hãi của con người phụ thuộc vào ý muốn cũng như tác động của những hình nhân ấy. Họ nghĩ rằng, họ sẽ lấy lòng được hình nhân ấy nếu họ tiến hành các nghi lễ và đem tới vật hiến tế, những gì theo niềm tin truyền từ đời này qua đời khác sẽ có tác dụng làm cho hình nhân ấy nguôi giận cũng như phù hộ cho con người. Tôi gọi tôn giáo theo nghĩa này là tôn giáo sợ hãi. Loại tôn giáo đó tuy không được tạo ra, nhưng nó vẫn được củng cố về cơ bản nhờ một tầng lớp giáo sĩ đặc thù đóng vai trò trung gian giữa hình nhân đáng sợ với dân chúng, và tầng lớp này thiết lập một vị trí ưu thắng trên cơ sở ấy. Thông thường, để bảo vệ quyền lợi, các thủ lĩnh hoặc nhà cầm quyền (mà quyền lực của họ vốn dựa trên những yếu tố khác), cũng như giới thượng lưu với quyền thống trị thế tục của họ thường thâm tóm luôn cả chức năng tôn giáo; hoặc giữa giới cầm quyền chính trị và giới tăng lữ cùng chia sẻ một cộng đồng lợi ích chung.

Một nguồn suối thứ hai của hình tượng tôn giáo là những cảm xúc xã hội. Cha, mẹ, thủ lĩnh của các bộ tộc lớn đều có thể chết và phạm sai lầm. Lòng khao khát được dẫn dắt, được yêu

thương và che chở đã kính thích sự hình thành khái niệm Thượng đế theo nghĩa xã hội cũng như luân lý. Đó là vị Thượng đế quan phòng¹², người che chở, quyết định, ban thưởng và trừng phạt. Tùy theo viễn tượng¹³ của mỗi người, vị Thượng đế ấy thương yêu và thúc đẩy cuộc sống của một bộ tộc, cuộc sống của nhân loại, vâng, cả sự sống nói chung; Ngài là kẻ an ủi trong cơn bất hạnh và hoài vọng khôn nguôi, là kẻ canh giữ linh hồn của những người đã mất. Đó là khái niệm về Thượng đế theo nghĩa xã hội hoặc luân lý.

Có thể quan sát một cách thú vị sự chuyển biến từ tôn giáo sợ hãi lên tôn giáo luân lý trong Sách Thánh của dân tộc Do Thái. Sự chuyển biến này tiếp tục diễn ra trong Kinh Tân Ước. Tôn giáo của tất cả các dân tộc, nhất là các dân tộc vùng Cận Đông, về cơ bản là các tôn giáo luân lý. Sự phát triển từ tôn giáo sợ hãi lên tôn giáo luân lý đã tạo nên một sự tiến bộ quan trọng trong đời sống của các dân tộc. Ta cần phải dẹp bỏ định kiến, rằng tôn giáo của các dân tộc sơ khai thuần túy là tôn giáo sợ hãi, còn tôn giáo

¹² Thượng đế quan phòng: der Gott der Vorsehung (Anh: The God of Providence), khác với Thượng đế thiên khai (der Gott der Offenbarung, Anh: The Revealed God).

¹³ viễn tượng: Horizont (... je nach dem Horizont des Menschen). Chữ "Horizont" nghĩa đen là "chân trời". (Bản tiếng Anh: "...according to the width of the believer's outlook".)

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

của các dân tộc văn minh thuần túy là tôn giáo luân lý. Trên thực tế, tất cả đều có sự pha trộn; nhưng ở các cấp độ cao của đời sống xã hội, tôn giáo luân lý giữ vai trò chủ đạo.

Điểm chung của tất cả các loại hình tôn giáo kể trên là tính nhân hình của ý niệm về Thượng đế. Thường chỉ có những cá nhân có thiên tư đặc biệt tiềm tàng xuất chúng và những cộng đồng đặc biệt cao quý mới có thể thực sự nâng mình vượt lên khỏi cấp độ này của trải nghiệm tôn giáo. Song trên tất cả, còn có một cấp độ thứ ba của trải nghiệm tôn giáo, dù nó ít khi xuất hiện ở dạng thuần túy. Tôi muốn gọi đó là Đạo vũ trụ.¹⁴ Rất khó giải thích ý niệm này cho những ai hoàn toàn không có nó, một phần vì nó không giống với ý niệm về Thượng đế nhân hình.

Cá nhân cảm nhận được tính hư vô trong những ước vọng và mục đích của con người; cảm nhận được tính hùng vĩ và trật tự kỳ diệu trong thiên nhiên cũng như trong thế giới suy tưởng. Anh ta cảm thấy sự tồn tại của cá nhân mình như một thứ tù ngục, và anh ta muốn trải nghiệm cái tổng thể hiện tồn như một chỉnh thể thống nhất và đầy ý nghĩa. Ta đã có thể tìm thấy những tiếp cận đầu tiên với Đạo vũ trụ ngay từ các cấp độ

¹⁴ kosmische Religiosität: "tinh tín ngưỡng vũ trụ". Với những gì Einstein viết tiếp theo đây về "kosmische Religiosität", chúng tôi cho rằng hoàn toàn có thể dịch thoát khái niệm này là "Đạo vũ trụ".

phát triển xa xưa, trong những bài ca vịnh của Thánh David cũng như ở vài nhà tiên tri khác. Song những yếu tố của Đạo vũ trụ còn mạnh mẽ hơn nhiều trong Phật giáo - đặc biệt những tác phẩm tuyệt diệu của Schopenhauer đã dạy chúng ta về điều đó. Những bậc thiên tài về tôn giáo của mọi thời đại đều được tôn vinh bằng Đạo vũ trụ ấy - cái đạo không hề biết đến những giáo điều cũng như không biết đến một vị Thượng đế được suy tưởng theo hình ảnh con người. Bởi vậy cũng không thể có nhà thờ với nội dung truyền giảng chính là Đạo vũ trụ. Điều đó dẫn tới thực tế là, ta thường gặp trong số những kẻ dị giáo của mọi thời đại những cá nhân đạt được cái Đạo cao nhất ấy; họ thường bị những người đương thời xem là vô thần, song đôi khi lại được coi là thánh nhân. Từ điểm nhìn ấy, những vị như Democrit, Franciscus von Assisi và Spinoza thật gần gũi nhau.

Làm sao có thể truyền đạt Đạo vũ trụ từ người này sang người khác, dù nó không hề dẫn tới một ý niệm khuôn mẫu về Thượng đế cũng như một nền thần học nào cả? Theo tôi nghĩ, chức năng quan trọng nhất của nghệ thuật và khoa học là đánh thức cảm xúc này ở những người thụ nhận chúng và giữ cho nó luôn sống động.

Chúng ta đang đi đến một quan niệm về mối quan hệ giữa khoa học và tôn giáo rất khác so với những quan niệm thông thường. Dưới cái nhìn lịch sử, người ta có xu hướng xem khoa học

và tôn giáo như những địch thủ không đội trời chung. Lý do cũng khá dễ hiểu: Ai thấu hiểu tính quy luật nhân quả của tất cả các hiện tượng thì đối với người đó, ý niệm về một hình nhân¹⁵ can thiệp vào diễn trình của thế giới là không thể chấp nhận được - với điều kiện là anh ta thực sự coi trọng giả thuyết về tính nhân quả. Tôn giáo sợ hãi chắc chắn sẽ không có chỗ đứng trong đầu anh ta; song ngay cả tôn giáo xã hội hay luân lý cũng vậy. Với anh ta, một vị Thượng đế ban thưởng và trừng phạt là không thể suy tưởng được, bởi con người hành động theo tính tất yếu hợp quy luật bên ngoài và bên trong, do vậy không hề chịu trách nhiệm gì từ điểm nhìn của Thượng đế, tương tự như một đồ vật vô tri không phải chịu trách nhiệm gì về những chuyển động do nó thực hiện. Vì thế mà người ta đã trách cứ khoa học là chôn vùi đạo đức - hẳn nhiên là vô lý. Hành vi luân lý của con người dựa trên sự cảm thông, giáo dục và sự gắn kết xã hội mà không cần nền tảng tôn giáo nào hết. Thật đáng buồn cho con người, nếu chỉ vì sợ hãi bị trừng phạt hay vì hy vọng được ban thưởng sau khi chết mà phải chịu cúi đầu thần phục.

¹⁵ hình nhân: ein Wesen. Trong bài này, Einstein dùng từ "Wesen" để ám chỉ "Thượng đế nhân hình" hoặc ai/cái gì đó mà ta suy tưởng là Thượng đế. Bùi Văn Nam Sơn đề nghị nên dịch là "hữu thể". Tôi cũng đồng ý như vậy (xem chú thích (16)). Song trong trường hợp này, tôi chọn dịch là "hình nhân" để có được tính nhất quán trong toàn bài. (Đinh Bá Anh)

Như vậy cũng dễ hiểu khi nhà thờ đã luôn chống lại khoa học và truy bức những ai tin theo khoa học. Nhưng ngược lại, tôi khẳng định rằng Đạo vũ trụ là động lực mạnh mẽ nhất và cao quý nhất của nghiên cứu khoa học. Chỉ những ai có thể đo lường được những nỗ lực khổng lồ, và trước hết là sự tận hiến - những cái mà không có chúng thì không thể có những phát minh khoa học mang tính mở đường được - người đó mới có thể lượng định đúng sức mạnh của cái xúc cảm mà chỉ từ đó, một việc làm quên mình - ngoảnh lưng lại với cuộc sống "com áo gạo tiền" thực tế - mới có thể lớn dậy được. Phải nuôi dưỡng một niềm tin đến thế nào vào sự hữu lý của cấu tạo thế giới, phải nuôi dưỡng một khát vọng hiểu biết đến thế nào, dù chỉ là khát vọng để nắm bắt lấy một chút ánh hồi quang của cái lý tính đã tỏa rạng trong vũ trụ này, để sau bao năm rông dẫm mình trong công việc đơn độc, Kepler và Newton mới giải mã được nguyên lý của cơ học thiên thể! Những ai biết đến việc nghiên cứu khoa học chủ yếu chỉ từ những ứng dụng thực tiễn của nó, kẻ đó dễ đi đến một cách nhìn hoàn toàn sai lạc về tâm trạng của các vĩ nhân (những người vốn luôn bị bủa vây bởi sự hoài nghi của người đương thời), những người đã chỉ ra các con đường cho những kẻ đồng chí hướng sống phân tán ở khắp các vùng đất, qua nhiều thế kỷ. Chỉ những ai cố gắng hiến đời mình cho những mục đích như thế mới có được một hình dung sống động về cái gì

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

đã hun đúc tinh thần cũng như đem đến sức mạnh cho những vĩ nhân ấy, để, dù gặp muôn vàn thất bại, vẫn luôn trung thành với mục đích của mình. Đạo vũ trụ chính là cái đã ban cho họ sức mạnh ấy. Ai đó đã nói không phải không có lý rằng, trong thời đại nhìn chung là xem trọng thái độ duy vật chất như thời đại của chúng ta, chính những nhà nghiên cứu nghiêm chỉnh mới là những người duy nhất có tín ngưỡng sâu xa.

ĐẠO NGHIÊN CỨU

Các bạn sẽ khó có thể tìm được một đầu óc khoa học sâu lắng nào mà không có Đạo riêng. Nhưng cái Đạo ấy lại khác hẳn với cái đạo của những người ngây thơ cả tin. Đối với những người ấy, Thượng đế là một hữu thể¹⁶ mà họ hy vọng được che chở, kẻ khiến họ sợ hãi bị trừng phạt (một dạng thăng hoa của tình cảm cha con), một hữu thể mà, ở một mức độ nhất định, vẫn có quan hệ cá nhân với họ, cho dù đó là một quan hệ thuộc loại đáng tôn kính đến đâu đi nữa.

Song nhà nghiên cứu thì thấu hiểu tính nhân quả của tất cả các hiện tượng. Đối với anh ta, tương lai không hề kém tất yếu hay kém xác

¹⁶ hữu thể: ein Wesen. Cũng giống với chữ "Wesen" (hình nhân) ở phần chú thích (15), nhưng ở đây, tôi đồng ý với đề nghị của Bùi Văn Nam Sơn, dịch là "hữu thể" trong toàn bài. (Đinh Bá Anh)

định hơn quá khứ. Đạo lý không phải là một sự vụ của Thượng đế mà thuần túy là một sự vụ của con người. Đạo của anh ta là sự kinh ngạc ngất ngây trước sự hài hòa của tính quy luật tự nhiên, nơi tỏa rạng một lý tính ưu việt, đến nỗi đối diện với ánh hào quang ấy, tất cả những gì đáng kể trong tư tưởng và sự sắp đặt của con người chỉ là một ánh hồi quang hoàn toàn hư ảo mà thôi. Khi vượt qua được cõi nô lệ của tham vọng cá nhân, cảm thức ấy sẽ là cảm thức chủ đạo dẫn dắt cuộc đời và nỗ lực của anh ta. Không nghi ngờ gì hết, cảm thức này có liên hệ rất gần gũi với cảm thức ngự trị trong những nhà sáng lập tôn giáo của mọi thời đại.

THIÊN ĐƯỜNG ĐÁNH MẮT

Nhận định dưới đây được Einstein gửi tới Hội Quốc Liên thời gian ngắn sau khi Hội được thành lập năm 1919 ở Genf (năm 1946, Hội được đổi tên thành Liên Hiệp Quốc). Nhận định cho thấy, ngay từ ngày đó Einstein đã cảm thấy thất vọng về sự phản bội của giới chính trị và một bộ phận của giới trí thức trước học thuật.

Ở thế kỷ XVII, các nhà khoa học và các nghệ sĩ toàn châu Âu vẫn còn gắn kết chặt chẽ với nhau bởi một sợi dây lý tưởng chung, khiến sự cộng tác trong công việc của họ gần như không bị ảnh hưởng bởi các sự kiện chính trị. Tiếng

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Latinh được sử dụng rộng rãi càng cùng cố cộng đồng này. Hôm nay chúng ta nhìn lại thời đó như nhìn lại một thiên đường đã mất. Những tham vọng dân tộc đã phá hỏng cộng đồng học thuật, còn tiếng Latinh, ngôn ngữ đã thống nhất tất cả, giờ đây đã chết. Những nhà khoa học, những người đã trở thành đại diện cho những truyền thống dân tộc cực đoan nhất, đã đánh mất ý thức về cộng đồng.

Hôm nay, chúng ta đứng trước một thực tế đáng sợ là các nhà chính trị, những người thực dụng, đã trở thành đại diện của tinh thần quốc tế. Vâng, chính họ là những người đã lập ra Hội Quốc Liên.

SỰ CẦN THIẾT CỦA VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC

Lời chúc mừng của Einstein gửi tới "Ethical Cultural Society" (Hội văn hóa đạo đức) tại New York nhân ngày sinh nhật thứ 75 của Hội: 6.1.1876 - 6.1.1951.

Nhân dịp kỷ niệm này, tôi thấy nhất thiết phải gửi tới "Hội văn hóa đạo đức" của Ngài lời chúc mừng an lành và thành công. Hẳn nhiên đây không phải dịp để chúng ta có thể thỏa mãn nhìn lại những gì đã đạt được trong những nỗ lực chân thành ở lĩnh vực đạo đức suốt 75 năm qua. Bởi chúng ta không thể nói rằng, vị trí của

đạo đức trong cuộc sống con người hôm nay về cơ bản đã khá hơn hẳn so với năm 1876.

Ngày đó ngự trị quan niệm cho rằng, ta có thể đặt tất cả hy vọng vào sự khai sáng những sự thật có thể được xác minh một cách khoa học¹⁷, cũng như hy vọng vào sự đấu tranh chống lại các định kiến và mê tín. Tất cả những điều đó trên thực tế là quan trọng và xứng đáng với nỗ lực của những con người xuất sắc nhất. Theo hướng này, 75 năm qua, nhiều thành tựu đã đạt được và được truyền bá rộng rãi nhờ văn học và sân khấu.

Nhưng nếu chỉ dẹp bỏ các chương ngại không thôi thì chưa thể dẫn tới việc nâng cao phẩm giá con người trong đời sống xã hội và đời sống cá thể. Bên cạnh tác động tiêu cực (có tính phủ định - ND) này, nỗ lực tích cực (có tính khẳng định - ND) hướng tới việc xây dựng một cộng đồng với các nguyên tắc đạo đức - luân lý vẫn có ý nghĩa cực kỳ to lớn. Trong lĩnh vực này, không có môn khoa học nào có thể "giải thoát" cho chúng ta được. Tôi thậm chí còn tin rằng, việc quá đề cao quan điểm "trí thức thuần túy" - quan điểm thường chú trọng vào các khía cạnh cụ thể và thực tiễn trong nền giáo dục của chúng ta - đã trực tiếp dẫn tới việc làm nguy hại các giá

¹⁷ sự khai sáng những sự thật có thể được xác minh một cách khoa học: Aufklaerung wissenschaftlich konstatierbarer Tatsachen.

trị đạo đức. Ở đây tôi không nghĩ nhiều về các mối hiểm họa mà tiến bộ kỹ thuật đã trực tiếp mang đến nhân loại cho bằng sự xơ cứng hóa trong giao tiếp bởi lối nghĩ "thực dụng"¹⁸, lối nghĩ đã như một màn băng giá phủ lên các quan hệ giữa người với người.

Hoàn thiện nhân cách về đạo đức và thẩm mỹ là mục đích gần gũi với những nỗ lực của nghệ thuật hơn là của khoa học. Hiểu được người khác có thể là quan trọng, nhưng sự hiểu này chỉ có ích khi nó được hậu thuẫn bằng lòng cảm thông, bằng sự sẻ chia sướng khổ. Việc chăm sóc những động lực quan trọng nhất này của lối sống đạo đức chính là những gì còn lại của tôn giáo - sau khi nó đã được gột sạch bởi những trò mê tín. Theo nghĩa này, tôn giáo tạo thành một phần quan trọng trong giáo dục, phần đang được quan tâm quá ít, và đặc biệt, quá ít được chú trọng một cách có hệ thống.

Sự nan giải đáng lo ngại trong tình hình chính trị thế giới hiện nay có liên quan mật thiết tới các lỗi lầm vì đã không chịu làm những gì đáng lẽ phải làm của nền văn minh chúng ta. Không có "văn hóa đạo đức" thì không thể có sự cứu vãn cho nhân loại.

¹⁸ Nguyên văn: ein "matter of fact" - Denken. Lối nghĩ "thực dụng" hay lối nghĩ "duy sự kiện"

Albert Einstein

CHỦ NGHĨA PHÁT XÍT VÀ KHOA HỌC

Alfredo Rocco (1875-1935) đương thời là một luật gia có ảnh hưởng lớn, người đã thiết lập hệ thống luật pháp cho Nhà nước phát xít Ý. Trong thời gian làm bộ trưởng Bộ Văn hóa Ý từ 1925 đến 1932, Rocco còn viết nhiều tác phẩm lý luận cho chủ nghĩa phát xít. Rocco cũng từng giữ ghế hiệu trưởng Đại học Roma. Bức thư Einstein gửi cho Rocco dưới đây được viết trong thời gian Rocco làm bộ trưởng.

Thưa Ngài đồng nghiệp kính mến!

Hai nhà khoa học quan trọng nhất và đáng kính nhất của nước Ý vừa tìm đến tôi trong cơn bối rối vì xung đột lương tâm và đề nghị tôi nên viết thư cho Ngài, hầu mong ngăn chặn một sự nghiêm trị tàn bạo đang đe dọa các học giả Ý. Đó là một thể thức bắt buộc thể nguyện trung thành với thể chế phát xít. Lời đề nghị của tôi là, Ngài hãy vui lòng chuyển tới Mussolini lời khuyên rằng, ông ta nên miễn cho những tinh hoa của trí tuệ nước Ý khỏi sự hạ nhục này.

Cho dù xác tín chính trị của chúng ta có khác nhau thế nào đi nữa, tôi biết rằng chúng ta vẫn nhất trí với nhau ở một điểm cơ bản: cả hai chúng ta đều nhìn nhận và yêu mến cái tài sản quý giá nhất của chúng ta ở trong những tinh hoa của sự phát triển học thuật châu Âu. Những tinh hoa ấy đặt cơ sở trên tự do xác tín và tự do học thuật, trên nguyên lý: nỗ lực tìm kiếm sự thật phải được

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

đặt cao hơn tất cả những nỗ lực khác. Chỉ trên nền tảng này, nền văn hóa của chúng ta mới đã có thể nảy nở ở Hy Lạp và mới hân hoan chào đón sự hồi sinh mạnh mẽ ở Ý thời Phục Hưng. Tài sản tối cao ấy đã phải trả bằng máu tử đạo của biết bao con người thánh thiện và vĩ đại, và cũng nhờ đó mà nước Ý hôm nay vẫn còn được yêu mến và kính nể.

Tôi thật không dám nói phải trái với Ngài về việc nhà nước được phép có những biện pháp can thiệp nào vào tự do của con người. Nhưng cái nỗ lực hướng tới sự thật khoa học, thoát khỏi những lợi ích thực tiễn của đời thường, cần được mọi quyền lực nhà nước trân trọng; và lợi ích tối thượng của tất cả là hãy để cho những người phụng sự chân thành cho chân lý được yên. Điều này chắc chắn cũng nằm trong lợi ích của nhà nước Ý và uy tín của nó trên trường quốc tế.

VỀ TỰ DO HỌC THUẬT

Giáo sư Emil Julius Gumbel là một giảng viên đáng kính của Đại học Heidelberg từ 1923 đến 1932. Năm 1931, sau khi công bố một số tài liệu liên quan đến những bê bối chính trị của nước Đức, ông trở thành đối tượng bị bêu riếu và tẩy chay bởi các sinh viên cánh hữu (những sinh viên theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan). Thời gian này, Einstein đã hết mình ủng hộ Gumbel. Dưới đây là bài phát biểu của

Albert Einstein

Einstein trong một cuộc họp nhân "Vu Gumbel" năm 1931.

Bục giảng thì nhiều nhưng thầy giỏi và cao quý thì hiếm. Giảng đường thì nhiều và rộng, nhưng số người trẻ tuổi thành thật khao khát chân lý và lẽ công bằng thì ít. Tạo hóa hào phóng vun ra vô số sản vật, nhưng chỉ hy hữu mới sản sinh ra vài hạt giống tốt.

Điều đó chúng ta ai cũng biết cả, vậy còn than vãn làm chi? Chẳng phải đã luôn thế và sẽ luôn thế hay sao? Hẳn vậy, và người ta phải chấp nhận cái mà tạo hóa ban cho họ, đúng như nó vốn thế. Song bên cạnh đó còn có một tinh thần thời đại, một lý tưởng đặc thù của thế hệ, lý tưởng được truyền từ người này qua người khác, mang lại dấu ấn tiêu biểu cho một cộng đồng. Mỗi chúng ta cần đóng góp phần nhỏ bé của mình cho sự chuyển đổi của tinh thần thời đại ấy.

Các bạn hãy so sánh cái tinh thần thấm nhuần trong giới trẻ hàn lâm cách đây một trăm năm với tinh thần của giới trẻ hôm nay! Đã từng có một niềm tin về sự cải thiện xã hội loài người, từng có sự kính trọng trước mỗi quan điểm chân thật, từng có sự khoan dung cởi mở mà vì chúng, các nhà cổ điển của chúng ta đã sống và chiến đấu. Ngày đó, đã từng có một nỗ lực hướng tới sự thống nhất rộng lớn về chính trị với tên gọi Nước

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Đức, và lý tưởng ấy được nuôi dưỡng trong giới trẻ hàn lâm và giảng viên đại học.

Ngày hôm nay cũng đang có một nỗ lực hướng tới tiến bộ xã hội, hướng tới sự khoan dung cởi mở và tự do tư tưởng, tới sự thống nhất rộng lớn hơn nữa về chính trị với tên gọi Châu Âu. Nhưng hôm nay, giới trẻ hàn lâm lại không phải là giới gánh vác hi vọng và lý tưởng của dân tộc, cũng tương tự như giới giảng viên đại học. Bất kỳ ai có cái nhìn lạnh lùng và tinh táo về thời đại của chúng ta đều phải thú nhận điều đó.

Hôm nay chúng ta đến đây để cùng nhau nghĩ lại về chính chúng ta. Lý do ngoại cảnh của việc tụ họp này là "Vụ Gumbel". Con người đầy ý thức về lẽ phải ấy, bằng sự tận tâm hết mình, bằng sự dũng cảm lớn lao, và bằng tính khách quan mẫu mực, đã viết về những tội ác chính trị không bị trừng phạt; ông đã đóng góp lớn cho xã hội bằng những cuốn sách của mình. Hôm nay chúng ta chứng kiến, con người này đang bị đấu tố và bị tìm cách xua đuổi bởi giới sinh viên và phần nào đó, cả bởi tập thể giáo viên của trường đại học nơi ông làm việc.

Nhiệt tình chính trị không thể được phép đi quá đà như vậy. Tôi tin rằng bất kỳ người nào từng đọc sách của Gumbel với tinh thần cởi mở đều có cảm nghĩ giống tôi. Chúng ta cần những người như vậy, nếu chúng ta muốn hướng tới một cộng đồng chính trị lành mạnh.

Mỗi người hãy phán xét theo sự cân nhắc của bản thân, dựa trên những gì chính mắt mình đọc được, chứ không phải theo những điều người khác nói!

Nếu được thế, "Vụ Gumbel" sau hồi đầu không lấy gì làm hay ho vẫn có thể có tác động tốt đẹp.

NHỮNG BIỆN PHÁP CỦA TÒA ÁN DỊ GIÁO TÂN THỜI¹⁹

Ngày 2.5.1953, William Frauenglass, một giảng viên đại học ở Brooklin, gửi tới ban biên tập tờ "New York Herald Tribune" một bài viết than phiền về việc ông bị đối xử phi dân chủ và bị quy kết vào tội danh chính trị. Một "ủy ban chống cộng" của Mỹ đã nghe trộm điện thoại và cho rằng Frauenglass đã có những liên hệ với cộng sản khi ông tham gia vào một khóa đào tạo giáo viên năm 1947. Mặc dù bị đe dọa đuổi việc, Frauenglass vẫn cứng rắn từ chối đưa ra bất kỳ mối liên hệ chính trị nào. Trong hoàn cảnh cô độc ấy, ông đã viết một bức thư gửi Giáo sư Einstein để nhờ Einstein can thiệp vào vụ việc. Bài viết mạnh mẽ dưới đây của Einstein xuất hiện trên tờ "New York Herald Tribune" ngày 12.6.1953 - cùng với lời xác

¹⁹ Neutzeitliche Inquisitionsmethoden: Tòa án dị giáo thời Trung cổ của giáo hội Cơ đốc chuyên dùng các biện pháp truy bức và nhục hình. Ở đây, Einstein dùng theo nghĩa so sánh mỉa mai.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

quyết qua điện thoại, rằng nếu ở hoàn cảnh của Frauenglass, chính Einstein cũng từ chối đưa ra bất kỳ thông tin nào - đã gây ra một cơn chấn động trên báo chí Mỹ và thế giới, góp phần làm lạnh mạnh hóa đời sống học thuật ở nước này.

Vấn đề đang đặt ra với giới trí thức nước nhà một vấn đề hết sức nghiêm trọng. Bằng việc hù dọa về các nguy cơ bên ngoài, đám chính trị gia phản động đã thành công trong việc làm cho dân chúng nghi ngờ tất cả những nỗ lực trí thức. Dựa vào thành công này, họ đang tiến hành đàn áp tự do học thuật và truy đuổi tất cả những ai dám kháng cự ra khỏi vị trí công việc của họ, nghĩa là để họ chết đói.

Vậy thì, thiếu số trí thức cần phải làm gì để chống lại trò bi ối này? Nói thật, tôi chỉ nhìn thấy duy nhất một con đường, con đường cách mạng: con đường bất hợp tác như cách Gandhi đã làm. Mỗi trí thức cần phải từ chối khai báo nếu bị thẩm vấn bởi một ủy ban nào đó; nghĩa là phải sẵn sàng chịu giam cầm và kiệt quệ về kinh tế. Nói ngắn gọn: phải hy sinh những lợi ích cá nhân cho những lợi ích văn hóa của đất nước.

Nhưng sự từ khước hợp tác này không được phép dựa trên thủ thuật quen thuộc là tự quy tội cho chính mình, mà phải dựa trên ý thức rằng, một công dân trong sạch thấy mình bị xúc phạm khi phải hứng chịu một thứ tòa án dị giáo kiểu

như thế, và rằng thứ tòa án dị giáo này vi phạm tinh thần của Hiến pháp. Nếu tìm được đủ số người sẵn sàng đi con đường khó khăn này, thành công sẽ đến với họ. Nếu không, giới trí thức nước nhà sẽ chẳng đáng được hưởng cái gì khác hơn ngoài sự nô lệ mà người ta đã sắp sẵn cho họ.

GIÁO DỤC TƯ DUY ĐỘC LẬP

Tổng hợp từ một bài trả lời phỏng vấn của Einstein trên tờ "New York Times", mùa thu năm 1952.

Dạy cho con người một chuyên ngành thì chưa đủ. Bởi bằng cách đó, anh ta tuy có thể trở thành một cái máy khả dụng nhưng không thể trở thành một con người với đầy đủ phẩm giá. Điều quan trọng là anh ta phải được dạy để có một cảm thức sống động về cái gì là đáng để phấn đấu trong cuộc đời. Anh ta phải được dạy để có một ý thức sống động về cái gì là đẹp và cái gì là thiện. Nếu không, với kiến thức được chuyên môn hóa của mình, anh ta chỉ giống như một con chó được huấn luyện tốt hơn là một con người được phát triển hài hòa. Anh ta cần phải học để hiểu những động cơ của con người, hiểu những ảo tưởng và những nỗi thống khổ của họ để tìm được một thái độ ứng xử đúng đắn với từng con người đồng loại của mình cũng như với cộng đồng.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Những điều trân quý đó được truyền cho thế hệ trẻ nhờ quan hệ trực tiếp với người thầy, chứ không phải - hoặc không phải chính yếu - qua sách vở. Đó là cái trước tiên làm nên văn hóa và bảo tồn văn hóa. Tôi luôn nghĩ tới điều đó khi tôi khuyến cáo rằng những "humanities"²⁰ là quan trọng chứ không phải kiến thức chuyên ngành khô khan trong lĩnh vực lịch sử và triết học.

Quá nhấn mạnh đến hệ thống ganh đua cũng như chuyên ngành hóa quá sớm vì tính hữu dụng trực tiếp sẽ giết chết tinh thần. Trong khi đó, tất cả đời sống văn hóa và rốt cục, cả những tinh hoa của các ngành khoa học chuyên biệt cũng lại phụ thuộc vào tinh thần ấy.

Ngoài ra, một điều nữa cũng thuộc về bản chất của một nền giáo dục có giá trị là lối tư duy phê phán độc lập phải được phát triển ở những người trẻ tuổi - một sự phát triển đang bị đe dọa trầm trọng bởi sự nhồi nhét (hệ thống điểm số). Giáo dục nhồi nhét tất yếu dẫn tới sự nông cạn và vô văn hóa. Cần có cách dạy làm sao để học sinh cảm thấy những điều họ được học là một quà tặng quý giá chứ không phải là một nhiệm vụ ngán ngấm.

²⁰ Tiếng Anh trong nguyên bản: chỉ các môn học "nhân văn" như văn học, nghệ thuật Hy-La...

GIÁO DỤC VÀ NHÀ GIÁO

Một cô gái gửi thư đến cho Einstein, kèm theo tập bản thảo dày kể về những bức bối của cô ta trong trường đại học và nhờ Einstein góp ý. Đây là thư trả lời của Einstein:

Quý cô thân mến!

Tôi đã đọc tập bản thảo gần 16 trang của cô và phải cười thầm. Tất cả đều thể hiện sự thông minh, óc quan sát, sự thật thà, và ở chừng mực nào đó - khá độc lập, song vẫn rất đặc thù phụ nữ, nghĩa là phụ thuộc và đầy bức bối. Tôi cũng từng bị các thầy giáo đối xử tương tự, những người không thích tôi vì tính độc lập của tôi; và khi xét tuyển người trợ giảng, họ đã phớt lờ tôi (dĩ nhiên khi là sinh viên, tôi cũng thuộc loại bừa bãi hơn cô đấy, tôi phải nói thật). Song tôi chẳng nhọc sức kể lể về những trải nghiệm thời đi học của mình, tôi lại càng không muốn chịu trách nhiệm về việc đưa nó cho ai đó in ấn hoặc thậm chí đọc nó. Hơn nữa, người ta luôn tạo hình ảnh xấu khi đi than phiền về người khác, những kẻ vốn đang hết hơi trong cái vẻ ngoài chùn chu của họ.

Thôi, cô hãy nhét tính khí của mình vào cặp và hãy giữ cái bản thảo ấy cho con cái mai sau, để chúng tìm được trong ấy đôi điều an ủi - và

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

để chúng phẩy tay vào những gì thầy giáo nói với chúng hoặc nghĩ về chúng.²¹

Có điều tôi đến Princeton này vì công việc nghiên cứu chứ không phải với tư cách nhà giáo dục. Giáo dục nhiều quá! - đặc biệt trong các trường học của Mỹ. Chẳng có một nền giáo dục hợp lý nào khác để làm gương mẫu đâu, [nhưng] nếu tình hình không thay đổi, thì quả là một gương mẫu đáng sợ.²²

GỬI CÁC EM HỌC SINH NHẬT BẢN

Sau chuyến thăm Trung Quốc, Einstein tới thành phố Kobe của Nhật Bản lần đầu vào ngày 20.11.1922. Trước khi rời đất nước mặt trời vào tháng 1 năm 1923, Einstein đã có cuộc trao đổi ngắn với Hoàng hậu Nhật bằng tiếng Pháp. Lời chúc mừng gửi các em học sinh Nhật Bản dưới đây được Einstein viết sau khi ông quay về Đức.

Khi tôi gửi tới các em - những học sinh Nhật Bản - lời chào này, là tôi có quyền đặc biệt để làm thế đấy nhé. Bởi đích thân tôi đã tới thăm đất nước Nhật Bản xinh đẹp của các em; tôi đã nhìn

²¹ Nguyên văn: drauf pfeifen: huýt sáo [về những điều thầy giáo nói với chúng hoặc nghĩ về chúng]

²² Nguyên văn: Es gibt keine andere vernuenftige Erziehung, als Vorbild sein, wenn's nicht anders geht, ein abschreckendes.

Albert Einstein

thấy những thành phố, những ngôi nhà, những ngọn núi và những cánh rừng; đã thấy ở đó những cô bé, cậu bé Nhật Bản nuôi dưỡng tình yêu quê hương mình. Trên bàn làm việc của tôi luôn đặt một cuốn sách lớn đầy những họa phẩm màu của trẻ em Nhật Bản.

Khi các em ở nơi xa xôi ấy đón nhận lời chào của tôi, các em hãy nghĩ rằng, phải ở thời đại chúng ta, con người từ nhiều quốc gia khác nhau mới có thể tiếp xúc với nhau một cách vui vẻ và hiểu biết, trong khi trước đây các dân tộc ở đâu sống đó, không hiểu biết, thậm chí sợ hãi hoặc thù ghét lẫn nhau. Mong rằng tình huynh đệ hiểu biết giữa các dân tộc ngày càng được bám rễ bền chặt! Trong tinh thần ấy, ông già này xin gửi lời chào tới các em - những học sinh Nhật Bản ở nơi xa xôi, và hy vọng một ngày kia thế hệ các em sẽ khiến thế hệ chúng tôi phải hổ thẹn.

THẤY VÀ TRÒ

Bài phát biểu trước các em học sinh dưới đây được Einstein công bố chính thức trong lần xuất bản đầu tiên của cuốn "Mein Weltbild", Amsterdam, 1934.

Nghệ thuật quan trọng nhất của người thầy là đánh thức niềm vui trong lao động và trong nhận thức.

Các em học sinh thân mến!

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Tôi vui mừng được thấy các em tụ hội về đây ngày hôm nay, tuổi trẻ vui tươi của một đất nước đầy nắng ấm và an lành.

Hãy nghĩ rằng những điều tuyệt diệu mà các em được làm quen ở trường là thành quả của nhiều thế hệ, được tạo dựng nhờ khát vọng hăng say với nhiều nỗ lực từ mọi nơi trên thế giới. Tất cả được trao vào tay các em như phần gia tài thừa kế, để các em đón nhận, trân trọng, tiếp tục trau dồi và một ngày kia, trung thành trao lại vào tay con cháu các em. Bằng cách đó, những con người trần thế chúng ta sẽ trở thành bất tử trong những thành quả để lại, những thành quả mà chúng ta cùng nhau tạo dựng.

Nếu các em luôn nghĩ tới điều đó, các em sẽ tìm thấy ý nghĩa trong cuộc sống và trong nỗ lực của mình. Các em cũng sẽ tìm được thái độ ứng xử đúng đắn với các dân tộc và các thời đại khác.

CÁC KHÓA ĐÀO TẠO Ở DAVOS

Mùa thu năm 1927, Giáo sư Gottfried Salomon đưa ra kế hoạch tổ chức hàng năm một hội nghị quốc tế dành cho các học giả và học viên tại Davos (Thụy Sĩ), nhằm đóng góp thiết thực cho sự hòa hợp giữa các dân tộc. Hội nghị đầu tiên diễn ra từ 18.3. đến 14.4.1928, quy tụ 49 diễn giả từ bốn nước và 250 thính giả. Hội nghị thứ hai và thứ ba vào các năm 1929 và 1930 diễn ra dưới sự chủ trì của Hội đồng

Liên bang Thụy Sĩ. Nhưng sau đó, dưới áp lực của các xu hướng dân tộc cực đoan, các hội nghị tiếp theo đã không được tổ chức. Bài phát biểu của Einstein dưới đây được tác giả đọc tại Lễ khai mạc Hội nghị, ngày 18.3.1928 tại Davos.

Senators boni viri, senatus autem bestia.²³
Một người bạn của tôi vốn là một giáo sư ở Thụy Sĩ đã viết những lời nóng nảy như vậy gửi tới một khoa của trường đại học (khoa này đã chọc giận ông ta). Nói chung, tập thể thường kém hơn cá nhân về ý thức trách nhiệm cũng như lương tri. Thực tế đó đã gây cho nhân loại biết bao khổ đau: chiến tranh và đàn áp dưới mọi hình thức đã khiến Trái Đất chìm ngập trong đau đớn, khóc than và oán hận!

Song, chỉ nhờ vào sự tác động tập thể không mang tính cá nhân của rất nhiều người, một cái gì đó thực sự chân quý mới có thể được tạo dựng. Vì thế, niềm vui lớn nhất với kẻ yêu mến con người²⁴ là được thấy một công cuộc tập thể được thành hình và gây dựng với bao hy sinh lớn lao với mục đích duy nhất là góp phần thúc đẩy đời sống và văn hóa.

²³ Tiếng Latin: "Nghị viên đều là những người tốt, nhưng Nghị viện là một con quái vật."

²⁴ kẻ yêu mến con người: Menschenfreund (Philanthrop), khác với kẻ thù ghét con người: Menschenfeind (Misanthrop).

THỂ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Tôi đã được hưởng niềm vui trong lành đó khi nghe kể về các khóa đào tạo đại học ở Davos. Đó là một công trình cứu trợ được tổ chức thông minh với những hạn định sáng suốt dựa trên một nhu cầu cấp thiết, dù không phải ai cũng dễ nhận ra điều đó. Lâu nay, có những người trẻ tuổi tìm đến thung lũng này vì hy vọng vào khả năng chữa bệnh của mặt trời vùng núi, và sức khỏe của họ được phục hồi. Nhưng sau thời gian dài thoát ly khỏi lao động trui rèn ý chí thường nhật và mãi mê bận tâm về thể trạng, thì sự dẻo dai về tinh thần và ý thức về việc cuộc đấu tranh vì cuộc sống cũng có giá trị không thua kém sức khỏe thể chất cũng dễ mất đi. Anh ta trở nên giống như cái cây trong nhà kính, sau thời hồi phục sức khỏe thể chất, khó có thể tìm về cuộc sống bình thường. Điều này đặc biệt đúng với các sinh viên trẻ. Việc gián đoạn trong hoạt động rèn luyện trí tuệ ở những năm then chốt để để lại một lỗ hổng mà sau này khó có thể lấp đầy được nữa.

Công việc trí tuệ, khi được thực hành điều độ, sẽ không ảnh hưởng đến sức khỏe nói chung, thậm chí còn gián tiếp có tác dụng tốt, tương tự như công việc cơ bắp điều độ vậy. Theo nhận thức ấy, các khóa đào tạo được thành lập ở Davos không chỉ chú trọng đến đào tạo nghiệp vụ, mà còn có mục đích kích thích hoạt động tinh thần. Vâng, nó có nhiệm vụ cung ứng lao động, đào tạo và cả vệ sinh nữa trong lĩnh vực tinh thần.

Và chúng ta đừng quên rằng, công cuộc này đã đóng góp xuất sắc vào việc khuyến khích quan hệ giữa các dân tộc khác nhau có lợi trong việc tăng cường ý thức cộng đồng của châu Âu. Tác dụng của định chế mới theo hướng ấy ắt sẽ còn thuận lợi hơn nữa khi ngay từ đầu, nó đã tỏ ra loại trừ mọi ý đồ chính trị. Người ta đóng góp được nhiều nhất cho sự hòa hợp quốc tế khi họ cùng làm việc vì một công trình chung.

Từ tất cả những điểm trên, tôi vui mừng thấy rằng năng lực cũng như trí tuệ của Tổ chức các khóa đào tạo tại Davos đã làm được nhiều việc, đã vượt qua được những khó khăn ban đầu. Mong rằng nó sẽ phát triển, mang lại sự phong phú tâm hồn cho thật nhiều con người đáng quý và giải thoát cho không ít người ra khỏi cảnh phải sống trong viện điều dưỡng!

BÀI PHÁT BIỂU

TRƯỚC MỘ H. A. LORENTZ (1853-1928)

H. A. Lorentz sinh năm 1853 ở Arnhem, Hà Lan. Từ 1878 tới khi qua đời (1928), ông giảng dạy vật lý tại Đại học Leiden. Cùng với người đồng hương Pieter Zeemann, ông được trao giải Nobel vật lý năm 1902.

Với tư cách đại diện cho giới học giả khu vực Đức ngữ nói chung và Viện Hàn lâm Khoa học Phổ nói riêng, song trước hết với tư cách một

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

học trò và một người ngưỡng mộ, tôi đứng trước mộ của con người vĩ đại và cao quý nhất thời đại chúng ta. Trí tuệ sáng rực của ông đã soi đường cho vật lý, từ thuyết Maxwell tới những phát minh hiện đại - những phát minh mà ông đã có đóng góp quan trọng về nền tảng và phương pháp.

Ông đã tổ chức cuộc đời mình như một tuyệt tác nghệ thuật, tới từng chi tiết nhỏ nhất. Lòng tốt và sự rộng lượng không bao giờ cạn kiệt, ý thức về sự công bằng, cùng với sự hiểu biết bằng linh cảm chắc chắn về con người và các mối quan hệ xã hội, khiến ông ở đâu cũng được tôn làm thủ lĩnh. Tất cả đều vui vẻ theo ông, bởi họ cảm nhận được, rằng ông không bao giờ muốn ngự trị mà chỉ muốn phục vụ. Mong sự nghiệp và tấm gương của ông sẽ còn sống mãi để soi sáng và mang lại phúc lành cho nhiều thế hệ.

HOẠT ĐỘNG CỦA H. A. LORENTZ TRONG CÔNG VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Cùng với sự chuyên môn hóa cao độ trong nghiên cứu khoa học, một điểm đặc thù gắn với thế kỷ XIX, ngày càng hiếm có những cá nhân vừa giữ vai trò đầu tàu trong một ngành khoa học vừa còn đủ sức lực để đảm nhận những công vụ cao quý cho cộng đồng trong lĩnh vực tổ chức quốc tế và chính trị. Để làm được điều đó, người ta không chỉ cần sức lực, tầm nhìn và

uy tín do những thành tựu cá nhân mang lại, mà còn cần những phẩm chất khác nữa - những phẩm chất đang ngày càng trở nên hiếm hoi: tính độc lập trước các định kiến dân tộc và sự tận tâm cống hiến cho mục đích chung của nhân loại. Tôi chưa từng biết ai hội tụ được các phẩm chất này một cách hoàn hảo như ở H. A. Lorentz. Song, điều kỳ diệu trong ảnh hưởng của nhân vật này lại ở chỗ: những nhân cách độc lập và đầy cá tính, như ta thường thấy ở các học giả, không thích khuất phục dưới ý chí của người khác và hầu như không muốn bị chỉ đạo; thế mà khi Lorentz ngồi vào ghế chủ tịch, ông luôn tạo dựng được một không khí cộng tác vui vẻ, cho dù những người ngồi đó có khác nhau về mục đích và cách nghĩ đến thế nào đi nữa. Bí mật của thành công này không chỉ nằm ở khả năng hiểu biết nhanh chóng về con người và sự vật, trong sự làm chủ ngôn từ xuất sắc, mà trước hết là ở chỗ: người ta có cảm nhận rằng Lorentz luôn hết lòng lo cho bốn phận, và trong công việc, ông cũng dành toàn tâm toàn ý để hoàn thành bốn phận ấy. Không gì có thể khiến những nhân cách ương bướng chịu khuất phục bằng những phẩm chất ấy.

Trước chiến tranh, hoạt động trong công vụ quốc tế của Lorentz giới hạn trong việc chủ trì các hội nghị vật lý, đặc biệt phải kể đến là các hội nghị Solvay (hai hội nghị đầu tiên diễn ra năm 1909 và 1911 ở Bruxelles). Rồi chiến tranh châu

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

học trò và một người ngưỡng mộ, tôi đứng trước mộ của con người vĩ đại và cao quý nhất thời đại chúng ta. Trí tuệ sáng rực của ông đã soi đường cho vật lý, từ thuyết Maxwell tới những phát minh hiện đại - những phát minh mà ông đã có đóng góp quan trọng về nền tảng và phương pháp.

Ông đã tổ chức cuộc đời mình như một tuyệt tác nghệ thuật, tới từng chi tiết nhỏ nhất. Lòng tốt và sự rộng lượng không bao giờ cạn kiệt, ý thức về sự công bằng, cùng với sự hiểu biết bằng linh cảm chắc chắn về con người và các mối quan hệ xã hội, khiến ông ở đâu cũng được tôn làm thủ lĩnh. Tất cả đều vui vẻ theo ông, bởi họ cảm nhận được, rằng ông không bao giờ muốn ngự trị mà chỉ muốn phục vụ. Mong sự nghiệp và tấm gương của ông sẽ còn sống mãi để soi sáng và mang lại phúc lành cho nhiều thế hệ.

HOẠT ĐỘNG CỦA H. A. LORENTZ TRONG CÔNG VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Cùng với sự chuyên môn hóa cao độ trong nghiên cứu khoa học, một điểm đặc thù gắn với thế kỷ XIX, ngày càng hiếm có những cá nhân vừa giữ vai trò đầu tàu trong một ngành khoa học vừa còn đủ sức lực để đảm nhận những công vụ cao quý cho cộng đồng trong lĩnh vực tổ chức quốc tế và chính trị. Để làm được điều đó, người ta không chỉ cần sức lực, tầm nhìn và

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Âu bùng nổ. Có thể coi cuộc chiến này là một đòn đánh nặng đôi với tất cả những ai nặng lòng với sự tiến bộ trong quan hệ giữa người với người nói chung. Ngay trong chiến tranh, và nhất là sau khi chiến tranh kết thúc, Lorentz đã đặt mình vào công cuộc hòa giải quốc tế. Những nỗ lực của ông có ý nghĩa đặc biệt trong việc tái thiết lập một sự hợp tác hữu hảo và phồn thịnh giữa các học giả và hiệp hội khoa học. Công việc này khó khăn thế nào, ai không ở trong cuộc không thể tưởng tượng được. Sự thù hận tích tụ trong cuộc chiến vẫn còn kéo dài, và nhiều người có thể lực, dưới sức ép của các mối quan hệ ngoại cảnh, vẫn tiếp tục co mình trong thái độ bất hòa giải. Có thể coi nỗ lực của Lorentz giống như nỗ lực của một thầy thuốc phải điều trị một bệnh nhân miễn cưỡng, kẻ không muốn uống thuốc đặc trị được chuẩn bị sẵn sàng cho mình.

Song Lorentz không để mình nhụt chí một khi ông nhận ra rằng con đường ông lựa chọn là đúng. Ngay sau chiến tranh, ông tham gia vào đoàn chủ tịch của "Conseil de recherche" - hội đồng nghiên cứu được thành lập bởi các học giả của các nước thắng trận, nhưng loại trừ các học giả và nhân sự của các "cường quốc trung tâm"²⁵. Sau bước đi này, bước đi khiến ông bị mất lòng bởi các học giả của các "cường quốc trung tâm",

²⁵ Chỉ các nước vốn thuộc "phe trục" trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai (gồm: Đức, Áo, Hung...)

ông đã theo đuổi mục đích: gây ảnh hưởng đến Hội đồng để nó được mở rộng thành một tổ chức quốc tế thực sự. Ông cùng những người có thiện chí như ông đã thành công sau nhiều nỗ lực loại bỏ các "điều khoản loại trừ" bất hợp lý trong Điều lệ của "Hội đồng". Có điều mục đích tái thiết lập sự cộng tác bình thường và hiệu quả giữa các hội học giả thì vẫn chưa đạt được, bởi sau gần mười năm giận dữ vì không được tham gia vào các hội nghị khoa học quốc tế, các học giả của các "cường quốc trung tâm" đã quen với thái độ bất cộng tác. Dù vậy, chúng ta vẫn có một hy vọng đầy cơ sở, là qua các nỗ lực khéo léo, tận tình vì mục đích chung của Lorentz, lớp băng đó sẽ sớm tan trong thời gian tới.

H. A. Lorentz còn cố gắng sức lực của mình cho các mục tiêu học thuật quốc tế bằng cách tán thành bầu chọn một "Hội đồng cộng tác học thuật quốc tế", trực thuộc Hội Quốc Liên. Hội đồng này đã ra đời cách đây 5 năm dưới sự chủ trì của Bergson. Từ một năm nay, H. A. Lorentz trở thành chủ tịch của Hội đồng này. Với sự ủng hộ thiết thực của Phân viện Paris, Hội đồng này đảm nhận công việc kết nối trong các lĩnh vực hoạt động trí thức và nghệ thuật của các khu vực văn hóa khác nhau. Và tại đây, ảnh hưởng tốt đẹp của nhân cách thông minh, gần gũi và linh hoạt Lorentz cũng sẽ dẫn dắt Hội đồng đi đúng hướng. Tôn chỉ hoạt động của Hội đồng này, dù không nói ra, nhưng luôn được tuân thủ, là:

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

"Không cai trị, hãy phục vụ."

Hy vọng tấm gương sáng của Lorentz sẽ giúp
tinh thần này được thâm nhập rộng rãi!

H. A. LORENTZ:
NHÀ BÁC HỌC - NHÂN CÁCH LỚN

Tiểu luận này được Einstein viết xong cuối tháng 2 năm 1953 để gửi đến Lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh của H. A. Lorentz (18.7.1853 - 18.7. 1953) ở Leiden, Hà Lan.

Vào giai đoạn chuyển giao thế kỷ, H. A. Lorentz được các nhà vật lý lý thuyết của mọi quốc gia xem là lãnh tụ tinh thần, và điều đó hoàn toàn có cơ sở. Các nhà vật lý thế hệ trẻ hơn thường không ý thức được đầy đủ về vai trò quyết định của H. A. Lorentz trong việc thiết lập những ý tưởng cơ sở cho vật lý lý thuyết. Sợ dĩ có sự lạng lạng này là vì những ý tưởng nền tảng của Lorentz đã trở thành máu thịt của họ, đến nỗi họ không còn khả năng ý thức trọn vẹn về sức nặng của các ý tưởng này cũng như sự đơn giản hóa trong nền tảng vật lý nhờ chúng mà có được.

Khi H. A. Lorentz bắt đầu sự nghiệp, thuyết Maxwell về điện từ đã được khẳng định. Song gắn liền với lý thuyết này là một sự phức tạp đáng lưu ý về nền tảng, khiến cho những đặc điểm chủ yếu của lý thuyết đã không được bộc

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Và ở đây, Lorentz đã đưa ra lời giải đáp. Ông đã đặt cơ sở nghiên cứu của mình một cách chặt chẽ trên giả thuyết sau:

Nơi trụ của trường điện từ là không gian rỗng. Trong không gian rỗng chỉ có *một* vector điện trường và *một* vector từ trường. Trường này được sản sinh do các hạt tích điện dạng nguyên tử, và đồng thời trường tác động ngược lại vào các hạt tích điện đó theo cách phản điện (pondermotive). Một sự kết nối giữa trường điện động (electromotive) với vật chất có trọng lượng chỉ tồn tại khi các hạt tích điện cơ bản không tách rời với các phân tử dạng nguyên tử của vật chất. Định luật chuyển động của Newton có giá trị trong trường hợp sau.

Dựa trên nền tảng đã được đơn giản hóa này, Lorentz đã thiết lập một thuyết hoàn chỉnh về tất cả các hiện tượng điện từ đã biết đến khi đó, kể cả hiện tượng điện động của các vật chuyển động. Đó là một tác phẩm của sự mạch lạc, rõ ràng và đẹp đẽ đến mức hiếm khi có thể đạt được ở một ngành khoa học vốn đặt nền móng trên kinh nghiệm. Hiện tượng duy nhất mà thuyết này không giải thích được triệt để - nghĩa là không giải thích được nếu thiếu các giả thiết bổ sung - là thí nghiệm nổi tiếng Michelson-Morley. Thí nghiệm này đã dẫn đến thuyết tương đối hẹp, và điều đó là không thể tưởng tượng được nếu thiếu sự quy điểm trụ của điện

từ trường vào không gian rỗng. Bước tiến cơ bản là việc đưa các phương trình của Maxwell trở lại xem xét trong chân không - hay là trong ether theo cách nói hồi đó.

H. A. Lorentz thậm chí đã tìm ra một phép biến đổi mang tên ông: "Phép biến đổi Lorentz" - tuy nhiên ông đã không để ý đến những tính chất nhóm của nó. Đối với ông, các phương trình Maxwell trong không gian rỗng chỉ đúng trong một hệ tọa độ nhất định, đứng yên đối với tất cả các hệ tọa độ khác. Đó hẳn là một quan niệm nghịch lý, bởi xem ra thuyết ấy còn hạn chế hệ quán tính hơn cả cơ học cổ điển. Tình hình ấy, xét từ quan điểm thực nghiệm thì không mấy phần khởi, nhưng *ắt hẳn* đã dẫn tới thuyết tương đối hẹp.

Nhờ sự tiếp đón thân tình của Đại học Leiden, tôi thường có thời gian lưu lại nhiều ngày ở Leiden - nơi tôi thường tá túc tại nhà người bạn yêu mến không quên Paul Ehrenfest. Thời gian đó, tôi thường có cơ hội cùng tham dự các bài giảng của Lorentz, các bài giảng mà ông thường thực hiện đều đặn trước một cử tọa hẹp trong giới chuyên môn trẻ tuổi hơn, sau khi ông đã rút khỏi vị trí giảng dạy chính thức. Tất cả những gì đến từ khối óc siêu việt ấy đều sáng sủa và đẹp đẽ tựa như một tác phẩm nghệ thuật hoàn hảo, và người ta có cảm tưởng rằng, tất cả

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

đều đến một cách thoải mái và dễ dàng. Tôi chưa từng thấy điều tương tự ở bất kỳ ai khác.

Nếu chúng ta có thể truyền lại cho giới trẻ biết rằng H. A. Lorentz là một trí tuệ sáng ngời, thì chỉ với điều đó thôi, sự ngưỡng mộ và kính trọng của chúng ta đối với ông đã là độc nhất vô nhị. Còn riêng cá nhân tôi, điều tôi luôn cảm nhận mỗi khi nghĩ về H. A. Lorentz, điều mãi mãi không phai mờ trong tôi, là: ông có ảnh hưởng với tôi hơn tất cả những người mà tôi đã gặp trên đường đời.

Giống như cách ông làm chủ vật lý và hình thức toán học, ông cũng làm chủ bản thân mình dễ dàng và thoải mái như vậy. Sự thiếu vắng kỳ lạ về các điểm yếu của con người nơi ông không bao giờ khiến người khác cảm thấy nặng nề. Ai cũng cảm nhận được sự vượt trội của ông, song không ai thấy mặc cảm. Bởi vì, mặc dù ông hiểu thấu con người và các quan hệ giữa người với người, ông luôn dành thiện chí như nhau cho tất cả mọi người. Chưa bao giờ ông tỏ ra muốn chế ngự mà luôn luôn chỉ muốn phục vụ và giúp đỡ. Ông luôn tận tâm tận sức, và chưa bao giờ xem sự đền đáp công trạng là quan trọng. Nét hài hước tinh tế trong ánh mắt và trên nụ cười đã luôn bảo vệ ông trước điều đó. Nó cũng hợp với thực tế, là bên cạnh tất cả những cống hiến cho tri thức khoa học, ông còn thấu hiểu rằng, sự hiểu biết của chúng ta không thể nào thâm nhập

sâu vào bản chất của sự vật. Thái độ nửa hoài nghi nửa hạ mình này, phải mãi tới khi có tuổi, tôi mới biết đánh giá hết.

Ngôn từ - hoặc ít nhất là ngôn từ của tôi - không thể nói hết được điều muốn nói trong bài tiểu luận ngắn này, dù tôi đã cố gắng một cách nghiêm cần. Vì vậy tôi muốn trích dẫn hai câu nói ngắn của Lorentz, những câu đã đặc biệt gây tác động đến tôi:

"Tôi thấy hạnh phúc được là công dân của một quốc gia nhỏ, nhỏ đến độ nó không thể gây ra những sự ngu xuẩn lớn."

Trong một cuộc trao đổi hồi Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, một quý ông đã cố gắng thuyết phục Lorentz rằng, số phận con người được quyết định bởi sức mạnh và bạo lực, ông trả lời: "Rất có thể là ngài có lý, nhưng tôi không muốn sống trong một thế giới như vậy".

JOSEF POPPER-LYNKEUS

Josef Popper-Lynkeus nguyên tên khai sinh là Josef Popper, sinh năm 1838 ở Kolin (Cộng hòa Sec), mất năm 1921 ở Wien (Áo). Ông là nhà văn, nhà lý luận chính trị xã hội, kỹ sư, nhà sáng chế. Bên cạnh những phát minh nổi tiếng trong các lĩnh vực chế tạo máy và hàng không, ông còn là tác giả của nhiều bài viết và tác phẩm xuất sắc trong các lĩnh vực văn học, chính trị và xã hội học.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Josef Popper-Lynkeus còn hơn cả một kỹ sư và một nhà văn đầy trí tuệ. Ông thuộc về số ít những nhân cách lớn, hiện thân cho lương tâm của thế hệ mình. Ông luôn nhắc nhở chúng ta rằng, xã hội phải chịu trách nhiệm về số phận của từng cá nhân, và ông đã chỉ ra cách làm thế nào để thực hiện trong thực tế nghĩa vụ được rút ra từ nhận định ấy của một cộng đồng. Với ông, cộng đồng cũng như nhà nước không phải là một đối tượng để sùng bái; quyền được đòi hỏi các cá nhân phải hi sinh vì nó chỉ có thể được xây dựng trên nền tảng nghĩa vụ của nó là: tạo điều kiện cho cá nhân, từng cá nhân đơn lẻ, được phát triển hài hòa.

BÀI PHÁT BIỂU NHÂN DỊP SINH NHẬT LẦN THỨ 70 CỦA ARNOLD BERLINER

Hôm nay tôi muốn nói với ông bạn Arnold Berliner và độc giả tạp chí "Die Naturwissenschaften" (Các khoa học tự nhiên) của ông về việc tại sao tôi lại đánh giá cao ông và sự nghiệp của ông. Cần phải làm điều đó ngay tại đây vì nếu không, người ta sẽ chẳng có dịp nào để nói ra một điều như vậy. Chính nền giáo dục hướng tới tính khách quan của chúng ta đã làm cho tất cả những gì riêng tư trở nên một thứ "cấm kỵ", mà để chống lại điều đó, con người trần thế [chúng ta] chỉ cho phép mình

được phạm tội vào những dịp hết sức đặc biệt, như dịp này chẳng hạn.

Sau hồi mào đầu cho thoải mái, bây giờ xin quay lại với tính khách quan! Nhờ sự mở rộng mạnh mẽ phạm vi của lĩnh vực những sự thật được tổng kết một cách khoa học mà nhận thức lý thuyết ở tất cả các lĩnh vực của các khoa học đã được đào sâu một cách bất ngờ. Nhưng năng lực thâm tóm [tri thức] của con người vẫn đang, và sẽ còn tiếp tục bị gắn vào những phạm vi hạn hẹp. Do vậy, có một điều đã không thể tránh khỏi là hoạt động của nhà nghiên cứu riêng lẻ phải thu về một nhánh ngày càng hẹp hơn của tòa nhà tri thức. Nhưng còn tệ hơn nữa: cùng với sự chuyên biệt hóa này, thậm chí sự hiểu biết chung đơn thuần về cái tổng thể của khoa học ngày càng khó theo kịp với sự phát triển đó, mà nếu thiếu sự hiểu biết chung ấy thì tinh thần nghiên cứu đích thực sẽ bị tê liệt một cách tất yếu. Sẽ xuất hiện một tình thế tương tự như tình thế được khắc họa một cách tượng trưng qua câu chuyện xây dựng tháp Babel trong Kinh Thánh. Mỗi nhà nghiên cứu nghiêm túc đều biết đến cái cảm nhận đau đớn về sự giới hạn miễn cưỡng vào một phạm vi hiểu biết ngày càng hẹp hơn; điều đó đe dọa cướp đi cái viễn tượng rộng lớn ở nhà nghiên cứu và làm anh ta suy thoái thành một gã trở thủ đơn thuần.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Tất cả chúng ta đều chịu cảnh đau đớn đó, nhưng lại chẳng làm gì để xoa dịu nó. Song Arnold Berliner đã giải cứu cho khu vực Đức ngữ một cách mẫu mực. Ông nhận ra rằng, các tạp chí [khoa học] dành cho đại chúng như [số lượng] hiện có hẳn đã thừa đủ để dạy dỗ và kích thích đám độc giả không chuyên. Ông còn thấy rằng, nhất thiết cần phải có một cơ quan được điều hành một cách đặc biệt cẩn trọng và có hệ thống để phục vụ cho việc định hướng khoa học của các nhà nghiên cứu, những người muốn được chỉ dẫn về sự phát triển của những vấn đề, những phương pháp và những kết quả khoa học, để tự bản thân họ có thể đưa ra một đánh giá. Mục đích ấy đã được ông theo đuổi trong nhiều năm ròng lao động với sự hiểu biết lớn lao và với sự dẻo dai cũng lớn lao không kém. Ông đã làm một nghĩa cử cho tất cả chúng ta cũng như cho khoa học mà vì lẽ đó, chúng ta chẳng thể nào mang ơn ông cho đủ được.

Ông đã đặt ra yêu cầu là phải thu hút được sự cộng tác của các tác giả khoa học thành đạt, và thuyết phục họ trình bày chủ đề của mình bằng một hình thức sao cho những người không phải là chuyên gia cũng có thể tiếp cận được. Ông thường kể cho tôi nghe về những cuộc đấu tranh mà ông đã phải vượt qua trong nỗ lực ấy. Một lần, trước mặt tôi, ông đã khắc họa những khó khăn bằng một câu hỏi vui như sau: "Một tác giả khoa học là gì?" Trả lời: "Là sự giao nhau

giữa một bông hoa mimôsa với một con bọ trich." Thành tựu của Berliner chỉ có thể có được là nhờ ở ông đã luôn đặc biệt sống động niềm khao khát vươn tới một sự tổng quan sáng sủa về một lĩnh vực rộng lớn đến mức tối đa. Chính quan niệm này đã dẫn ông tới việc miệt mài hết mình gắng sức để hoàn thành một cuốn sách giáo khoa về vật lý học, cuốn sách mà mới đây một sinh viên y khoa có nói với tôi: "Nếu không có cuốn sách đó thì em thật không biết phải làm thế nào để trong khoảng thời gian [ngắn], có thể nắm bắt được một cách rõ ràng về các nguyên tắc của vật lý học hiện nay."

Cuộc đấu tranh của Berliner cho sự sáng sủa và sự tổng quan đã đóng góp lớn lao biết bao để các vấn đề, các phương pháp và các kết quả của khoa học được trở nên sống động trong trí não của nhiều người. Trong đời sống khoa học của thời đại chúng ta, chẳng thể nghĩ rằng có thể thiếu được tờ tạp chí của ông nữa. Việc làm cho nhận thức ấy được sống động và giữ cho nó luôn sống động cũng quan trọng như việc giải quyết các vấn đề đơn lẻ vậy.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

CHÀO MỪNG NHÀ VĂN GEORGE BERNARD SHAW

George Bernard Shaw sinh năm 1856 ở Dublin (Ailen), mất năm 1950 ở London. Ông là nhà văn, kịch tác gia, nhà phê bình văn học lỗi lạc. Ông còn là nhà hoạt động chính trị thành công, người đấu tranh cho bình đẳng nam nữ và công bằng xã hội. Shaw được trao giải Nobel văn chương năm 1925. Ông nhận giải nhưng từ chối nhận tiền. Lời chào mừng dưới đây được Einstein đọc trong một lần đón tiếp Shaw mùa thu năm 1930 ở Anh.

Hiếm có những người đủ độc lập đến mức có thể nhìn ra những điểm yếu và sự lỗ bịch của người đương thời và đồng thời không để mình bị lụy vào đây. Song ngay cả như vậy, khi chạm phải sự lì lợm của người đời, những kẻ cô đơn này thường sớm đánh mất lòng dũng cảm trong việc cứu giúp nhân loại. Chỉ rất ít người, bằng sự hài hước tinh tế và bằng vẻ lịch thiệp, có thể làm say mê người đương thời và xứng đáng là người cầm đuốc trên con đường bất vị lợi của nghệ thuật. Hôm nay, với tình cảm nồng nhiệt, tôi xin chào mừng người thấy lớn nhất trên con đường ấy - người đã dạy chúng ta và khiến tất cả chúng ta cảm thấy hạnh phúc.

BERTRAND RUSSELL VÀ TƯ DUY TRIẾT HỌC

Tiểu luận dưới đây được Einstein viết cho lời tựa tập 5 của tuyển tập "Library of Living Philosophers" do Giáo sư A. Schilpp chủ biên, xuất bản lần đầu năm 1946, để cập riêng về triết học Bertrand Russell, đặc biệt là tác phẩm "An Inquiry into Meaning and Truth" xuất bản năm 1940.

Khi hội đồng biên tập đề nghị tôi viết chút gì đó về Bertrand Russell, thì vì sự ngưỡng mộ và kính trọng của tôi đối với tác giả, tôi đã nhận lời ngay lập tức. Nhờ đọc các tác phẩm của ông, tôi đã được hưởng biết bao giờ hạnh phúc, điều mà tôi - ngoại trừ về Thorstein Veblen - khó có thể nói khi đọc bất kỳ cây bút khoa học đương thời nào khác. Song tôi đã nhanh chóng nhận ra rằng, đưa ra một lời hứa thường dễ hơn là thực hiện nó. Tôi đã hứa, sẽ viết gì đó về Russell như về một triết gia và một nhà nhận thức luận. Và khi tôi dấy tự tin bắt tay vào việc, tôi sớm nhận ra rằng, một người bấy lâu chỉ cẩn trọng dừng lại trong địa hạt vật lý như tôi đã liễu lĩnh biết bao khi dám đặt chân vào một lĩnh vực hóc búa như vậy. Có thể hầu hết những điều tôi sắp trình bày sau đây là ngây ngô với những người am hiểu. Song tôi tự an ủi mình bằng ý nghĩ, một người với kinh nghiệm tư duy trong một lĩnh vực khác như tôi bao giờ cũng được ưu ái

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

hơn so với người hoàn toàn không suy tư hay chỉ suy tư ít ỏi.

Trong quá trình phát triển của tư duy triết học những thế kỷ qua, câu hỏi sau đây đóng vai trò chủ đạo: Những nhận thức nào có thể được mang lại từ tư duy thuần túy, không phụ thuộc vào những ấn tượng cảm tính? Liệu có thể có những nhận thức như vậy không? Nếu không, nhận thức của chúng ta có quan hệ như thế nào với những chất liệu thô do những ấn tượng cảm tính của giác quan cung cấp. Các câu hỏi đó, và một số câu hỏi khác có liên hệ chặt chẽ với chúng tương ứng với một trường hỗn loạn hầu như không thể bao quát hết được của nhiều quan điểm triết học khác nhau. Trong những nỗ lực dũng cảm nhưng tương đối vô bổ này, dù sao cũng dễ nhận ra một vệt phát triển có hệ thống, đó là: sự hoài nghi ngày càng gia tăng trước mọi thử nghiệm theo hướng "tư duy thuần túy", hòng nắm bắt được điều gì đó về "thế giới khách quan" và thế giới "sự vật", đối lập với thế giới "của những biểu tượng và tư tưởng" đơn thuần. Độc giả cho phép tôi nói trong ngoặc kép rằng: ở đây cũng như nơi một triết gia đích thực, dấu ngoặc kép (") được dùng khi muốn du nhập một khái niệm không chính đáng, và mong bạn đọc tạm thời cho phép, mặc dù nó còn khả nghi trước con mắt cú vọ của triết học.

Niềm tin cho rằng, chỉ cần tư duy thuần túy là có thể tìm ra mọi tri thức đáng giá trên đời, niềm tin ấy khá phổ biến trong buổi đầu của triết học. Đó đã là một ảo tưởng mà bất kỳ ai cũng dễ dàng nhận ra nếu anh ta, trong một phút giây, tạm quên đi những gì anh ta đã học được từ triết học và khoa học tự nhiên sau này. Anh ta ắt sẽ không ngạc nhiên khi thấy Plato quy cho "ý niệm" một dạng thực tại cao hơn so với những sự vật có thể được nhận biết một cách thường nghiệm. Cả ở Spinoza và cho tới tận Hegel, định kiến này có vẻ vẫn còn giữ vai trò chủ đạo với tất cả sức mạnh sống động của nó. Có thể ai đó thậm chí sẽ đặt ra câu hỏi: Nếu không có một ảo tưởng như thế thì liệu có thể tạo ra được cái gì đó vĩ đại trong lĩnh vực tư duy triết học? Song về phần mình, chúng tôi không muốn đặt ra một câu hỏi như vậy.

Cái ảo tưởng nặng về quý tộc về sức mạnh thâm nhập vô biên đứng đối đầu lại với cái ảo tưởng nặng về bình dân về một thuyết duy thực ngây thơ, theo đó, sự vật "tồn tại" y hệt như khi ta tri giác chúng bằng giác quan. Ảo tưởng này chi phối hoạt động thường nhật của con người và thú vật. Nó cũng là khởi điểm của các khoa học, nhất là các khoa học tự nhiên.

Việc vượt qua hai ảo tưởng trên không độc lập với nhau. So ra, việc vượt qua thuyết duy thực ngây thơ là đơn giản hơn. Russell đã khắc họa quá trình này một cách đầy ấn tượng trong

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

phần dẫn nhập của cuốn "An Inquiry into Meaning and Truth" của ông như sau:

"Chúng ta đều bắt đầu bằng 'thuyết duy thực ngây thơ', nghĩa là bắt đầu bằng học thuyết cho rằng, sự vật tồn tại như nó xuất hiện ra [trước giác quan của ta]. Chúng ta thừa nhận rằng, cỏ thì xanh, tuyết thì lạnh và đá thì cứng. Nhưng vật lý học lại cam đoan với ta rằng, cái xanh của cỏ, cái lạnh của tuyết và cái cứng của đá không phải y hệt với cái xanh, cái lạnh và cái cứng mà chúng ta biết theo kinh nghiệm, mà là một cái gì đó khác hẳn. Nếu chúng ta tin vào vật lý học, chúng ta sẽ thấy rằng, khi một người quan sát cho rằng mình đang quan sát một hòn đá, thì nghĩa là trên thực tế, anh ta đang quan sát những tác động của hòn đá vào chính mình. Có vẻ như khoa học đang tự mâu thuẫn với chính nó: khi nó tự cho mình là khách quan cực độ, thì, trái với mong muốn của nó, nó lại chìm ngập trong tính chủ quan. Thuyết duy thực ngây thơ dẫn đến vật lý học; và vật lý học, về phần mình, lại chỉ ra rằng thuyết duy thực ngây thơ này, bao lâu nó cứ triệt để như thế, là sai lầm. Sai về logic; nghĩa là sai."

Không kể đến lối hành văn bậc thầy, những dòng chữ trên nói lên một điều gì mà trước đó tôi chưa hề nghĩ đến. Lối tư duy của Berkeley và Hume, nếu chỉ nhìn một cách hời hợt, có vẻ đối lập lại với lối tư duy của các khoa học tự nhiên. Nhưng nhận định trên của Russell đã phát hiện

một mối liên hệ: Nếu Berkeley dựa trên nền tảng rằng chúng ta không trực tiếp nắm bắt các "sự vật" của thế giới bên ngoài thông qua giác quan, mà giác quan của chúng ta chỉ nhận biết được chúng thông qua các quá trình nối kết nhân quả với sự hiện diện của các "sự vật" - một sự suy tưởng như thế hẳn đã có được sức mạnh thuyết phục từ lòng tin vào lẽ lối tư duy vật lý học, thì sẽ không cần thiết phải đưa bất kỳ cái gì vào giữa khách thể và hành vi nhìn để ngăn cách khách thể và chủ thể, và biến "sự tồn tại của khách thể" thành một tồn tại đáng nghi vấn.

Lối tư duy vật lý này cũng như các kết quả thực tiễn của nó đã làm lay chuyển niềm tin vào khả năng cho rằng, chỉ bằng con đường tư duy tư biện đơn thuần là có thể hiểu được các sự vật và các mối quan hệ của chúng. Dần dần, niềm tin rằng tất cả sự hiểu biết về sự vật của chúng ta rốt cuộc đều là một sự xử lý các chất liệu thô của các giác quan đã chiến thắng. Nguyên lý ấy, trong hình thức phổ quát này (được diễn đạt mù mờ một cách cố ý) hiện đang được chấp nhận rộng rãi. Song niềm tin đó không hề dựa trên cơ sở, rằng đã có ai đó chứng minh được tính bất khả của việc thu hoạch các nhận thức hiện thực bằng con đường tư biện thuần túy, mà là: chỉ duy nhất con đường thực nghiệm nói trên đã chứng tỏ như là nguồn gốc của nhận thức. Galilei và Hume là những người đầu tiên đã

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

đứng về phía nguyên lý này với tất cả sự sáng sủa và kiên quyết.

Hume đã nhận thấy rằng, các khái niệm được ta xem là cơ bản, ví dụ: "sự nối kết nhân quả", không thể được rút ra từ chất liệu do giác quan cung cấp. Cách nhìn ấy đã khiến ông có thái độ hoài nghi với tất cả các loại nhận thức. Nếu đã đọc những tác phẩm của ông, người ta sẽ không khỏi kinh ngạc khi những triết gia sau ông - trong đó có không ít người được đánh giá cao - đã viết vô khối những thứ lộn xộn mà vẫn tìm được độc giả ngưỡng mộ. Ông đã giữ được ảnh hưởng sâu đậm đến những người xuất sắc sau ông. Người ta nhận ra ông khi đọc các bài phân tích triết học của Russell, mà sự sắc sảo và lối viết giản dị của chúng luôn làm tôi nghĩ tới Hume.

Khát khao của con người là đòi hỏi phải có nhận thức được đảm bảo chắc chắn. Bởi thế, thông điệp rõ ràng của Hume làm ta thất vọng ê chề: Chất liệu thô cảm tính - nguồn gốc duy nhất của nhận thức, nhờ thói quen, có thể đưa chúng ta tới niềm tin và sự mong đợi, nhưng không thể đưa chúng ta tới sự nhận biết hay thậm chí đến sự thấu hiểu về các quan hệ có tính quy luật. Đúng ở điểm này, Kant đã xuất hiện với một ý tưởng - dù ở dạng diễn giải của ông, nó khó mà đứng vững được, song vẫn là một bước tiến để giải quyết thế lưỡng nan của Hume: Tất cả những gì có nguồn gốc thường nghiệm ở nơi nhận thức

đều không bao giờ chắc chắn cả (Hume). Nghĩa là (theo Kant - ND), nếu chúng ta sở hữu nhận thức chắc chắn, thì nhận thức ấy phải được đặt cơ sở ở trong bản thân lý tính. Chẳng hạn, điều này được khẳng định khi bàn về các định lý của hình học và về nguyên lý nhân quả. Nhận thức này, và các nhận thức vững chắc khác có thể nói là một bộ phận trong bộ công cụ của tư duy; do đó, chúng không cần phải nhờ đến các dữ liệu do giác quan cung cấp mới có thể có được (tức gọi là nhận thức "a priori" - tiên nghiệm). Ngày nay mỗi chúng ta đều biết rằng, những nhận thức ấy tuyệt không có gì là chắc chắn, vâng, chúng tuyệt không sở hữu một sự tất yếu nào bên trong như Kant từng tin tưởng. Nhưng với tôi, nếu nhìn vấn đề từ quan điểm logic, lập trường của ông lại có vẻ đúng: đó là sự xác nhận, rằng chúng ta có lý do "chính đáng" khi sử dụng các khái niệm ấy để tư duy, những khái niệm mà chúng ta không thể có được từ chất liệu của các kinh nghiệm do giác quan mang lại.

Theo tôi, người ta thậm chí phải khẳng định mạnh mẽ hơn nữa: Những khái niệm xuất hiện trong tư duy và trong các biểu đạt bằng ngôn ngữ của chúng ta, tất cả - từ điểm nhìn logic - là những sáng tạo tự do của tư duy và không thể có được một cách quy nạp từ các kinh nghiệm giác quan. Sở dĩ điều này là khó nhận ra, chỉ vì chúng ta thường có thói quen gắn chặt một số khái niệm và liên kết khái niệm (mệnh đề) nhất

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

định với một số kinh nghiệm giác quan nào đó của chúng ta, đến nỗi chúng ta không ý thức được khe nứt ngăn cách - về mặt logic là không thể vượt qua - giữa thế giới của các kinh nghiệm giác quan với thế giới của các khái niệm và mệnh đề.

Theo đó, chẳng hạn dãy số nguyên rõ ràng là một phát minh của trí tuệ con người, một công cụ tự tạo, nhằm trợ giúp việc sắp xếp những kinh nghiệm giác quan nhất định được dễ dàng. Song tuyệt không có cách nào để khái niệm này (dãy số nguyên - ND) có thể được nảy sinh từ bản thân các kinh nghiệm. Ở đây sở dĩ tôi chọn khái niệm "số" vì nó thuộc về tư duy tiên-khoa học và dù sao, tính cấu tạo (constructive) ở nó vẫn còn dễ nhận diện. Song, khi ta càng đi sâu vào những khái niệm sơ đẳng nhất của đời sống thường nhật, sức nặng của thói quen thâm căn cố đế sẽ càng gây khó khăn cho chúng ta trong việc nhận diện khái niệm ấy như là một sáng tạo tự do của tư duy. Như vậy, từ những tương quan nói trên, có thể nảy sinh một quan niệm nguy hại cho rằng, những khái niệm sơ dĩ ra đời đều là từ các kinh nghiệm giác quan thông qua quá trình "trừu tượng hóa", nghĩa là bằng cách lược bớt đi một phần trong nội dung của nó. Tôi muốn chỉ ra rằng, tại sao quan niệm ấy với tôi lại nguy hại:

Nếu đã quen với phê phán của Hume, ta dễ có ý tưởng rằng, dường như có thể loại bỏ ra khỏi tư duy tất cả các khái niệm và mệnh đề có tính "siêu hình", nếu những khái niệm và mệnh đề ấy không có nguồn gốc từ chất liệu thô của kinh nghiệm giác quan. Bởi tất cả tư duy đều chứa đựng nội dung là chất liệu vốn không có nguồn gốc từ đâu khác ngoài mối liên hệ của nó với kinh nghiệm giác quan. Tôi thấy mệnh đề thứ hai này là hoàn toàn đúng, nhưng dựa trên đó để đề ra điều lệnh cho tư duy thì lại là sai. Bởi yêu sách ấy - nếu được thực hiện triệt để - sẽ loại bỏ bất kỳ thứ tư duy nào chỉ vì xem nó là "siêu hình".

Để tư duy không bị sa đà vào "siêu hình học" cũng như vào lý luận suông, chỉ cần có đủ các định luật của hệ thống khái niệm được kết nối chắc chắn với các kinh nghiệm giác quan; đồng thời hệ thống khái niệm - với nhiệm vụ sắp xếp các kinh nghiệm giác quan và làm cho ta dễ có cái nhìn thống quan về chúng - phải có tính thống nhất và tiết kiệm càng nhiều càng tốt. Ngoài ra, cái "hệ thống" ấy cần phải là một trò chơi tự do (có tính logic) với các biểu tượng dựa theo các luật chơi được đề ra một cách tùy tiện (nhưng hợp logic) theo các luật chơi. Tất cả các quy định trên cần được áp dụng như nhau cho tư duy thường nhật và cho lối tư duy được ý thức nhiều hơn về tính hệ thống trong khoa học.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Bây giờ hẳn tất cả đều hiểu điều tôi muốn nói sau đây: Bằng sự phê phán sáng sủa của mình, Hume đã không chỉ thúc đẩy triết học một cách quyết định mà sự phê phán ấy - không phải lỗi tại ông - đã trở thành một mối nguy hiểm, khi nó tạo ra một sự "sợ hãi trước siêu hình học". Nỗi sợ hãi ấy chứa đầy hiểm họa và là một căn bệnh của triết học thực nghiệm ngày nay; căn bệnh này là cái đối ứng với loại "triết học trên mây" trước đây, loại triết học vốn tưởng rằng không cần đến hoặc có thể bỏ qua dữ liệu cảm tính.

Với tất cả lòng ngưỡng mộ trước sự phân tích sắc sảo mà Russell đã mang lại cho chúng ta trong "Meaning and Truth", tôi vẫn thấy rằng, ngay cả ở đây, bóng ma của nỗi sợ siêu hình học vẫn hiện diện và gây ra một số tác hại. Chẳng hạn, tôi thấy hình như nỗi sợ này là nguyên nhân dẫn đến việc Russell coi "sự vật" như là "tập hợp các tính chất", trong đó "các tính chất" cần được tìm thấy trong các chất liệu thô từ giác quan. Vấn đề nảy sinh là: hai sự vật chỉ là một khi và chỉ khi chúng giống hệt nhau về "các tính chất", dẫn tới chỗ cần phải quy các quan hệ hình học giữa các sự vật với nhau thành "những tính chất" của chúng. (Nếu không, theo lý thuyết của Russell, ta sẽ phải coi tháp Eiffel ở Paris và tháp Eiffel ở New York là "cùng một sự vật"). Đối diện với vấn đề này, tôi hoàn toàn không thấy một "nguy cơ siêu hình" nào cả, khi ta đưa "sự vật" (tức "đối tượng" theo nghĩa vật lý học) như một khái niệm

Albert Einstein

độc lập với cấu trúc không gian - thời gian của nó vào hệ thống.

Nhìn vào những nỗ lực ấy, tôi cảm thấy thỏa mãn khi rốt cuộc, chương cuối của cuốn sách đã đưa ra kết luận, rằng người ta không thể không cần đến "siêu hình học". Điều duy nhất mà tôi thấy không thoải mái khi đọc tới đó là cái lương tâm trí thức cắn rứt của tác giả cứ lần khuất giữa các dòng chữ.

ĐÁM NHÀ BÁO

Trích từ một bức thư riêng

Khi ta bị tính số công khai về tất cả những gì ta đã nói dù trong khi vui đùa, khi cao hứng hay khi bức bối nhất thời, thì điều đó tuy thật phiền hà, song ở chừng mực nhất định cũng là hợp lý và tự nhiên. Nhưng nếu ta bị tính số công khai về những điều người khác đã nhân danh ta để nói và ta không có cách gì để khả dĩ tự vệ được, thì tình cảnh ấy thật thê thảm. "Vậy ai mà khổ sở vậy?", anh sẽ hỏi. Vâng, bất kỳ ai đủ nổi tiếng và bị đám nhà báo thăm hỏi. Anh cười vì không tin ư? Nhưng tôi đã trải nghiệm đủ rồi, để tôi kể anh nghe.

Anh hãy tưởng tượng: một buổi sáng kia, một tay phóng viên đến gặp anh và vui vẻ hỏi rằng, liệu anh có thể nói đôi điều về ông N. bạn anh

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

được không. Thoạt tiên có thể anh sẽ cảm thấy phần nộ vì một câu hỏi như vậy. Song anh nhanh chóng nhận ra rằng, sẽ chẳng có cách nào để chạy thoát. Bởi nếu anh từ chối trả lời, tay phóng viên sẽ viết: "Tôi đã hỏi một trong những người bạn gọi là thân nhất của N., nhưng ông này đã khéo léo từ chối. Mong độc giả tự rút ra những kết luận hiển nhiên từ thái độ ấy". Vì không có cách nào để chạy thoát, anh trả lời như sau:

"Ông N. là một nhân cách hào hiệp, thẳng thắn, được tất cả bạn bè quý mến. Ở bất kỳ hoàn cảnh nào, ông cũng nhìn ra được mặt tốt. Ông là người chịu khó và dám nhận được rất nhiều việc cùng lúc; nghề của ông đòi hỏi ông phải dành hết tâm sức cho công việc. Ông là người yêu gia đình, luôn dành cho vợ tất cả những gì ông có..."

Bài viết của tay nhà báo: "N. không thực sự coi trọng điều gì và có tài lấy lòng tất cả mọi người, hơn nữa lúc nào ông cũng đóng vai một người dễ dãi và mềm mỏng. Ông thuộc loại nô lệ cho công việc, đến mức không bao giờ nghĩ tới những chuyện riêng tư hay tham gia vào một hoạt động tinh thần nào khác. Chiều chuộng vợ hết mực, ông là tên đầy tớ ngoan ngoãn phụng sự cho các nhu cầu của bà ấy..."

Ở một tay nhà báo đích thực, bài viết sẽ còn giạt gân hơn thế nhiều, nhưng với anh và với ông N. bạn anh thì như thế có lẽ đã đủ. Ông ấy sẽ đọc những điều kể trên vào buổi sáng ngày mai trên

báo, và sự giận dữ của ông ta với anh sẽ là vô giới hạn, dù về bản chất ông ta có tốt bụng và vui tính đến đâu đi nữa. Nỗi đau khổ của ông ta sẽ làm anh đau đớn không nói ra được, vì trong thâm tâm anh vốn quý mến ông ta.

Anh sẽ làm gì trong trường hợp này, bạn thân mến của tôi? Nếu anh nghĩ ra được cách gì, hãy báo ngay cho tôi biết nhé, để tôi có thể lập tức bắt chước cách của anh.

LỜI CHÚC MỪNG GỬI MỘT NHÀ PHÊ BÌNH

Có óc quan sát độc lập, cảm nhận và đánh giá không phụ thuộc vào các loại một thời đại; có thể diễn đạt điều mình *thấy* và *cảm* chỉ bằng một câu sắc gọn hoặc một từ chuẩn xác - như thế chẳng phải là tuyệt vời lắm sao? Người ta có cần phải chúc tụng gì thêm nữa không?

CẢM NHẬN ĐẦU TIÊN CỦA TÔI VỀ NƯỚC MỸ

Tôi phải thực hiện lời hứa của mình, ấy là viết đôi điều cảm nhận về đất nước này. Mà điều đó với tôi lại không dễ dàng. Bởi người ta thật không dễ đặt mình vào vị trí của người quan sát khách quan nếu người ta được tiếp đón với quá nhiều tình cảm và sự trọng thị như tôi khi tới Mỹ.

Đầu tiên là đôi lời thế này:

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Trong mắt tôi, sự sùng bái cá nhân luôn có gì đó thiếu công bằng. Đúng là Đấng tạo hóa ban phát cho những đứa con của mình mỗi người không giống nhau về năng lực. Nhưng, ơn Ngài, số người được hưởng may mắn vẫn nhiều lắm, và tôi tin rằng phần lớn trong số họ vẫn sống những cuộc đời trầm lặng, chẳng mấy ai biết đến. Đôi với tôi, thật là thiếu công bằng, vâng, thậm chí khá nhạt nhẽo, nếu trong số đó lại có vài người được ngưỡng mộ quá đáng, được khoác cho những phẩm chất thần thánh về trí tuệ và nhân cách. Thế mà chính điều đó lại xảy ra với số phận tôi, dẫn tới sự đối nghịch kịch côm giữa những điều mà người ta nói về năng lực và thành tựu của tôi với điều mà tôi thực chất là và muốn là. Ý thức về môi trường quan kỳ cục này khiến tôi không chịu đựng nổi, nếu bên cạnh đó không có một niềm an ủi đẹp đẽ, một tín hiệu vui mừng cho cái thời đại bị coi là chỉ biết chạy theo vật chất này: Người ta dựng lên những người hùng mà mục đích của những người hùng này chỉ là hướng tới trí tuệ và đạo đức. Điều đó chứng tỏ, tri thức và lẽ phải vẫn được một số đông người đánh giá cao hơn tài sản và quyền lực. Kinh nghiệm của tôi cho biết rằng, thái độ sống lý tưởng này hiện hữu ở một phần rất đông dân chúng Mỹ - đất nước vốn bị coi là đặc biệt chạy theo vật chất này. Sau những lời vòng vo trên, tôi xin trở lại chủ đề chính với hy vọng rằng, người ta sẽ không đánh giá quá

đáng những phát biểu khiêm nhường của tôi hơn mức nó vốn thế.

Điều đầu tiên khiến những vị khách phải kinh ngạc khi đến đất nước này là sự vượt trội về kỹ nghệ và tổ chức. Những đồ dùng hàng ngày được làm bền hơn ở châu Âu, nhà cửa thì được xây cất thực dụng hơn hẳn. Tất cả đều nhằm mục đích tiết kiệm sức lao động. Ở đây, sức lao động đắt đỏ bởi mật độ dân số là thấp so với diện tích và tài nguyên thiên nhiên của đất nước. Chính giá thành lao động cao đã kích thích sự phát triển mạnh của các phương tiện trợ giúp về kỹ thuật và phương pháp làm việc. Ta hãy xem trường hợp ngược lại: ở các nước có mật độ dân số quá cao như Trung Quốc và Ấn Độ, giá thành lao động thấp đã cản trở sự phát triển của các phương tiện trợ giúp về kỹ thuật như thế nào. Châu Âu thì ở giữa hai thái cực đó. Khi máy móc đã đủ phát triển, rốt cuộc nó sẽ còn rẻ hơn cả sức lao động vốn còn đang rẻ mạt. Những kẻ phát xít ở châu Âu - những kẻ vì lý do chính trị hẹp hòi đang kêu gọi sự gia tăng dân số ở đất nước họ - hẳn sẽ nghĩ như vậy. Có điều, ấn tượng hẹp hòi ấy lại khá giống với nỗi sợ của nước Mỹ trong việc chống nhập hàng hóa bằng việc thông qua đạo luật về thuế nhập khẩu... Song cũng chẳng nên đòi hỏi ở một người khách vô tư rằng ông ta phải đau đầu với những câu hỏi; mà rốt cuộc cũng chẳng

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

có gì chắc chắn rằng với câu hỏi nào cũng có một câu trả lời hợp lý.

Điều thứ hai khiến những vị khách chú ý là thái độ sống vui vẻ, tích cực của dân chúng. Nụ cười tươi trên những bức ảnh là biểu tượng cho một trong những điểm mạnh nhất của người Mỹ. Người Mỹ vui vẻ, tự tin, lạc quan và - không tị hiềm. Người châu Âu luôn cảm thấy dễ chịu và tự nhiên khi tiếp xúc với người Mỹ.

Người châu Âu ngược lại: có óc phê phán mạnh hơn, ý thức cá nhân cao hơn, nhưng ít hào tâm hơn và ít giúp người hơn; họ có đòi hỏi cao hơn trong các hoạt động giải trí, và trong học thuật thì ít nhiều có vẻ bi quan hơn.

Sự thoải mái và tiện nghi có một vị trí lớn ở Mỹ. Vì chúng mà họ sẵn sàng hy sinh sự yên tĩnh, sự ung dung và cả sự an nhàn. Người Mỹ sống vì tương lai nhiều hơn người châu Âu. Cuộc sống với họ luôn là cái đang hình thành, chứ không phải cái đang tồn tại. Theo nghĩa đó, họ còn khác xa so với người Nga hay người châu Á hơn cả người châu Âu.

Nhưng có một điểm mà người Mỹ giống với người châu Á hơn là người châu Âu. Đó là họ ít có tính cá nhân hơn người châu Âu - nếu ta chỉ quan sát từ góc độ tâm lý chứ không phải từ góc độ kinh tế.

Ở đây, cái "chúng ta" được nhấn mạnh hơn cái "tôi". Điều này liên quan đến thực tế là phong tục và tập quán xã hội rất được coi trọng ở Mỹ. Có nhiều điểm tương đồng trong quan niệm sống cũng như trong quan niệm về đạo đức và sở thích riêng giữa các cá nhân hơn hẳn ở châu Âu. Được như vậy là nhờ nước Mỹ mạnh hơn hẳn châu Âu về kinh tế. Ở đây, việc cộng tác và phân chia công việc một cách hiệu quả diễn ra dễ dàng và trôi chảy hơn ở châu Âu, dù đó là trong công xưởng, trong trường đại học hay trong các việc từ thiện tư nhân. Thái độ ứng xử xã hội tốt đẹp đó một phần nhờ là vào truyền thống Anh.

Nhưng ngược lại, vai trò của nhà nước ở Mỹ có vẻ không mạnh lắm so với ở châu Âu. Người châu Âu ngạc nhiên thấy rằng, điện tín, điện thoại, đường sắt và trường học ở Mỹ phần lớn nằm trong tay các tổ chức tư nhân. Điều đó có thể xảy ra là nhờ vào thái độ xã hội tích cực nói trên của các cá thể. Và thái độ ấy khiến cho sự khác biệt quá lớn về tài sản không dẫn tới sự cùng quẫn của một bộ phận dân chúng. Ý thức trách nhiệm xã hội của các ông chủ ở đây phát triển cao hơn hẳn ở châu Âu. Họ xem chuyện cống hiến một phần lớn tài sản, và thường là cả sức lực của họ nữa, cho công việc xã hội là đương nhiên. Dư luận xã hội (vốn rất mạnh mẽ) đòi hỏi họ phải làm thế. Điều đó dẫn tới thực tế là người ta có thể trao những nhiệm vụ quan trọng nhất

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

về văn hóa vào tay các tổ chức tư nhân và vai trò của nhà nước trở nên rất hạn chế.

Uy tín của quyền lực nhà nước chắc chắn còn giảm đi rõ rệt vì "đạo luật cấm rượu". Bởi đối với uy tín của nhà nước và luật pháp, không có gì nguy hiểm cho bằng việc nó đưa ra những đạo luật mà nó không đủ sức cưỡng chế. Đây là một bí mật công khai, vì sự phát triển đáng lo ngại về tội phạm ở đất nước này có liên hệ chặt chẽ với thực tế đó.

Trong một quan hệ khác, "đạo luật cấm rượu", theo tôi, cũng dẫn tới sự suy yếu nhà nước. Quán xá là nơi cho người ta có cơ hội để trao đổi suy nghĩ và bày tỏ ý kiến về những sự kiện công cộng. Tôi thấy ở đất nước này, người ta có vẻ thiếu những cơ hội như vậy, khiến báo chí bị lũng đoạn bởi các nhóm thiểu số có ảnh hưởng quá mạnh đến công chúng.

Thái độ quá coi trọng đồng tiền ở đất nước này vẫn còn mạnh hơn ở châu Âu, nhưng tôi thấy nó có vẻ đang giảm đi. Chắc hẳn là nhận thức này đã chiến thắng: để có một cuộc sống hạnh phúc và hữu ích, không cần phải có quá nhiều của cải.

Về khía cạnh nghệ thuật, tôi đã bày tỏ sự ngưỡng mộ chân thành trước cái gu thẩm mỹ cao trong các công trình xây dựng hiện đại cũng như trong các vật dụng hàng ngày; ngược lại tôi thấy rằng, nghệ thuật tạo hình và âm nhạc

không tìm được đất sống trong lòng dân chúng như ở châu Âu.

Tôi thán phục thành tựu của các cơ sở nghiên cứu khoa học. Ở châu Âu, người ta đang tìm cách giải thích một cách vô lý rằng sự vượt trội ngày càng tăng về nghiên cứu khoa học của Mỹ hoàn toàn chỉ là do người Mỹ có nhiều tiền của hơn; nhưng sự tận tâm, lòng kiên nhẫn, tinh thần đồng nghiệp và thiện chí cộng tác cũng giữ một vai trò quan trọng trong những thành công ấy chứ. Cuối cùng, thêm một nhận xét nữa! Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ là cường quốc phát triển nhất về kỹ thuật hiện nay. Ảnh hưởng của nó vào việc thiết kế các mối quan hệ quốc tế là gần như không thể lường trước được. Nước Mỹ rộng lớn là thế, nhưng lâu nay dân chúng lại ít quan tâm đến các vấn đề lớn của cộng đồng quốc tế, mà vấn đề hàng đầu hiện nay là vấn đề giải trừ quân bị. Điều đó cần phải thay đổi, vì chính lợi ích thiết thân của người Mỹ. Cuộc chiến vừa qua đã cho thấy, không còn sự phân cách giữa các lục địa nữa, mà số phận của tất cả các quốc gia ngày nay đã gắn chặt với nhau. Bởi thế cần làm thấu suốt rằng, dân chúng đất nước này mang một trách nhiệm lớn trong lĩnh vực chính trị quốc tế. Vị trí của kẻ khoan tay đứng nhìn không xứng đáng với đất nước này và lâu dài sẽ trở nên nguy hiểm với tất cả mọi người.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

TRẢ LỜI PHỤ NỮ MỸ

Một hội phụ nữ Mỹ cho rằng họ cần phản đối chuyến thăm của Einstein tới đất nước họ. Họ nhận được câu trả lời như sau:

Chưa bao giờ tôi bị phái đẹp khước từ mạnh mẽ đến vậy; và trường hợp đó nếu có xảy ra thì cũng chưa khi nào có nhiều người cùng lúc đến thế.

Nhưng họ làm thế là đúng quá đi chứ, ôi những nữ công dân đầy cảnh giác. Làm sao người ta lại có thể cho phép một gã đàn ông vào nhà, kẻ vốn thích nhai nuốt ngẫu nhiên bọn tư bản ngoan cố một cách ngon lành và thỏa mãn y hệt như con quái vật Minotaurus nhai nuốt các thiếu nữ đồng trinh Hy Lạp thơm tho vậy; mà kẻ đó lại còn bị ối đến mức từ chối mọi cuộc chiến tranh, trừ cuộc chiến với chính vợ của y? Vậy nên, hãy nghe lời đám quần thoa khôn ngoan và ái quốc của quý vị đi và quý vị hãy nhớ rằng ngay cả thù phũ của đế chế La Mã hùng mạnh cũng đã từng được cứu là nhờ tiếng kêu cạp cạp của những con ngỗng trung thành!

Phần II

**CHÍNH TRỊ VÀ
CHỦ NGHĨA HÒA BÌNH**

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

HÒA BÌNH

Những nhân vật thực sự lỗi lạc thuộc các thế hệ trước đây đã nhận ra tầm quan trọng của mục tiêu giữ gìn hòa bình thế giới. Tuy vậy, sự phát triển của kỹ thuật trong thời đại chúng ta làm cho định đề đạo đức này trở thành một vấn đề sống còn đối với nhân loại hiện đã được văn minh hóa như ngày nay và khiến cho sự tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề hòa bình trở thành một vấn đề lương tâm mà không một người nào có ý thức về trách nhiệm luân lý có thể lảng tránh.

Cần làm rõ rằng, những tập đoàn đầy quyền lực của nền công nghiệp đã tham gia sản xuất vũ khí ở tất cả các nước đang đi ngược lại việc giải quyết hòa bình các vấn đề tranh chấp quốc tế, rằng những nhà cầm quyền chỉ có thể đạt được mục tiêu quan trọng này, nếu như họ dám chắc có được sự ủng hộ tích cực của đa số dân chúng. Trong thời đại của hình thức chính quyền dân chủ hiện nay của chúng ta, số phận của các dân tộc phụ thuộc vào chính họ. Mỗi cá nhân cần phải luôn ghi nhớ điều này.

Albert Einstein

HƯỚNG ĐẾN VIỆC LOẠI BỎ NGUY CƠ CHIẾN TRANH

Bài này được Einstein viết xong ngày 20.9.1952 và được đăng trên tạp chí Keizo, Nhật Bản, số mùa thu năm đó.

Sự tham gia của tôi vào việc sản xuất bom nguyên tử là chỉ ở một hành động duy nhất: tôi đã ký vào bức thư gửi tổng thống Roosevelt trong đó đã nhấn mạnh sự cần thiết phải tiến hành các thí nghiệm ở quy mô lớn để nghiên cứu khả năng chế tạo một quả bom nguyên tử.

Tôi đã thực sự ý thức được mỗi nguy hiểm khủng khiếp cho nhân loại một khi việc này thành công. Chính sự phỏng đoán rằng, trong vấn đề này, người Đức có thể nghiên cứu với triển vọng thành công đã buộc tôi phải thực hiện bước đi này. Tôi đã không còn lựa chọn nào khác, dù tôi luôn là một người theo chủ nghĩa hòa bình một cách đầy tin tưởng. Tàn sát trong chiến tranh theo quan niệm của tôi chẳng có gì tốt đẹp hơn so với việc giết người thông thường.

Tuy vậy, chừng nào các quốc gia chưa kiên quyết loại bỏ chiến tranh thông qua các hành động chung và giải quyết các cuộc xung đột và bảo vệ những lợi ích của mình bằng các quyết định hòa bình dựa trên cơ sở luật pháp, thì họ sẽ

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

cảm thấy cần phải chuẩn bị một cuộc chiến tranh. Rồi họ lại cảm thấy cần phải chuẩn bị tất cả các phương tiện, kể cả các phương tiện đáng kinh tởm nhất để không bị qua mặt trong cuộc chạy đua vũ trang nói chung. Con đường đó tất yếu dẫn đến chiến tranh. Trong các môi trường quan hiện nay, chiến tranh có nghĩa là sự hủy diệt tất cả.

Trong tình hình đó, việc dùng phương tiện để chống lại phương tiện không có triển vọng thành công. Chỉ có việc dẹp bỏ triệt để các cuộc chiến tranh và nguy cơ chiến tranh mới có thể giúp giải quyết vấn đề. Muốn vậy, cần phải hành động và quyết tâm không để cho mình bị ép buộc phải hành động đi ngược lại với mục tiêu này. Đây là một đòi hỏi khắt khe đối với cá nhân ý thức được tình trạng phụ thuộc xã hội của mình. Nhưng tuyệt nhiên đó không phải là một đòi hỏi không thể thực hiện được.

Gandhi, bậc thiên tài chính trị vĩ đại nhất của thời đại chúng ta đã vạch ra con đường và cho thấy: con người sẽ có khả năng hy sinh lớn đến thế nào một khi họ đã nhận ra con đường đúng. Sự nghiệp giải phóng Ấn Độ của ông là một bằng chứng sinh động cho thấy: ý chí được xác tín một cách vững chắc còn mạnh hơn cả thể lực vật chất tưởng chừng như không thể vượt qua được.

VẤN ĐỀ CỦA CHỦ NGHĨA HÒA BÌNH

Thưa các quý bà, quý ông!

Tôi rất vui mừng là quý vị đã cho tôi cơ hội được nói đôi lời với quý vị về vấn đề của chủ nghĩa hòa bình. Sự tiến triển trong những năm qua đã một lần nữa cho thấy rằng, chúng ta hầu như không được phép giao phó cho các chính phủ cuộc đấu tranh chống lại các hoạt động chạy đua vũ trang và các quan điểm hiếu chiến. Song ngay cả việc thành lập các tổ chức lớn gồm nhiều thành viên cũng chỉ giúp chúng ta phần nào trong việc tiếp cận đến mục tiêu này. Theo quan điểm của tôi, ở đây, tốt nhất là thái độ khước từ quân dịch bằng cách phản đối, dựa vào sự hậu thuẫn của các tổ chức bên vực cả về vật chất lẫn tinh thần cho những người dũng cảm chống quân dịch ở từng nước. Như thế, chúng ta có thể đi đến chỗ làm cho vấn đề của chủ nghĩa hòa bình trở nên cấp thiết, trở thành một cuộc đấu tranh thực sự khiến cho cho cả những người có cá tính mạnh mẽ cảm thấy được lôi cuốn. Đây là một cuộc đấu tranh không hợp pháp, nhưng là cuộc đấu tranh vì quyền thực sự của con người chống lại chính phủ của họ, chừng nào các chính phủ này vẫn còn đòi hỏi các công dân của họ phải thực hiện những hành động tội ác.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Nhiều người coi mình là những người tích cực theo chủ nghĩa hòa bình, nhưng lại không tham gia vào một chủ nghĩa hòa bình triệt để như vậy, bởi họ viện dẫn tới các lý do của chủ nghĩa yêu nước. Không thể trông mong gì ở những người này trong những giờ phút nguy nan. Cuộc chiến tranh thế giới đã chứng minh quá đủ cho điều ấy.

Tôi xin chân thành cảm ơn quý vị đã cho tôi cơ hội được trình bày bằng miệng quan điểm của mình.

DIỄN VĂN TẠI HỘI NGHỊ SINH VIÊN VỀ GIẢI TRỪ QUÂN BỊ

Diễn văn này được đọc vào khoảng năm 1930 trước các sinh viên Đức.

Trong một nền khoa học và kỹ thuật phát triển cao, các thế hệ gần đây đã trao cho chúng ta một món quà cực kỳ quý giá, món quà mang theo những khả năng giải phóng và làm đẹp cho cuộc sống của chúng ta mà không thế hệ nào trước đây được hưởng. Tuy nhiên, món quà này cũng mang đến cả những mối nguy hiểm cho sự tồn tại của chúng ta, những mối nguy hiểm chưa bao giờ đe dọa trầm trọng đến như thế.

Hơn bao giờ hết, số phận của nhân loại vẫn minh phụ thuộc vào những lực lượng có đạo

đức mà nó có thể tập hợp được. Vì vậy, nhiệm vụ được đặt ra cho thời đại chúng ta không dễ dàng hơn những nhiệm vụ mà các thế hệ trước đây đã giải quyết.

So với trước đây, nhu cầu của con người về thực phẩm và hàng tiêu dùng có thể được đáp ứng chỉ bằng một chi phí nhỏ hơn nhiều về thời gian lao động. Tuy nhiên, cũng chính vì lẽ đó, vấn đề phân công lao động và phân phối các sản phẩm làm ra cũng trở nên khó khăn hơn nhiều. Tất cả chúng ta đều cảm thấy rằng, cuộc chơi tự do của các thể lực kinh tế, khát vọng quyền lực, khát vọng sở hữu vô trật tự và không được kiềm chế của các cá nhân không còn tự động dẫn đến một giải pháp có thể chấp nhận được cho các vấn đề đó. Cần phải có một thể chế có kế hoạch trong việc sản xuất hàng hóa, trong việc sử dụng sức lao động và phân phối các sản phẩm làm ra, để ngăn ngừa tình trạng lãng phí những lực lượng lao động quý giá, có trình độ cao, ngăn ngừa tình trạng bất cùng hóa và tình trạng khảnh kiệt của bộ phận lớn dân cư.

Một khi "thói ích kỷ" vô hạn trong đời sống kinh tế đưa đến những hậu quả tồi tệ, thì chính nó sẽ còn là kẻ dẫn đường tồi tệ hơn cho các quan hệ giữa các dân tộc với nhau. Sự phát triển của kỹ thuật quân sự chính là một kiểu phát triển, trong đó cuộc sống của con người là không thể chịu đựng nổi, khi chưa sớm tìm thấy

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

con đường để ngăn chặn các cuộc chiến tranh. Mục tiêu có tầm quan trọng đến như thế, nhưng những nỗ lực đã được thực hiện cho đến nay lại chưa đầy đủ.

Người ta tìm cách giảm nhẹ mối nguy hiểm đó bằng việc hạn chế vũ trang và thông qua các quy định hạn chế trong khi tiến hành chiến tranh. Chiến tranh không phải là một cuộc chơi tập thể, trong đó các bên tuân thủ một cách ngoan ngoãn luật chơi. Một khi liên quan đến sự sống còn, thì các quy định và nghĩa vụ của cuộc chơi trở nên bất lực! Chỉ có sự dẹp bỏ vô điều kiện mọi cuộc chiến tranh nói chung mới có thể cứu vãn được. Việc thiết lập một định chế trọng tài quốc tế là không đủ. Thông qua các hiệp ước phải tạo ra được sự đảm bảo rằng, các quyết định của cấp thẩm quyền này cùng được thực hiện bởi tất cả các quốc gia. Nếu không có sự đảm bảo chắc chắn đó, các quốc gia sẽ không bao giờ có đủ can đảm để giải trừ quân bị một cách nghiêm chỉnh.

Các bạn thử tưởng tượng xem, bằng cách đe dọa sẽ tẩy chay hàng hóa, chính phủ các nước Mỹ, Anh, Đức và Pháp đòi hỏi chính phủ Nhật Bản phải chấm dứt ngay lập tức các hoạt động chiến tranh chống lại Trung Quốc! Vậy, các bạn có tin rằng, ở Nhật Bản sẽ tìm ra được một chính phủ lại muốn đẩy đất nước mình vào một cuộc phiêu lưu nguy hiểm đến thế không? Tại sao điều

này lại không xảy ra? Tại sao mỗi con người, mỗi quốc gia lại cứ run sợ cho sự tồn vong của mình? Bởi vì ai nấy đều đi tìm lợi thế thậm hại nhất thời của mình và không chịu bắt nó phục tùng lợi ích và sự phát triển của cộng đồng.

Vì vậy, như tôi đã nói với các bạn lúc đầu rằng, số phận của nhân loại ngày hôm nay phụ thuộc vào các lực lượng có đạo đức của mình nhiều hơn bao giờ hết. Ở đâu cũng vậy, khước từ và tự hạn chế là con đường dẫn tới cuộc sống vui vẻ và hạnh phúc.

Các lực lượng ủng hộ cho một sự phát triển như vậy có thể đến từ đâu? Chỉ đến từ những người mà ngay từ trẻ đã có cơ hội tăng cường tinh thần và mở rộng tầm nhìn thông qua học tập và nghiên cứu. Chúng tôi, thế hệ đi trước trông đợi ở các bạn và hy vọng ở các bạn một điều là các bạn bằng những khả năng tốt nhất của mình sẽ hướng tới và sẽ đạt được những gì mà chúng tôi đã không làm nổi.

BÀN VỀ NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Trích từ một bức thư

Thay vì cho phép nước Đức áp dụng nghĩa vụ quân sự, tốt hơn hết là nên tước bỏ việc để ra nghĩa vụ này ở tất cả các nước và trước hết không cho phép thành lập bất cứ đạo quân nào ngoài đạo quân đánh thuê, với quy mô và trang thiết bị

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

quân sự sẽ được thỏa thuận sau. Điều này thiết nghĩ cũng có lợi cho nước Pháp so với việc phải cho phép nghĩa vụ quân sự ở Đức. Nếu được, ta ắt sẽ ngăn chặn được tác động tâm lý đầy hiểm họa do việc giáo dục quốc phòng toàn dân gây ra và cũng như việc tước đoạt quyền hạn của cá nhân vốn gắn liền với nền giáo dục ấy.

Ngoài ra, đối với cả hai nước, khi đã thống nhất được với nhau về một tòa án trọng tài trong việc giải quyết ổn thỏa tất cả các vấn đề tranh chấp liên quan đến các mối quan hệ song phương, thì có thể sẽ dễ dàng hơn nhiều trong việc hợp nhất các tổ chức của các quân nhân chuyên nghiệp [tức các đội quân đánh thuê] nói trên thành một tổ chức duy nhất bao gồm các cán bộ hỗn hợp. Đối với mỗi bên, điều này có thể giúp giảm nhẹ gánh nặng về mặt tài chính và lại bảo đảm được an ninh. Một quá trình hợp nhất như thế có thể phát triển thành các đội quân liên hiệp ngày càng lớn hơn và cuối cùng có thể đưa đến việc thành lập một cơ quan "cảnh sát quốc tế". Cơ quan này sẽ nhỏ dần đi tùy theo mức độ tăng cường an ninh quốc tế.

Quý vị có muốn bàn bạc với những người bạn của chúng ta về kiến nghị này như một sự gợi ý hay không? Tất nhiên, tôi hoàn toàn không cố bám vào kiến nghị đặc biệt này. Theo tôi, điều cần thiết là chúng ta phải đưa ra những đề nghị

Albert Einstein

tích cực. Nỗ lực phòng thủ thuần túy không thể hứa hẹn bất cứ sự thành công thực tế nào.

THƯ GỬI SIGMUND FREUD

Ngài Freud kính mến!

Thật thán phục được thấy khát vọng tiếp cận đến chân lý ở Ngài đã vượt hẳn bất cứ một khát vọng nào khác. Với sự sáng sủa vô song, Ngài đã cho thấy, những bản năng tranh đấu và hủy diệt là không thể tách rời khỏi bản năng của tình yêu và hiếu sinh trong tâm lý con người như thế nào. Nhưng đồng thời, từ những diễn giải chặt chẽ của Ngài toát lên một khát vọng sâu thẳm về một mục tiêu vĩ đại cho việc giải phóng con người khỏi chiến tranh, trong tâm hồn cũng như trên thực tế. Tất cả những ai đã được tôn vinh là những lãnh tụ trong lĩnh vực tinh thần và đạo đức vượt lên trên thời đại và dân tộc của mình, đều tán thành khát vọng vĩ đại này. Ở đây, nổi lên một sự thống nhất từ Jesus đến Goethe và Kant. Có một thực tế là những nhân vật này đã được mọi người công nhận là lãnh tụ, mặc dù ý chí của họ hướng đến việc tạo ra các mối quan hệ con người chỉ có khả năng thực hiện ở mức độ rất thấp. Thực tế này không có ý nghĩa gì sao?

Tôi tin chắc rằng, tuyệt đại đa số những cá nhân lỗi lạc, những người có vị trí hàng đầu nhờ các công trình của mình - dù chỉ là một nhóm

nhỏ - đều cùng chia sẻ lý tưởng này. Họ có rất ít ảnh hưởng đến sự phát triển về mặt chính trị. Thật tệ hại, khi lĩnh vực có ảnh hưởng quyết định đến số phận của các quốc gia lại bị giao phó một cách không thể tránh khỏi cho sự trơ trẽn và vô trách nhiệm của những kẻ cầm quyền chính trị.

Các lãnh tụ chính trị hoặc các chính phủ có được cương vị của mình một phần nhờ bạo lực, một phần do sự lựa chọn của quần chúng. Họ không thể được xem như là đại diện cho bộ phận ưu tú về mặt tinh thần và đạo đức của các quốc gia. Tuy vậy, hiện nay, bộ phận tinh túy về trí tuệ lại không có ảnh hưởng trực tiếp nào đến lịch sử các dân tộc: Tình trạng phân tán của họ đã ngăn cản sự tham gia trực tiếp của họ vào việc giải quyết các vấn đề bức xúc. Do đó, nếu một số ít người, mà thành quả và ảnh hưởng của họ bảo đảm cho năng lực và sự trong sáng trong ý đồ tập hợp nhau lại, thì Ngài có tin rằng, một sự tập hợp như thế có thể tạo ra được sự biến chuyển ở đây hay không? Cộng đồng có đặc điểm quốc tế này, cộng đồng mà các thành viên của nó duy trì quan hệ thông qua việc trao đổi ý kiến thường xuyên, nhờ việc bày tỏ thái độ trên báo chí - luôn với trách nhiệm của mỗi thành viên ký kết - sẽ có thể tạo được ảnh hưởng quan trọng và bổ ích đối với giải pháp cho các vấn đề chính trị. Tất nhiên, một cộng đồng như vậy ắt không tránh khỏi bị tổn thương bởi mọi thứ tiêu

cực vốn thường dẫn dắt giới trí thức hàn lâm vào sự thoái hóa; tức những mối nguy hiểm gắn liền chặt chẽ với những khiếm khuyết của bản tính con người. Dù vậy, tại sao ta lại không có dũng khí để thử tiến hành một nỗ lực như thế? Tôi coi một thử nghiệm như vậy hầu như là một bốn phần không thể từ khước được.

Nếu một tập thể trí tuệ có tiếng tăm như vậy có thể được thành lập, thì nó cũng phải có những nỗ lực có hệ thống để động viên các tổ chức tôn giáo tham gia vào cuộc vận động chống chiến tranh. Tập thể ấy nhất định sẽ mang lại một chỗ dựa tinh thần cho nhiều nhân vật, mà ý chí của họ hiện nay bị tê liệt vì nỗi chán chường đau đớn. Cuối cùng tôi tin rằng, một cộng đồng bao gồm những cá nhân có uy tín lớn do thành quả của họ cũng xứng đáng trở thành chỗ dựa tinh thần đáng quý cho các lực lượng trong Hội Quốc Liên, những lực lượng thực sự cống hiến năng lực của mình cho mục tiêu cao cả của tổ chức này.

Sở dĩ tôi thích trình bày những việc này cho Ngài hơn là cho bất kỳ ai khác, là vì khác với mọi người, Ngài không cảm thấy bị làm phiền khi lắng nghe về những ước vọng và bởi vì nhận định có tính phê phán của Ngài thể hiện ý thức trách nhiệm nghiêm chỉnh nhất.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

PHỤ NỮ VÀ CHIẾN TRANH

Theo quan niệm của tôi, trong cuộc chiến tranh sắp tới, người ta nên điều động những phụ nữ yêu nước ra mặt trận thay vì cánh đàn ông. Điều này sẽ mang đến một cái gì đó mới mẻ trong lĩnh vực khô khốc đầy những rắc rối vô biên này. Nhưng tại sao những tình cảm anh hùng được thể hiện từ phía phái đẹp ấy lại không được sử dụng ngoạn mục hơn là một cuộc tấn công vào một người dân thường tay không tác sát?

BA BỨC THƯ GỬI TÔI NHỮNG NGƯỜI YÊU CHUỘNG HÒA BÌNH

1.

Tôi được biết là các bạn đang âm thầm thực hiện những điều lớn lao bằng cả tâm hồn cao thượng của mình, được thúc đẩy bởi sự lo lắng cho những con người và số phận của họ. Chỉ ít người có khả năng tự nhìn bằng chính đôi mắt cũng như tự cảm nhận bằng chính trái tim của mình. Liệu loài người có rơi trở lại trạng thái mộng mị, trạng thái dường như đang được coi là mục tiêu của đám đông bị lừa phỉnh hay không, điều này phụ thuộc vào sức mạnh của những người đó.

Các dân tộc nên kịp hiểu rằng, họ phải hy sinh các quyền tự quyết dân tộc của mình nhiều biết chừng nào, để tránh khỏi cuộc chiến tranh mà tất cả mọi người chống lại nhau!²⁶ Sức mạnh của lương tâm và của tinh thần quốc tế tỏ ra còn quá yếu ớt. Giờ đây, quyền lực ấy thể hiện sự yếu đuối đến mức nó dung dưỡng một sự thỏa hiệp với những kẻ thù xấu xa nhất của nền văn minh. Đó là một kiểu hòa giải đồng nghĩa với tội ác chống lại loài người, mặc dù người ta lại huyênh hoang cứ như thể đó là sự sáng suốt chính trị.

Chúng ta không thể mất hy vọng ở con người, bởi vì bản thân chúng ta cũng chính là con người. Và quả là một niềm an ủi khi còn có những nhân cách như các bạn, những người có thật và ngay thẳng như chúng ta đang thấy.

2.

Tôi phải thẳng thắn thú nhận rằng, theo quan niệm của tôi, một tuyên bố như tuyên bố đính kèm theo đây trong một đất nước phải chịu sự cưỡng bức quân dịch trong thời bình là không có giá trị gì hết cả. Cuộc đấu tranh của các bạn phải hướng đến mục tiêu là bãi bỏ nghĩa vụ

²⁶ "Cuộc chiến tranh của tất cả chống lại tất cả" (*bellum omnium contra omnes*) là cách nói của Thomas Hobbes (1588-1679) để chỉ "trạng thái tự nhiên" mong muội của loài người.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

quân sự nói chung. Nhân dân Pháp đã phải trả giá đắt biết chừng nào cho chiến thắng năm 1918! Chiến thắng ấy đã góp phần ghê gớm vào việc duy trì tình trạng nô lệ ô nhục nhất của nhân dân Pháp.

Các bạn hãy kiên trì cuộc đấu tranh này! Các bạn có một đồng minh hùng mạnh ngay trong lòng những tên phản động và những kẻ quân phiệt Đức. Nếu chính nước Pháp duy trì luật nghĩa vụ quân sự, thì về lâu dài, người ta đã không thể ngăn cản được việc thông qua luật nghĩa vụ quân sự ở Đức. Bởi vì rốt cuộc, người Đức sẽ đòi hỏi thực hiện tình trạng tương tự. Khi đó, cứ có một người lính nô lệ Pháp thì có hai người lính nô lệ Đức. Điều này tuyệt nhiên không phù hợp với lợi ích của Pháp.

Chỉ khi thành công trong việc xóa bỏ nghĩa vụ quân sự nói chung, lúc ấy nền giáo dục giới trẻ theo tinh thần hòa giải, theo tinh thần khích lệ cuộc sống và tình yêu đối với mọi sinh thể, mới có thể được thực hiện.

Tôi tin rằng, từ chối quân dịch vì lý do lương tâm sẽ là một sức mạnh không thể chống đỡ nổi, một khi có tới 50.000 người đồng thời tẩy chay quân dịch. Từng cá nhân riêng lẻ có thể không làm được gì nhiều, và cũng không ai mong muốn rằng, chính con người, những cái quý giá nhất lại bị nộp mình cho cho bộ máy tàn sát mà đằng sau

nó là ba thế lực hùng mạnh: sự ngu xuẩn, sự khiếp sợ và sự háms lợi.

3.

Trong bức thư của mình, các bạn đã nêu lên một điểm hết sức quan trọng. Quả thực, nền công nghiệp quốc phòng là một trong những nguy cơ lớn nhất đe dọa nhân loại. Với tư cách là động lực của cái ác, nền công nghiệp quốc phòng giấu mình đằng sau chủ nghĩa dân tộc đang được phô trương ở khắp nơi.

Có lẽ việc quốc hữu hóa có thể mang lại chút ít lợi ích nào đó. Tuy nhiên, sự phân ranh giữa các ngành công nghiệp này là rất khó. Nền công nghiệp sản xuất máy bay có thuộc về công nghiệp quốc phòng không? Nền công nghiệp luyện kim và công nghiệp hóa học có bao nhiêu phần thuộc về công nghiệp quốc phòng?

Liên quan đến nền công nghiệp đạn dược và xuất khẩu khí tài quân sự, trong nhiều năm qua, Hội Quốc Liên đã rất cố gắng thiết lập một sự kiểm soát đối với nền thương mại bị ố này. Và ai cũng biết, kết quả đạt được còn rất nhỏ bé. Năm ngoái, tôi có hỏi một nhà ngoại giao Mỹ nổi tiếng: Tại sao người ta lại không vô hiệu hóa chính sách dùng sức mạnh của Nhật Bản nhờ phong tỏa thương mại? Câu trả lời là: "Những lợi ích thương mại của chúng tôi quá lớn." Làm

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

sao có thể giúp những con người tự thỏa mãn với những lời biện hộ ấy?

Các bạn có tin rằng, một lời nói của tôi là đã đủ để đạt được một cái gì đó trong lĩnh vực này? Thật ảo tưởng quá chừng! Một số người phỉnh nịnh tôi, chừng nào tôi chưa làm cho họ khó chịu. Nhưng nếu tôi vẫn cố gắng phục vụ các mục tiêu không dễ chịu đối với họ, thì họ lập tức chuyển sang giọng xi vạ và vu khống để bảo vệ quyền lợi của mình. Còn những người không can dự thì đa số thu mình trong sự nhu nhược. Các bạn đã từng làm phép thử về lòng can đảm của người công dân đối với những người đồng hương của mình chưa? Có một câu châm ngôn mặc nhiên như sau: Hãy đừng động chạm và đừng nói gì đến! Các bạn có thể tin chắc rằng, tôi sẽ cố gắng với mọi khả năng của mình để làm những gì có thể làm được theo tinh thần mà các bạn đề cập đến. Nhưng, nếu trực tiếp theo như các bạn nghĩ, thì e sẽ không đạt được điều gì cả.

CHỦ NGHĨA HÒA BÌNH TÍCH CỰC

Tôi thấy mình thật hạnh phúc khi được trực tiếp tham dự cuộc biểu tình lớn của nhân dân Flamande vì hòa bình. Đối với tôi, quả là một nhu cầu khi nhân danh những người có thiện chí và những người quan tâm đến tương lai nói to với tất cả những người tham gia cuộc biểu

tình này: Chúng tôi thấy gắn bó sâu sắc nhất với các bạn trong những giờ phút suy tư và thức tỉnh lương tâm này.

Chúng ta không nên che giấu một thực tế là: Việc cải thiện các mối quan hệ vô vọng hiện nay làm sao có thể có được, nếu không có các cuộc đấu tranh quyết liệt. Bởi vì số lượng những người quyết tâm trợ giúp một cách triệt để chỉ là nhỏ so với số đông những người không quyết tâm và những người bị dụ dỗ. Và quyền lực của những người quan tâm đến việc duy trì bộ máy chiến tranh lại rất lớn. Họ không từ một phương tiện nào để có thể khiến công luận phục vụ cho những mục tiêu của họ, những mục tiêu thù địch với cuộc sống.

Hình như là các nguyên thủ quốc gia hiện nay thực sự theo đuổi mục tiêu củng cố lâu dài nền hòa bình. Nhưng, sự gia tăng liên tục các trang thiết bị quân sự đã chỉ ra quá rõ ràng, họ không theo kịp các cường quốc thù địch, những nước đang thúc giục việc chuẩn bị chiến tranh. Theo xác tín của tôi, một sự cứu vãn chỉ có thể đến từ ngay trong lòng các dân tộc mà thôi. Nếu họ muốn tránh tình trạng nô lệ hèn hạ trong quân dịch, thì họ phải kiên quyết ủng hộ việc hoàn toàn giải trừ quân bị. Bởi vì chừng nào còn các lực lượng quân đội, thì bất cứ cuộc xung đột nghiêm trọng nào cũng đều có thể dẫn đến chiến tranh. Chủ nghĩa hòa bình, một khi không tích

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

cực đấu tranh chống lại sự chạy đua vũ trang của các quốc gia, thì nó vẫn và sẽ mãi mãi chỉ là một thứ chủ nghĩa hòa bình bất lực mà thôi.

Mong rằng, lương tâm và trí óc lạnh mạnh của các dân tộc trở nên sống động hơn để chúng ta đạt tới được một cấp độ mới của của sự cộng sinh giữa các dân tộc; một cấp độ mà từ đó nhìn lại, chiến tranh được coi là một sai lầm không thể nào hiểu nổi của cha ông chúng ta.

MỘT LỜI CHIA TAY

Thư gửi Ngài thư ký Đức của Hội Quốc Liên

Ngài Dufour – Feronce kính mến!

Bức thư đầy thân thiện của ngài không thể không được trả lời, bởi vì nếu không, ngài đã có thể nhận được một cách hiểu không chuẩn xác về chính kiến của tôi. Việc tôi quyết định không đi Genève nữa dựa trên cơ sở thực tế sau đây: Kinh nghiệm tiếc thay đã mách bảo cho tôi rằng, Ủy ban trung gian²⁷ đã không thể hiện được ý chí nghiêm túc trong việc đạt được các tiến bộ cơ bản trong các nhiệm vụ làm lạnh mạnh hóa các quan hệ quốc tế. Tôi chỉ thấy trong ủy ban này chủ yếu là sự hiện thân của nguyên tắc “ut

²⁷ Kommission im Mittell: Chúng tôi chưa hiểu rõ tên gọi của tổ chức này, vì vậy xin tạm dịch là “Ủy ban trung gian”

aliquid fieri videatur"²⁸. Đối với tôi, ủy ban này thậm chí còn tồi tệ hơn cả Hội Quốc Liên xét một tổ chức tổng thể.

Tôi cho rằng, tôi phải rời bỏ ủy ban này, chính bởi vì tôi muốn hành động theo khả năng để tạo ra một thẩm quyền trọng tài quốc tế, hoạt động siêu quốc gia, và bởi vì mục tiêu này là mong muốn từ đáy lòng tôi.

Ủy ban này đã đồng ý cho phép việc áp bức các cộng đồng văn hóa thiểu số ở các quốc gia riêng lẻ bằng cách cho ra đời "Ủy ban Quốc gia" ở các nước này, tổ chức đóng vai trò cầu nối duy nhất giữa giới trí thức của nước này với ủy ban. Như vậy, ủy ban này đã cố tình chối bỏ chức năng là chỗ dựa tinh thần cho các sắc tộc thiểu số trong các quốc gia chống lại sự áp bức văn hóa.

Ngoài ra, đối với vấn đề đấu tranh chống lại các xu hướng Sô vanh và quân phiệt trong việc giảng dạy ở từng nước riêng biệt, ủy ban này còn chọn một thái độ thiếu kiên quyết khiến người ta khó có thể hy vọng gì về những nỗ lực nghiêm túc của ủy ban trong lĩnh vực quan trọng cơ bản này.

Ủy ban này đã luôn luôn bỏ qua khả năng trở thành chỗ dựa tinh thần cho các cá nhân và các

²⁸ Tiếng Latin: còn được viết tắt là: "ut aliquid fiat", có nghĩa "chỉ cốt làm một điều gì đấy, không cần nghĩ đến kết quả", tương tự như "làm cho có làm", "được chăng hay chớ".

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

tổ chức liên kết có nhiệm vụ hoạt động một cách triệt để cho một trật tự luật quốc tế và chống lại thể chế quân sự. Ủy ban đã không bao giờ cố gắng đối đầu với chủ trương thôn tính của các nước thành viên mà ủy ban này biết rằng, các nước này đại diện cho các khuynh hướng hoàn toàn khác với xu hướng mà ủy ban này có bốn phận phái đại diện.

Tôi không muốn tiếp tục làm cho ngài phát ngán bằng những luận cứ như vậy nữa, bởi vì ngài đã hiểu được quyết định của tôi một cách đầy đủ sau những điều ít ỏi vừa nêu. Tôi không muốn làm người buộc tội, mà tôi muốn chỉ lý giải thái độ của mình. Nếu tôi muốn nuôi dưỡng một hy vọng nào đó, thì tôi phải hành động khác. Ngài có thể chắc chắn về điều này.

BÀN VỀ VẤN ĐỀ GIẢI TRỪ QUÂN BỊ

Việc thực hiện kế hoạch giải trừ quân bị đã bị gây trở ngại, nhất là khi người ta nói chung không biết tự kiểm điểm về khó khăn lớn nhất của nó. Người ta đã đạt được đa số các mục tiêu trong các bước đi nhỏ. Nhưng hãy nghĩ đến việc xóa bỏ nền quân chủ tuyệt đối bằng nền dân chủ. Ở đây, tồn tại một mục tiêu không thể nào đạt được chỉ bằng những bước đi nhỏ dần dần.

Một khi chính khả năng chiến tranh không bị loại trừ, thì các dân tộc không thể làm gì hơn

ngoài việc chuẩn bị về mặt quân sự sao cho hoàn thiện để có thể chiến thắng được cuộc chiến tranh tiếp theo. Người ta cũng không thể làm khác hơn là giáo dục thanh niên về các truyền thống đấu tranh nhằm nuôi dưỡng tính tự phụ dân tộc hẹp hòi kết hợp với việc ca ngợi quan điểm chiến tranh. Người ta vẫn thường làm như vậy, chừng nào phải tính đến việc phải dùng đến thái độ ủng hộ của công dân cho các cuộc xung đột chiến tranh. Nhưng thực ra, vũ trang không có nghĩa là tán thành và chuẩn bị hòa bình, mà ngược lại, có nghĩa là tán thành và chuẩn bị chiến tranh. Vì vậy, người ta sẽ không giải trừ quân bị trong những bước đi nhỏ, mà phải làm luôn một lần hoặc hoàn toàn không làm gì cả.

Tiền đề cho việc thực hiện một biến đổi sâu sắc như thế trong đời sống của nhân dân là một nỗ lực tinh thần mạnh mẽ, là sự chỗi bỏ một cách có ý thức các truyền thống thâm căn cố đế. Những kẻ nào không sẵn sàng gắn số phận của quốc gia mình một cách vô điều kiện với các quyết định của một tổ chức tòa án trọng tài quốc tế trong trường hợp tranh chấp và không xác định dứt khoát điều này bằng hiệp định của nhà nước, những kẻ đó không quyết tâm thực sự để loại bỏ chiến tranh. Khẩu hiệu được đưa ra ở đây là: Tất cả hoặc không gì cả!

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Người ta không thể bác bỏ thực tế là: Cho đến nay, sở dĩ những nỗ lực nhằm bảo đảm hòa bình đã thất bại là vì chúng cố đạt được những thỏa hiệp nửa vời.

Giải trừ quân bị và an ninh chỉ có thể đạt được trong sự gắn kết với nhau. An ninh chỉ có thể được bảo đảm bởi nghĩa vụ của tất cả các quốc gia trong việc thực thi các quyết định quốc tế.

Chúng ta đang đứng ở ngã ba đường. Liệu chúng ta có tìm được con đường dẫn đến hòa bình hay vẫn cứ tiếp tục đi con đường không xứng đáng với nền văn minh của chúng ta như trước đây, điều này nằm trong tay của chúng ta. Một bên là sự vẫy gọi của tự do của các cá nhân và sự an ninh của cộng đồng. Bên kia là nguy cơ nô lệ cho cá nhân, là sự hủy diệt nền văn minh của chúng ta. Số phận của chúng ta phụ thuộc vào câu hỏi: chúng ta xứng đáng với nó như thế nào?

BÀN VỀ HỘI NGHỊ GIẢI TRỪ QUÂN BỊ NĂM 1932

1.

Liệu tôi có được phép bắt đầu bằng một tín niệm chính trị? Đó là: Nhà nước tồn tại vì con người, chứ không phải con người tồn tại vì nhà nước. Người ta cũng có thể nói về khoa học cũng tương tự như đã nói như thế về nhà nước. Đó là những công thức cũ. Những công thức

này được khắc ghi bởi những ai xem nhân cách con người như một giá trị cao quý nhất có tính người. Tôi rất ngại phải lặp lại những công thức này, khi chúng có nguy cơ đôi khi bị rơi vào sự quên lãng, nhất là trong thời đại đầy những tổ chức và khuôn mẫu như thời đại chúng ta. Tôi thấy nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của nhà nước là bảo vệ cá nhân và tạo cho cá nhân khả năng phát triển thành nhân cách sáng tạo.

Như vậy, nhà nước cần phải là người đẩy tớ của chúng ta, chứ không phải chúng ta là nô lệ của nhà nước. Nhà nước vi phạm đòi hỏi này, khi nó dùng bạo lực để ép buộc chúng ta phải phục vụ quân đội và chiến tranh, đặc biệt là khi sự phục vụ nô lệ này hướng đến mục tiêu và kết quả tàn sát những người dân nước khác hoặc gây tổn hại cho sự tự do phát triển của họ. Chúng ta chỉ nên dành cho nhà nước những hy sinh mang lại kết quả tốt đẹp cho sự phát triển tự do của các cá nhân. Những điều quý báu này có thể là hiển nhiên đối với mỗi người Mỹ, chứ không phải đối với mỗi người châu Âu. Vì vậy, chúng ta vẫn có thể hy vọng rằng, cuộc vận động chống chiến tranh sẽ có một chỗ dựa vững chắc ở người Mỹ.

Nhưng bây giờ, xin trở về với Hội nghị Giải trừ Quân bị! Người ta nên cười, nên khóc hay nên hy vọng, khi nghĩ đến nó? Quý vị hãy thử tưởng tượng một thành phố có toàn là những

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

công dân cáu bẳn, dôi trá và hay thích gây gổ! Ở đó, người ta cảm nhận được mỗi nguy cơ thường trực đe dọa cuộc sống như là trở ngại lớn cho mọi sự phát triển lành mạnh. Tòa thị chính muốn khắc phục tình trạng ghê tởm ấy, mặc dù mỗi thành viên trong các hội đồng thành phố lẫn mỗi người dân đều không muốn bị cấm mang dao găm bên thắt lưng. Sau nhiều năm chuẩn bị, Tòa thị chính quyết định mang vấn đề ra bàn và đưa ra để tài thảo luận: Con dao găm mà mỗi người mang theo ở thắt lưng khi đi dạo chơi, được phép dài và sắc như thế nào? Chừng nào những người dân ranh mãnh này không đứng ra chống lại hiện tượng đâm chém nhau bằng luật pháp, tòa án và cảnh sát, thì tất nhiên sẽ chẳng có gì thay đổi cả. Một sự ấn định về chiều dài và độ sắc của các con dao găm được mang sẽ chỉ có lợi cho cho những kẻ thích hành hung và những kẻ mạnh nhất, và chỉ là sự phò mặc những người yếu hơn cho chúng. Tất cả các quý vị đều biết rằng, sự so sánh này ám chỉ điều gì. Chúng ta hiện đang có Hội Quốc Liên và một Tòa án Trọng tài. Nhưng Hội Quốc Liên thì lại chẳng hơn gì một phòng họp và Tòa án Trọng tài cũng lại không có phương tiện để thực thi các quyết định của mình. Các cơ quan này không đảm bảo an ninh được cho bất cứ quốc gia nào trong trường hợp bị tấn công. Nếu quý vị xem xét kỹ điều này, thì đối với quan điểm của Pháp về việc từ chối giải trừ quân bị trong trường hợp

không có an ninh, ắt hẳn quý vị sẽ phê phán một cách nhẹ nhàng hơn là so với những gì đang thường diễn ra hiện nay.

Nếu chúng ta không biết hạn chế chủ quyền của các quốc gia riêng lẻ bằng cách buộc mọi quốc gia phải có nghĩa vụ thực hiện hành động chung chống lại những quốc gia công khai hay giấu giếm đi ngược lại với phán quyết của Tòa án Trọng tài này, thì chúng ta không thể thoát ra khỏi tình trạng lộn xộn và những hiểm họa nói chung. Chủ quyền không bị hạn chế của từng quốc gia và an ninh chống lại các cuộc tấn công không thể được hợp nhất bởi các mảnh khoe. Có cần phải chờ đến các thảm họa mới nữa để rồi mới buộc các quốc gia phải có nghĩa vụ thực thi các quyết định của cơ quan tòa án quốc tế đã được công nhận hay không? Từ thực trạng hiện nay, chúng ta chẳng có lý do gì để trông chờ điều gì tốt đẹp hơn trong tương lai gần. Nhưng bất cứ ai là người bạn thân thiện với nền văn minh và với sự công bằng phải dốc toàn bộ khả năng tốt nhất của mình để thuyết phục đồng loại của mình về sự cần thiết của sự liên kết quốc tế như vậy giữa các quốc gia riêng rẽ.

Người ta không phải không có lý do chính đáng để phản bác lại quan niệm này khi cho rằng nó quá coi trọng yếu tố tổ chức và xem thường yếu tố tâm lý, đặc biệt là yếu tố đạo đức. Lý lẽ ấy khẳng định rằng, giải trừ quân bị về

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

mặt tinh thần phải đi trước giải trừ quân bị về mặt vật chất. Cũng nên hiểu một cách rõ ràng rằng, trở ngại lớn nhất của trật tự quốc tế chính là chủ nghĩa dân tộc đã được tăng cường thành một thứ quái đản, một kiểu chủ nghĩa dân tộc được gọi bằng một cái tên đầy cảm tình nhưng dễ bị lạm dụng là chủ nghĩa yêu nước. Trong một trăm năm mươi năm qua, thần tượng ấy đã đạt được một quyền lực khủng khiếp, cực kỳ tai hại. Để có được quan điểm đúng đắn về sự phản kháng đó, người ta phải nhận ra rằng, yếu tố tổ chức và yếu tố tâm lý quy định lẫn nhau. Các tổ chức không chỉ phụ thuộc vào các thái độ truyền thống mang màu sắc tình cảm mà nhờ đó chúng được hình thành và phát triển. Các tổ chức còn tác động mạnh mẽ ngược trở lại các thái độ dựa theo tình cảm này của các dân tộc.

Theo tôi, chủ nghĩa dân tộc - khi đã phát triển cao đến mức tai hại như thế ở khắp mọi nơi - có liên quan chặt chẽ nhất với việc đưa ra nghĩa vụ quân sự nói chung - hoặc với tên gọi ngọt ngào hơn - với việc thiết lập "quân đội nhân dân". Khi đòi hỏi những người dân thực hiện nghĩa vụ quân sự, nhà nước buộc phải phải nuôi dưỡng tình cảm của chủ nghĩa dân tộc ở những người dân này. Tình cảm ấy tạo cơ sở tâm lý cần thiết cho các mục đích sử dụng về mặt quân sự. Thế là bên cạnh tôn giáo, nhà nước lại phải ca ngợi công cụ bạo lực độc ác của mình trước giới trẻ trong học đường!

Vì vậy, theo quan niệm của tôi, việc đề ra nghĩa vụ quân sự nói chung là điều chủ yếu trong sự suy đồi đạo đức của chúng tộc da trắng. Sự suy đồi đạo đức đe dọa nghiêm trọng đến sự tồn vong của nền văn hóa của chúng ta, thậm chí về sự sinh tồn của chúng ta. Bên cạnh những điều tốt lành vĩ đại về mặt xã hội, sự kiện tồi tệ này đã xuất phát từ cuộc Đại cách mạng Pháp và sau đó trong một thời gian ngắn đã lôi kéo tất cả các dân tộc khác.

Những ai muốn bênh vực quan điểm quốc tế và chống lại chủ nghĩa dân tộc Sô vanh, thì phải đấu tranh chống quân dịch nói chung. Phải chăng đối với xã hội, các cuộc truy nã gay gắt hiện nhằm vào những người chống quân dịch vì động cơ đạo đức, là ít đáng hổ thẹn hơn những cuộc truy nã nhằm vào những người tử vì đạo trong các thế kỷ trước đây? Người ta có thể loại trừ chiến tranh, như đã làm trong Hiệp định Kellogg, được hay không, trong khi vẫn phó mặc các cá nhân không được bảo vệ cho bộ máy chiến tranh của các nước riêng lẻ?

Còn về Hội nghị Giải trừ quân bị, nếu người ta không muốn chỉ tự hạn chế ở yếu tố tổ chức kỹ thuật, mà muốn cân nhắc cả đến yếu tố tâm lý một cách trực tiếp vì những động cơ giáo dục, thì người ta phải bằng con đường quốc tế tạo khả năng hợp pháp cho các cá nhân khước từ quân dịch. Không nghi ngờ gì nữa, một kế sách

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

như thế có thể tạo ra tác động mạnh mẽ về mặt đạo đức.

Tôi tóm lược lại quan điểm của mình như sau: Những thỏa thuận thuần túy về hạn chế vũ trang không hề đảm bảo được an ninh. Tòa án Trọng tài theo quy định cần phải có quyền hành pháp được đảm bảo bởi tất cả các quốc gia thành viên tham gia. Đó là quyền hành pháp nhằm can thiệp bằng sự trừng phạt về kinh tế và quân sự chống lại những kẻ phá hoại hòa bình. Cần phải đấu tranh chống nghĩa vụ quân sự nói chung như một ổ dịch chủ yếu của chủ nghĩa dân tộc bệnh hoạn. Đặc biệt, những người chống quân dịch cần phải được bảo vệ trên cơ sở quốc tế.

2.

Những gì mà tinh thần sáng tạo của con người trong những thế kỷ vừa qua ban tặng cho chúng ta, đã có thể tạo ra một cuộc sống thanh thản và hạnh phúc, giá như sự phát triển về mặt tổ chức có bước tiến đồng thời với sự phát triển về mặt kỹ thuật. Tuy nhiên, những gì đã đạt được một cách khó nhọc đang nằm trong tay thế hệ chúng ta, lại giống như lưỡi dao cạo trong tay đứa trẻ lên ba. Sở hữu về tư liệu sản xuất kỳ diệu không mang lại hòa bình, mà chỉ mang đến những lo âu và đói khổ.

Tiến bộ kỹ thuật đã gây những tác động tồi tệ nhất ở nơi mà nó cung cấp các phương tiện để hủy diệt cuộc sống con người và để phá hủy các

công trình của con người được tạo ra bằng lao động vất vả. Chúng tôi là những người cao tuổi đã từng ném trái những nỗi kinh hoàng trong chiến tranh thế giới. Tình trạng nô lệ đáng hổ thẹn, trong đó mỗi cá nhân phải chịu đựng từ cuộc chiến tranh, dường như đối với tôi còn khủng khiếp hơn cả hủy diệt. Chẳng đáng sợ sao, khi những hành động mà mỗi người coi là tội ác đáng ghê tởm, lại bị buộc phải tuân thủ cái chung? Chỉ có một số ít người là có được sự vĩ đại về đạo đức để phản kháng lại. Trong mắt tôi, họ là những vị anh hùng thực sự của cuộc chiến tranh thế giới.

Vẫn có một tia hy vọng. Tôi cảm tưởng rằng, ngày nay, những lãnh tụ có trách nhiệm của các dân tộc thực sự thành tâm mong muốn dẹp bỏ chiến tranh. Sự kháng cự chống lại quá trình phát triển tất yếu, vô điều kiện có cội rễ trong những truyền thống đầy bất hạnh của các dân tộc, những truyền thống được kéo theo bởi cơ chế giáo dục như một căn bệnh di truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhân tố chủ yếu của các truyền thống này là việc đào tạo quân sự, là việc tôn vinh đào tạo quân sự và liên quan đến bộ phận truyền thông lệ thuộc vào công nghiệp nặng và quân đội. Nếu không giải trừ quân bị thì không thể có nền hòa bình bền vững. Ngược lại, việc duy trì các trang thiết bị quân sự ở quy mô hiện nay chắc chắn sẽ dẫn đến những thảm họa mới.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Do vậy, Hội nghị Giải trừ quân bị năm 1932 là có tính quyết định đối với số phận của thế hệ hiện nay và thế hệ tiếp theo. Nếu người ta nghĩ đến các kết quả nghèo nàn của các hội nghị trước đây, thì người ta thấy rõ rằng, tất cả những người có trách nhiệm và khôn ngoan cần phải huy động mọi khả năng để luôn hướng dẫn công luận hiểu được tầm quan trọng to lớn của Hội nghị năm 1932. Chỉ khi các nguyên thủ quốc gia thể hiện được ý chí hòa bình của đa số những người có quyền quyết định trong nước mình, thì họ mới có thể đạt được mục tiêu quan trọng của mình: Để tạo ra được công luận này, mỗi người phải cùng chịu trách nhiệm về mỗi lời nói và việc làm của mình.

Hội nghị có thể được coi là thất bại, nếu như những đại biểu đến tham dự với những lời huân thị đã được chuẩn bị sẵn, và bây giờ việc thực hiện chúng chỉ trở thành một công việc giữ thể diện. Điều này dường như đều được mọi người thừa nhận. Bởi vì các cuộc gặp gỡ song phương của các nguyên thủ quốc gia hai nước được thực hiện trong thời gian vừa qua thông qua các cuộc tọa đàm về vấn đề giải trừ quân bị, đã được sử dụng để chuẩn bị cơ sở cho Hội nghị. Con đường này đối với tôi dường như là một con đường có cơ may, bởi vì hai người hoặc hai bên vun đắp cho các khả năng đàm phán với nhau sao cho hợp lý nhất, chân thành nhất và bình tĩnh nhất. Khi không có người thứ ba nghe

được, thì họ không phải quá thận trọng trong lời nói của mình. Chỉ khi Hội nghị được chuẩn bị một cách sáng tạo theo cách này, khi những điều bất ngờ được loại trừ và khi một bầu không khí tin cậy được tạo nên bởi thiện ý chân thành, thì chúng ta mới có thể hy vọng vào một kết quả tốt đẹp. Thành công của sự nghiệp vĩ đại này lại không phụ thuộc vào sự thông minh hay thậm chí vào sự khôn ngoan, mà phụ thuộc vào sự chân thành và sự tin cậy. Yếu tố đạo đức không thể bị thay thế bởi lý trí. Tôi muốn nói rằng, đó là điều điểm phức.

Chỉ chờ đợi hay phê phán đơn thuần là điều không thích hợp với người đương thời. Người đương thời phải phục vụ cho sự nghiệp này bằng hết khả năng của mình. Số phận của tất cả mọi người là cái mà họ xứng đáng được hưởng.

NƯỚC MỸ VÀ HỘI NGHỊ GIẢI TRỪ QUÂN BỊ NĂM 1932

Người Mỹ ngày nay đang trần trụi với bao nỗi lo lắng. Những nỗi lo ấy gắn liền với tình trạng kinh tế của nước này. Những nhà lãnh đạo có ý thức trách nhiệm tập trung chủ yếu vào việc loại bỏ nạn thất nghiệp nặng nề ở nước mình. Tình cảm gắn bó với số phận của thế giới còn lại, đặc biệt với đất mẹ châu Âu càng ít sôi động hơn so với những thời điểm bình thường.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Nhưng nền kinh tế tự do sẽ không tự động vượt qua được những khó khăn này. Cần phải có những kế sách điều tiết từ giác độ tổng thể, để tạo ra được một sự phân công lao động và một sự phân phối lành mạnh đối với các sản phẩm tiêu dùng giữa con người với nhau, vì nếu không có điều ấy, nhân dân của một nước giàu có nhất cũng sẽ bị ngạt thở. Việc cải thiện các biện pháp kỹ thuật làm suy giảm chính lao động cần thiết sản xuất hàng hóa cho tất cả mọi người, vì thế thông qua cuộc chơi tự do của các thế lực, không còn xuất hiện tình trạng, trong đó tất cả các lực lượng lao động đều được sử dụng. Một quy chế tổ chức có ý thức sẽ là cần thiết nhằm làm cho các tiến bộ về mặt kỹ thuật trở nên có hiệu quả có lợi cho tất cả mọi người.

Thiếu quy định về mặt kế hoạch, nền kinh tế không thể được đưa vào quy củ. Cũng như vậy, một quy định về mặt kế hoạch như vậy càng cần thiết hơn nhiều đối với các vấn đề chính trị quốc tế. Hiện nay chỉ còn có một số ít người còn quan niệm rằng, các hành động bạo lực dưới dạng chiến tranh là một phương tiện có lợi thế và xứng đáng với nhân loại để giải quyết các vấn đề quốc tế. Nhưng họ lại chưa kiên quyết đại diện và thực hiện một cách tích cực các kế sách này, các kế sách có khả năng tránh được các cuộc chiến tranh, tránh được những hành động dã man và vô nhân tính, những tàn dư của các thời đại man rợ. Cần phải có quan điểm thống

nhất để thấy rõ và phải có dũng khí nào đó để phục vụ mục tiêu quan trọng này một cách hiệu quả và với quyết tâm cao.

Ai thực sự mong muốn dẹp bỏ chiến tranh, người đó phải quyết tâm đấu tranh sao cho quốc gia của mình khước từ một phần chủ quyền của mình có lợi cho các thiết chế quốc tế. Người đó phải sẵn sàng, trong trường hợp xung đột, buộc quốc gia mình phải tuân thủ phán quyết của Trọng tài Quốc tế. Người đó phải kiên quyết đấu tranh để tất cả các quốc gia thực hiện giải trừ quân bị, kể cả trong trường hợp xấu như được dự tính trong Hiệp ước Versailles. Không thể trông đợi tiến bộ xã hội, nếu không loại bỏ nền giáo dục toàn dân về quốc phòng và về chủ nghĩa yêu nước hiếu chiến.

Đối với các quốc gia văn minh có nhiều ảnh hưởng, không có sự kiện nào trong những năm qua lại đáng hổ thẹn hơn là thất bại của các hội nghị giải trừ quân bị trước đây; bởi vì thất bại này không chỉ là do những âm mưu thâm độc của các vị nguyên thủ quốc gia vô lương tâm và hiếu thắng, mà còn là do sự thờ ơ và sự thiếu nghị lực của con người ở tất cả các nước. Nếu điều này không khác đi, thì chúng ta sẽ tàn phá những gì thực sự quý giá mà tổ tiên chúng ta đã tạo ra được.

Tôi cho rằng, nhân dân Mỹ cũng không ý thức được đầy đủ trách nhiệm đè nặng lên vai

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

họ trong mỗi quan hệ này. Ở Mỹ, người ta nghĩ như sau: "Châu Âu có thể bị suy vong, nếu nó bị hủy hoại bởi sự thiếu hòa đồng và tính thâm hiểm của dân chúng ở đây. Mầm sống của tổng thống Wilson đã đâm chồi lên một cách thảm hại trên miếng đất cằn cỗi của châu Âu. Chúng ta thì mạnh mẽ và chắc chắn, và chúng ta sẽ không vội vàng can thiệp vào những công việc khó chịu của người khác."

Kẻ nào nghĩ như thế, kẻ đó vừa không cao thượng lại vừa không biết nhìn xa trông rộng. Nước Mỹ không phải là vô can trong nỗi khốn khó của châu Âu. Bằng việc rút lại một cách tàn nhẫn các khoản tiền cho vay, nước Mỹ đã thúc đẩy sự suy thoái về mặt kinh tế và đồng thời cả sự suy đồi về mặt đạo đức của châu Âu. Nước Mỹ đã góp phần vào việc ban căng hóa châu Âu và như vậy là đồng phạm trong sự suy đồi của đạo đức chính trị và trong việc làm gia tăng lòng hận thù được nuôi dưỡng bởi sự tuyệt vọng. Lòng hận thù ấy đã không dừng lại trước cửa ngõ nước Mỹ. Các quý vị hãy thử nhìn trước, nhìn sau mà xem!

Không cần phải nhiều lời: Hội nghị Giải trừ quân bị có nghĩa là một cơ hội cuối cùng không chỉ đối với chúng ta, mà còn đối với các quý vị, nhằm đảm bảo những gì tốt đẹp nhất mà nhân loại văn minh đã tạo ra. Những ánh mắt và hy vọng đang trông đợi ở các quý vị

Albert Einstein

với tư cách là những người cường tráng và tương đối khỏe mạnh.

BÀN VỀ TÒA ÁN TRỌNG TÀI

Việc giải trừ quân bị một cách có kế hoạch trong khoảng thời gian ngắn chỉ khả thi, nếu có được một sự đảm bảo an ninh của tất cả các nước dành cho mỗi nước. Điều này dựa trên cơ sở một Tòa án Trọng tài thường trực và độc lập với các chính phủ.

Nghĩa vụ vô điều kiện của các quốc gia không chỉ là ở chỗ chấp nhận các phán quyết của Tòa án Trọng tài, mà còn ở chỗ thi hành các phán quyết đó.

Mỗi khu vực như châu Âu – châu Phi, châu Mỹ và châu Á, có một tòa án trọng tài đặc biệt phụ trách; còn châu Úc có thể được phân bổ về một trong ba khu vực này. Tòa án Trọng tài chung sẽ chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến các sự việc không thể được giải quyết trong khuôn khổ ba khu vực trên.

QUỐC TẾ KHOA HỌC

Trong chiến tranh, khi sự mù quáng về mặt dân tộc và về mặt chính trị đã đạt đến đỉnh cao của nó, trong một phiên họp của Viện Hàn lâm, Emil Fischer đã nhấn mạnh: “Thưa các ngài! Các ngài chẳng thể làm gì được cả. Khoa học có và sẽ

còn có tính quốc tế.” Những người vĩ đại trong số các nhà nghiên cứu đã luôn biết rõ và cảm nhận được điều này một cách nhiệt thành, cho dù trong những thời kỳ có những rắc rối chính trị, họ bị cô lập trước các đồng nghiệp có tầm cỡ nhỏ hơn của mình. Trong cuộc chiến tranh vừa qua, phần lớn những người có quyền bỏ phiếu trong tất cả các phe phái đã phản bội giá trị thiêng liêng đã được giao phó cho họ. Liên đoàn Quốc tế của các viện hàn lâm đã bị giải tán. Các đại hội đã và vẫn đang được tổ chức nhưng lại loại trừ các chuyên gia từ các nước thù địch trước kia. Những tính toán chính trị được đưa ra với vẻ quan trọng đang ngăn cản sự thống trị độc tôn của những khía cạnh thuần túy chuyên môn vì sự phát triển thịnh vượng cho những mục tiêu lớn.

Những người có thiện chí, những kẻ không chịu khuất phục trước những tranh cãi đầy cảm tính, nhất thời, phải làm gì để giành lại những gì đã mất? Người ta vẫn chưa thể tổ chức được những hội nghị có quy mô lớn, thực sự có tính quốc tế, khi phần lớn những người lao động trí óc vẫn đang còn ở tình trạng đẩy kích động như thế. Sự phản kháng về mặt tâm lý chống lại sự phục hồi những nhóm làm việc chung về khoa học có tính quốc tế vẫn còn quá mạnh khiến một thiểu số những người có những quan điểm và tình cảm rộng lớn hơn khó có thể vượt qua được. Những người này có thể đóng góp vào những mục tiêu

lớn là làm lành mạnh các hiệp hội quốc tế, bằng cách duy trì các mối quan hệ chặt chẽ với những người cùng chí hướng và trong phạm vi ảnh hưởng của mình kiên trì bảo vệ những lợi ích quốc tế chung. Thành công một cách tổng thể thì còn phải chờ, nhưng chắc chắn nó sẽ đến. Tôi không muốn bỏ qua cơ hội này, mà không muốn nhấn mạnh một cách tự hào rằng, trong suốt những năm gian khổ này, mong muốn duy trì cộng đồng lao động trí óc vẫn còn sống động, đặc biệt trong một số lượng lớn các đồng nghiệp chuyên môn người Anh. Ở đâu cũng vậy, những phát biểu chính thức bao giờ cũng tẻ hơn là tình cảm trong nội tâm của mỗi con người. Những người có thiện ý nên ghi nhớ điều này và đừng nên tức giận hay để mình bị nhầm lẫn: "*senatores boni viri, senatus autem bestia*"²⁹.

Nếu tôi hoàn toàn lạc quan về tiến bộ của tổ chức quốc tế nói chung, thì điều này phụ thuộc nhiều vào vào sức ép gay gắt của sự phát triển kinh tế, hơn là vào lòng tin ở sự sáng suốt và cao thượng của chính kiến. Bởi vì sự phát triển kinh tế phụ thuộc rất lớn vào lao động trí óc của các nhà khoa học có tư tưởng khá chậm tiến, nên chính những người này dù miễn cưỡng, cũng góp sức vào việc tạo dựng tổ chức quốc tế.

²⁹ Xem chú thích (23)

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

BÀN VỀ CÁC NHÓM THIẾU SỐ

Dường như có một thực trạng chung là các nhóm thiểu số bị các nhóm đa số xem như những nhóm người có giá trị thấp kém sống cùng, đặc biệt khi các thành viên của các nhóm thiểu số này có thể được nhận ra nhờ các đặc điểm về thể chất. Bi kịch như thế của số phận không chỉ ở sự phân biệt đối xử theo bản năng đối với các nhóm này về quan hệ kinh tế và xã hội, mà còn ở chỗ, do những ảnh hưởng kích động của đa số, những người bị liên lụy bởi cách đối xử như vậy, phần lớn trở thành nạn nhân của các nhận định thành kiến và tự coi mình là thấp kém về giá trị. Về thứ hai, về lớn hơn trong điều bất hạnh này có thể bị loại trừ nhờ sự đoàn kết và nhờ sự giáo huấn có ý thức cho nhóm thiểu số và bằng cách đó có thể đạt được sự giải phóng về mặt tinh thần cho nhóm thiểu số.

Nỗ lực có ý thức của những người Mỹ da đen theo hướng này xứng đáng được thừa nhận và khích lệ.

ĐỨC VÀ PHÁP

Một sự hợp tác đẩy tin cậy giữa Đức và Pháp chỉ có thể hình thành, khi đòi hỏi của Pháp về an ninh chống lại các cuộc tấn công quân sự được đáp ứng. Nếu Pháp đưa ra các yêu sách liên quan đến vấn đề này, thì một bước đi như thế chắc chắn bị tiếp nhận một cách tiêu cực ở Đức.

Tuy nhiên, dường như có thể hành động theo cách sau đây: Bản thân chính phủ Đức đề nghị với chính phủ Pháp cùng với mình đệ đơn lên Hội Quốc Liên. Hội Quốc Liên nên đề nghị tất cả các quốc gia thành viên đảm nhận các nghĩa vụ sau đây:

1) tuân thủ bất kỳ quyết định nào của Tòa án Trọng tài quốc tế;

2) bằng tất cả các phương tiện hỗ trợ về mặt kinh tế và quân sự của mình cùng với tất cả các quốc gia thành viên còn lại, tiến hành các biện pháp chống lại quốc gia nào phá hoại hòa bình hoặc không tuân theo quyết định quốc tế được đưa ra vì lợi ích của hòa bình thế giới.

VIỆN HỢP TÁC TRÍ TUỆ

Năm nay, các nhà chính trị có ảnh hưởng hàng đầu của châu Âu lần đầu tiên đã rút ra các kết luận từ việc nhận thức rằng, phần đất của chúng ta chỉ có thể lại phát triển thịnh vượng, nếu chấm dứt được cuộc đấu tranh ngấm ngấm chống lại nhau giữa các quốc gia truyền thống. Tổ chức chính trị châu Âu cần phải được củng cố để dần dần loại bỏ các biên giới hải quan đang gây kìm hãm. Mục tiêu lớn lao này không thể đạt được nếu chỉ thông qua các hiệp định giữa các quốc gia. Mục tiêu này đòi hỏi trước hết cả sự chuẩn bị về mặt tinh thần. Chúng ta phải

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

giữa các quốc gia. Mục tiêu này đòi hỏi trước hết cả sự chuẩn bị về mặt tinh thần. Chúng ta phải hướng đến chỗ dần dần đánh thức tình cảm đoàn kết trong con người, một thứ tình cảm mà cho đến nay vẫn chỉ dừng lại ở biên giới quốc gia. Khi cân nhắc về điều này, Hội Quốc Liên đã cho ra đời "Ủy ban Hợp tác Trí tuệ" ("Commision de coopération intellectuelle"). Ủy ban này cần phải là một định chế tuyệt đối có tính quốc tế, hoàn toàn tách rời chính trị, có nhiệm vụ tạo ra một mối liên kết trên tất cả các lĩnh vực của đời sống tinh thần giữa các vùng văn hóa dân tộc bị biệt lập bởi chiến tranh. Đó là một nhiệm vụ khó khăn, bởi vì - rất tiếc khi phải nói như vậy - ít nhất trong các nước mà tôi được biết rõ, các học giả và các văn nghệ sĩ lại bị ảnh hưởng nhiều bởi các khuynh hướng dân tộc hẹp hòi hơn là những người hoạt động thực tiễn.

Cho đến nay, ủy ban này họp hai lần trong một năm. Để thực hiện hoạt động của mình hiệu quả hơn, chính phủ Pháp đã quyết định thiết lập và duy trì một Viện Hợp tác Trí tuệ hoạt động thường xuyên. Viện này sẽ được khánh thành trong vài ngày tới. Đó là cử chỉ hào hiệp của nước Pháp, xứng đáng nhận được lời cảm ơn của tất cả mọi người.

Nếu chỉ tung hô và ca ngợi hoặc làm thỉnh về những gì mình chưa hài lòng hay không tán thành, thì thật là một việc làm dễ dàng và còn

được cảm ơn nữa. Nhưng, chỉ với sự thành thực, việc triển khai các nhiệm vụ của chúng ta mới được khích lệ. Vì vậy, khi chúc mừng sự thành lập của Viện này, tôi không e ngại đưa ra sự bình phẩm của mình:

Hàng ngày, tôi đều có cơ hội quan sát và nhận ra rằng, trở ngại lớn nhất mà hoạt động của ủy ban của chúng ta gặp phải, đó là tình trạng thiếu tin cậy vào tính khách quan chính trị của ủy ban này. Cần phải làm mọi điều để củng cố lòng tin cậy; và không nên làm những điều có thể gây tổn hại đến lòng tin cậy.

Nếu giờ đây, bằng kinh phí quốc gia, chính phủ Pháp thành lập và duy trì một Viện như là một cơ quan thường trực của ủy ban tại Paris với Viện trưởng là một người Pháp, thì điều này làm cho những người nhìn từ bên ngoài có ấn tượng rằng, ảnh hưởng của Pháp là nổi trội trong ủy ban. Ấn tượng ấy càng tăng thêm, khi cho đến nay, Chủ tịch của ủy ban cũng chính là người Pháp. Ấn tượng ấy vẫn tồn tại, mặc dù những nhân vật nói trên đều được tất cả mọi người ở khắp mọi nơi đánh giá cao và có được cảm tình sâu sắc nhất.

Dixi et salvi animam meam³⁰. Tôi hy vọng một cách chân thành rằng, Viện mới thành lập sẽ

³⁰ Tiếng Latin: (Câu nói nổi tiếng của Cicero (106-43 tCN)): Tôi đã nói và đã cứu vớt được linh hồn mình. Ngụ ý: Tôi đành phải nói để yên ổn lương tâm.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

thành công trong việc hỗ trợ các mục tiêu chung trong sự hợp tác thường xuyên với ủy ban và giành được sự tin cậy và sự thừa nhận của những người lao động trí óc ở tất cả các nước.

VĂN HÓA VÀ PHỔ THỊNH

Nếu người ta muốn đo lường thiệt hại do những thảm họa chính trị lớn trong sự phát triển văn hoá của con người mang lại, thì người ta cần phải nhớ rằng, văn hóa tựa như là một loài thảo mộc tinh tế luôn gắn kết với các điều kiện phức tạp. Loài thảo mộc này chỉ có thể phát triển ở một số ít địa điểm mà thôi. Để có thể phát triển, trước hết, nền văn hóa đòi hỏi một sự sung túc nhất định, tạo điều kiện cho một bộ phận dân chúng của một nước nào đó có thể hoạt động trong những lĩnh vực không trực tiếp cần thiết cho việc duy trì cuộc sống. Thêm vào đó, cần phải có truyền thống đạo đức về sự quý trọng những phúc lợi và thành tựu văn hóa, nhờ vào đó mà tầng lớp ấy mới có thể đem đến khả năng sống cho các tầng lớp khác đang lao động vì những nhu cầu trực tiếp của cuộc sống.

Trong các thế kỷ vừa qua, nước Đức thuộc về những quốc gia thực hiện được cả hai điều kiện ấy. Nhìn chung sự phổ thịnh còn khiêm tốn, nhưng vẫn đủ, còn truyền thống tôn trọng phúc lợi văn hóa cũng mạnh mẽ. Trên cơ sở đó, dân tộc này đã tạo ra những giá trị văn hóa không

thế bỏ qua đối với sự phát triển hiện đại. Nói chung, ở đây truyền thống vẫn còn nguyên vẹn, còn sự phồn thịnh thì bị lung lay. Người ta đã lấy đi phần lớn những nguồn nguyên liệu để phục vụ cho nền công nghiệp của đất nước, mà trên cơ sở của nó bộ phận dân cư lao động công nghiệp mới xuất hiện. Phần dư thừa thiết yếu cho việc đảm bảo cuộc sống của những người đang tạo ra những giá trị tinh thần, bỗng nhiên bị thiếu hụt. Trong điều kiện tồn tại như vậy, truyền thống cũng phải suy vong và một trong những vườn ươm màu mỡ của văn hóa cũng trở nên hoang tàn.

Khi đánh giá cao những phúc lợi tinh thần, nhân loại rất quan tâm đến việc ngăn chặn tình trạng bất cùng hóa như vậy. Nhân loại sẽ khắc phục những yếu tố gây ra sự bất cùng tạm thời và sẽ thức tỉnh tình đoàn kết cao cả đã bị thói ích kỷ dân tộc đẩy lùi. Đối với tình đoàn kết ấy, những giá trị con người được thực hiện, không phụ thuộc vào chính trị và biên giới quốc gia nữa. Khi đó, nhân loại sẽ bảo đảm cho mỗi dân tộc những điều kiện lao động mà trên cơ sở ấy mỗi dân tộc mới có thể tồn tại và tạo ra các giá trị văn hóa.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

CÁC TRIỆU CHỨNG BỆNH HOẠN CỦA ĐỜI SỐNG VĂN HÓA

Sự giao lưu tự do về tư tưởng và về các kết quả là cần thiết đối với sự phát triển lành mạnh của khoa học cũng như của đời sống văn hóa nói chung. Theo tôi, không thể nghi ngờ một thực tế là: việc can thiệp của cấp có thẩm quyền chính trị nước này vào sự giao lưu tự do về mặt tri thức giữa các cá nhân đã gây ra những tổn thất to lớn. Trước tiên, tổn hại đó tác động kéo dài đối với năng lực khoa học thực sự; sau một thời gian, nó sẽ ảnh hưởng rõ rệt đến toàn bộ các ngành sản xuất.

Hơn nữa, chúng ta thấy rõ được những can thiệp của cấp có thẩm quyền chính trị vào đời sống khoa học của quốc gia thông qua việc từ chối những chuyến đi nước ngoài của các học giả trong nước và những chuyến đi của các học giả nước ngoài tới Hoa Kỳ. Cách hành xử nhỏ nhen như thế của một cường quốc chỉ là cái triệu chứng bên ngoài của một căn bệnh trầm kha đáng sợ hơn.

Nhưng, sự can thiệp vào việc tự do công bố các kết quả khoa học bằng lời và văn bản, cách hành xử thiếu tin cậy của nhà nước dựa trên một tổ chức cảnh sát khổng lồ để chống lại cá nhân về phương diện chính trị, nỗi sợ hãi của mỗi người khi luôn phải lẩn tránh mọi điều có thể dẫn đến

ngờ vực và qua đó có thể đe dọa đến sự tồn tại kinh tế của họ - tất cả những điều ấy bao giờ cũng chỉ là các triệu chứng đơn thuần, kể cả khi các triệu chứng như vậy thể hiện tính chất nguy hiểm của căn bệnh này một cách rõ ràng hơn.

Nhưng theo tôi, căn bệnh thực sự lại chính ở quan niệm được tạo ra bởi các cuộc chiến tranh thế giới, chi phối mọi điều trong tư tưởng: Trong hòa bình, chúng ta phải xây dựng toàn bộ cuộc sống của mình, kể cả đối với hoạt động của mình, sao cho trong trường hợp có chiến tranh, chúng ta nhất định là người chiến thắng.

Quan niệm đó dẫn đến quan niệm thứ hai: Người ta đang bị đe dọa bởi những kẻ thù hùng mạnh. Đó là sự đe dọa đối với tự do và thậm chí đối với sự tồn tại của mình.

Quan niệm đó lý giải tất cả những sự việc đáng ghê tởm mà ở trên chúng tôi đã gọi là các triệu chứng. Nếu như chúng không được khắc phục, thì tất yếu sẽ dẫn đến chiến tranh và do vậy dẫn tới sự huỷ diệt tất cả. Quan niệm này được biểu lộ chủ yếu qua ngân sách của Hoa Kỳ.

Chỉ khi nào chúng ta khắc phục được tình trạng căng bức tư tưởng ấy, thì chúng ta mới có thể quay sang để cập một cách hợp lý đến vấn đề chính trị thực sự: Chúng ta có thể góp phần như thế nào vào việc bảo vệ và cải thiện sự tồn tại của con người trên trái đất đã trở nên bé nhỏ này?

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Tại sao việc đó lại là tất cả? Bởi vì chúng ta sẽ không thể thoát khỏi được các triệu chứng này hay các triệu chứng khác của căn bệnh, nếu chúng ta không thanh toán được căn bệnh thực sự.

VÀI SUY NGHĨ VỀ CUỘC KHÙNG HOẢNG KINH TẾ THẾ GIỚI

Nếu có một cái gì đó có thể đem lại can đảm cho một người không chuyên về lĩnh vực kinh tế để người đó có thể phát biểu ý kiến về bản chất của khó khăn kinh tế đáng lo ngại hiện nay, thì đó chỉ là sự hỗn độn tuyệt vọng của các ý kiến của những nhà chuyên môn mà thôi. Điều tôi muốn nói cũng chẳng mới mẻ gì và cũng không gì hơn là sự thể hiện quan điểm của một con người độc lập và thẳng thắn - không bị trở ngại bởi những định kiến dân tộc và giai cấp - một người không mong muốn gì hơn là hạnh phúc của nhân loại và việc xây dựng cuộc sống của con người càng hài hòa càng tốt. Nếu tôi viết như thế tôi đã tin chắc về chân lý trong những phát biểu của mình, thì điều đó chỉ là để có được hình thức diễn đạt thoải mái hơn mà thôi, chứ không phải là biểu hiện của một sự tự tin không có cơ sở, hay là niềm tin vào tính chất không thể sai lầm của quan điểm tư duy mộc mạc của mình về các mối quan hệ rắc rối kỳ quặc trong thực tế.

Theo tôi, cuộc khủng hoảng này sở dĩ không có cùng tính chất của các khủng hoảng trước đó, là vì nó dựa trên cơ sở những quan hệ hoàn toàn mới lạ, tức là những quan hệ bị quy định bởi sự tiến bộ nhanh chóng của các phương pháp sản xuất: để sản xuất ra toàn bộ khối lượng sản phẩm tiêu dùng thiết yếu cho cuộc sống, thì chỉ cần tới có mỗi một phần nhỏ sức lao động con người có thể có mà thôi. Thực tế này tất yếu quy định nạn thất nghiệp trong một nền kinh tế hoàn toàn tự do.

Chính trong một nền kinh tế tự do, đa số người dân bị bắt buộc phải lao động để kiếm được số lương công nhật tối thiểu cho cuộc sống. Điều này có những lý do không cần phân tích ở đây. Vậy là trong hai chủ nhà máy cùng sản xuất chủng loại hàng hóa như nhau và với cùng điều kiện giống nhau, chỉ trụ lại người nào có khả năng sản xuất ra hàng hóa rẻ hơn khi thuê mướn ít công nhân hơn, tức là người nào ép buộc từng công nhân phải làm việc lâu và với cường độ lớn tới mức mà thể lực tự nhiên của con người có thể chịu đựng được. Từ đó dẫn tới một kết quả tất yếu là trong tình trạng phương pháp lao động hiện nay, chỉ có một phần sức lao động có thể được sử dụng. Trong khi bộ phận này bị khai thác một cách bất hợp lý, thì phần còn lại bị tự động loại trừ ra khỏi quá trình sản xuất. Vì thế mà số hàng hóa tiêu thụ và lợi nhuận bị giảm đi. Các doanh nghiệp đi đến phá

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

sản về tài chính. Sự gia tăng mới của nạn thất nghiệp xảy ra theo và làm giảm sút lòng tin vào các doanh nghiệp và do vậy cũng làm giảm đi sự tham gia của công chúng vào các ngân hàng có vai trò trung gian, cuối cùng dẫn đến sự đánh mất khả năng thanh toán của các ngân hàng và bị rút tiền gửi đột ngột và như thế dẫn tới sự đình trệ hoàn toàn của nền kinh tế.

Người ta cũng tìm kiếm các nguyên nhân khác để lý giải cuộc khủng hoảng mà sau đây chúng tôi muốn đưa ra:

Sản xuất thừa: ở đây người ta cần phải phân biệt hai sự việc, cụ thể là giữa sản xuất thừa thực và sản xuất thừa ảo. Tôi hiểu sản xuất thừa thực là một nền sản xuất cao tới mức nó vượt quá cầu. Điều này có lẽ đúng với công nghiệp sản xuất ô tô và lúa mì hiện nay ở Mỹ, mặc dù điều này vẫn còn đáng ngờ. Thông thường, người ta coi “sản xuất thừa” là tình trạng, trong đó một loại hàng hóa nào đó được sản xuất nhiều hơn là số có thể được bán ra trong các hoàn cảnh nhất định, mặc dù những người tiêu dùng vẫn không có đủ các mặt hàng tiêu dùng. Tôi gọi tình trạng ấy là nền sản xuất thừa “ảo”. Trong trường hợp này không phải thiếu cầu, mà là thiếu sức mua của người tiêu dùng. Nền sản xuất thừa ảo như thế chỉ là một cách diễn đạt khác cho cuộc khủng hoảng và do vậy không thể dùng để lý giải cho cuộc khủng hoảng này được: Người ta

chỉ vận dụng những lý do ảo, khi người ta muốn quy trách nhiệm cho nền sản xuất thừa đối với cuộc khủng hoảng hiện nay mà thôi.

Bồi thường chiến tranh: Nghĩa vụ phải thanh toán tiền bồi thường chiến tranh đè nặng lên các nước mắc nợ và nền kinh tế của họ. Nó ép buộc các nước này phải xuất khẩu- phá giá và qua đó gây ra thiệt hại cho cả các nước chủ nợ. Điều đó là không thể chối cãi được. Song sự xuất hiện khủng hoảng trong nước Mỹ được bảo vệ bởi hàng rào thuế quan, chỉ ra rằng, điều này không thể là nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng thế giới. Cả sự khan hiếm vàng ở các nước mắc nợ do tác động của khoản bồi thường chiến tranh, cùng lắm cũng chỉ là một lý lẽ để hủy bỏ các chi trả ấy, chứ không thể được coi là lời giải thích cho cuộc khủng hoảng thế giới.

Việc thiết lập nhiều hàng rào thuế quan mới: sự gia tăng gánh nặng vũ trang không sinh lợi; sự bất an chính trị do nguy cơ chiến tranh tiềm tàng: tất cả những điều đó làm cho vị thế của châu Âu trở nên hết sức tồi tệ, khi không có sự can dự thực sự của nước Mỹ. Sự xuất hiện cuộc khủng hoảng tại Mỹ cho thấy rằng, điều này không thể là nguyên nhân quan trọng nhất gây khủng hoảng.

Sự sa sút của các cường quốc Trung Quốc và Nga: tổn thất này của nền kinh tế thế giới cũng không bộc lộ mạnh mẽ tại Mỹ, do vậy cũng

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

không thể là nguyên nhân chủ yếu của cuộc khủng hoảng.

Sự phát đạt về kinh tế của các tầng lớp dưới từ khi có chiến tranh: sự phát đạt này chỉ có thể - nếu nó thực sự tồn tại - sinh ra tình trạng khan hiếm hàng hóa, chứ không thể sinh ra tình trạng cung vượt quá cầu về hàng hóa được.

Tôi không muốn làm cho bạn đọc mệt mỏi khi tiếp tục liệt kê ra các lý lẽ nữa, các lý lẽ mà theo tôi không thể hiện bản chất của sự việc. Tôi chắc rằng, chính tiến bộ kỹ thuật được đưa ra nhằm giảm đi cho con người phần lớn gánh nặng lao động cần thiết cho sự bảo tồn của họ, là nguyên nhân chủ yếu của tình trạng bản cùng hiện nay. Bởi vậy, có những người một cách hoàn toàn nghiêm túc muốn cấm đoán sự áp dụng những cái tiến kỹ thuật! Điều đó hiển nhiên là vô lý. Vậy chúng ta có thể tìm ra được giải pháp hợp lý hơn để thoát khỏi tình thế tiến thoái lưỡng nan ấy như thế nào?

Giả sử người ta thành công, bằng một con đường nào đó để ngăn chặn tình trạng sức mua của dân chúng giảm đi dưới mức tối thiểu nhất định (được đo trong giá trị hàng hóa), thì người ta cũng không thể chấm dứt sự đình trệ như vậy của chu trình kinh tế, như chúng ta đã trải nghiệm hiện nay.

Phương pháp logic đơn giản nhất, song cũng đồng thời mạo hiểm nhất nhằm đạt tới tình

trạng ấy, là nền kinh tế hoàn toàn có kế hoạch, nền sản xuất và phân phối các vật phẩm tiêu dùng thiết yếu nhất đối với cuộc sống thông qua cộng đồng. Đó là điều mà hiện nay về căn bản nước Nga đang thử nghiệm. Rất nhiều thứ phụ thuộc vào những kết quả mà cuộc thử nghiệm vĩ đại này mang lại. Mong muốn đưa ra những lời tiên tri ở đây có lẽ là quá tự tin. Vậy trong một hệ thống như thế, có thể tồn tại một nền sản xuất hàng hóa có tính chất kinh tế, giống như trong một hệ thống cho phép các cá nhân có được nhiều quyền chủ động hơn hay không? Hệ thống ấy nhìn chung có thể được duy trì mà không có sự khủng bố được sử dụng cho tới nay, sự khủng bố mà không một ai trong chúng ta, những người hướng về “phương Tây” muốn chịu đựng hay không? Một hệ thống kinh tế cứng đờ và tập trung hóa như thế có thiên về việc đóng kín cửa trước những đổi mới có lợi và thiên về nền kinh tế bảo hộ hay không? Song người ta cần phải tránh việc biến những thắc mắc như vậy trở thành định kiến làm cản trở việc đưa ra một nhận xét khách quan.

Riêng tôi cho rằng, nói chung những phương pháp như vậy cần được ưu tiên, khi chúng tôn trọng các truyền thống và các tập tục, khi điều này có thể dung hòa được với mục tiêu trước mắt nào đó. Nhưng tôi lại cho rằng, sự chuyển giao nhanh chóng quyền lãnh đạo sản xuất cho “bàn tay công cộng” vì quyền lợi của sản xuất

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

hàng hóa là không có lợi; sáng kiến cá nhân cần có được không gian hoạt động, chừng nào bản thân nó dưới hình thức của các liên minh kinh tế, không bị loại bỏ.

Nhưng chắc chắn trong cả hai môi quan hệ, các hạn chế của nền kinh tế tự do là cần thiết: Thông qua các điều luật đối với các ngành sản xuất riêng biệt, cần phải rút ngắn thời gian lao động trong tuần xuống, sao cho nhờ đó nạn thất nghiệp được khắc phục một cách có hệ thống. Cần phải sử dụng định mức lương tối thiểu để làm sao cho sức mua của người làm công ăn lương tương ứng được với nền sản xuất.

Ngoài ra, trong các khu vực sản xuất, nơi người ta đã đạt được tính chất độc quyền nhờ sự tổ chức của người sản xuất, nhà nước cần phải kiểm soát sự định giá, nhằm duy trì sự tạo vốn trong các giới hạn hợp lý và ngăn cản nguy cơ làm giảm một cách giả tạo quá trình sản xuất và tiêu dùng.

Như vậy, họa chăng mới có thể có được trạng thái thăng bằng giữa sản xuất và tiêu dùng mà không gây ra những hạn chế quá lớn cho sáng kiến tự do, và đồng thời loại bỏ được ưu thế quá mức của người có quyền sở hữu về tư liệu sản xuất (đất đai, máy móc) so với những người làm công ăn lương trong nghĩa rộng.

SẢN XUẤT VÀ SỨC MUA

Tôi không nghĩ rằng, biện pháp chống lại các khó khăn hiện nay lại nằm chính ở nhận thức về năng lực sản xuất và tiêu thụ, bởi vì sự hiểu biết nói chung về điều này thường đến sau đó. Hơn nữa, đối với tôi, dường như điều bất cập ở nước Đức không phải ở sự phình ra quá mức của bộ máy sản xuất, mà ở việc thiếu sức mua của bộ phận lớn dân cư, những người bị loại bỏ ra khỏi quá trình sản xuất do quá trình hợp lý hóa sản xuất.

Theo ý kiến của tôi, nền tiền tệ được bảo đảm bằng vàng có bất lợi lớn ở chỗ, sự khan hiếm trữ lượng vàng tự động dẫn tới sự khan hiếm khối lượng tín dụng cũng như phương tiện thanh toán trong lưu thông. Giá cả và lương sẽ không thể thích ứng một cách nhanh chóng với sự khan hiếm này.

Theo tôi, phương tiện tất nhiên để loại bỏ tình trạng lộn xộn này là:

1) Giảm bớt thời gian lao động theo luật định tùy theo các loại ngành nghề, để loại trừ nạn thất nghiệp, kết hợp với việc xác định lương tối thiểu để điều tiết sức mua của nhân dân theo mức sản xuất hàng hóa có thể.

2) Điều tiết lượng tiền luân chuyển và khối lượng tín dụng bằng cách ổn định giá cả hàng

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

hóa ở mức trung bình, trong khi hủy bỏ mọi sự bao cấp đặc biệt.

3) Hạn chế bằng pháp luật giá của những hàng hóa được tạo ra bởi sự độc quyền hoặc bởi tổ hợp doanh nghiệp thoát ly khỏi sự cạnh tranh tự do.

SẢN XUẤT VÀ LAO ĐỘNG

Trả lời một bức thư gửi đến

Tôi nhìn thấy sự bất cập chủ yếu ở trong tự do gần như vô hạn của thị trường lao động gắn liền với những tiến bộ phi thường của các phương pháp sản xuất. Để sản xuất những gì cần thiết cho các nhu cầu hiện nay, người ta không cần đến tất cả lực lượng lao động hiện có. Từ đây xuất hiện nạn thất nghiệp và cuộc cạnh tranh không lành mạnh giữa những người lao động. Ngoài ra, từ cả hai nguyên nhân trên, xuất hiện sự suy giảm sức mua và đồng thời là sự bóp nghẹt quá mức của toàn bộ chu trình kinh tế.

Tôi cũng được biết rằng, theo các nhà kinh tế tự do, việc gia tăng các nhu cầu sẽ cân đối lại mọi sự tiết kiệm về sức lao động. Tuy nhiên, tôi không tin điều này, và kể cả khi nó là có thật, thì các yếu tố kể trên luôn dẫn tới kết quả là mức sống của phần lớn dân chúng bị giảm sút một cách hoàn toàn giả tạo.

Cùng với quý vị, tôi cũng tin rằng, nhất thiết phải quan tâm để làm sao cho những người trẻ hơn có thể và cần phải tham gia vào quá trình sản xuất. Tôi cũng cho rằng, người ta nên đưa những người nhiều tuổi hơn khỏi những công việc nhất định mà tôi coi là không đòi hỏi trình độ. Bù lại, họ sẽ nhận được một khoản lương hưu, vì trước đây, trong một thời gian dài, họ đã thực hiện công việc một cách có hiệu quả, được xã hội thừa nhận.

Tôi cũng ủng hộ chủ trương dẹp bỏ các thành phố lớn. Tôi không ủng hộ việc định cư những người thuộc nhóm đặc biệt, chẳng hạn những người già vào trong các thành phố đặc biệt. Tôi phải nói rằng, đối với tôi, tư tưởng này là đáng ghê tởm.

Tôi cũng cho rằng, cần phải tránh sự chao đảo về giá trị đồng tiền, cụ thể bằng cách thay thế tiền vàng bằng đơn vị tiền tệ tương ứng với một lượng hàng hóa đa dạng, được ấn định theo tương quan sử dụng. Đó là một lượng hàng hóa như đã được Keynes đề nghị từ lâu, nếu tôi không nhầm. Khi vận dụng biện pháp này, người ta có thể chấp nhận một sự "lạm phát" nào đó đối với giá trị đồng tiền hiện nay, một khi người ta tin rằng, nhà nước thực sự sẽ biết sử dụng hợp lý món quà tặng được dành cho mình.

Theo quan niệm của tôi, các điểm yếu trong bản kế hoạch của ông chính là ở yếu tố tâm lý

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

hoặc ở sự coi thường yếu tố này. Chủ nghĩa tư bản mang đến những tiến bộ không chỉ cho sản xuất, mà còn cho nhận thức. Đó không phải ngẫu nhiên. Thói ích kỷ và ganh đua (thật đáng tiếc) là những thế lực mạnh mẽ hơn là tinh thần cộng đồng hay ý thức trách nhiệm. Ở nước Nga, người ta thậm chí không có được một chiếc bánh mì đảng hoàng... Có lẽ tôi quá bi quan về những gì liên quan đến các doanh nghiệp của nhà nước và của các "tập thể" khác, nhưng tôi vẫn không trông đợi một cái gì tốt đẹp từ đó cả. Nạn quan liêu là Tử thần của mọi năng suất. Bản thân tôi đã nhìn thấy và nếm trải quá nhiều điều khủng khiếp, kể cả ở nước tương đối mẫu mực như là Thụy Sĩ.

Tôi có xu hướng cho rằng, nhà nước có thể thực sự có vai trò đối với quá trình sản xuất chỉ với tư cách là nhân tố hạn chế và điều tiết. Nhà nước phải quan tâm sao cho sự cạnh tranh của các lực lượng lao động được vận động trong các giới hạn lành mạnh, sao cho một sự phát triển bền vững được đảm bảo cho tất cả trẻ em và sao cho đồng lương lao động có đủ, để các hàng hóa được sản xuất ra cũng được sử dụng. Qua chức năng điều tiết của mình, nhà nước có thể có ảnh hưởng quyết định, nếu các biện pháp của nó được các chuyên gia độc lập chuẩn bị tốt về mặt chuyên môn nghiệp vụ.

MỘT SỐ GHI CHÚ VỀ
TÌNH HÌNH CHÂU ÂU HIỆN NAY

Tình hình chính trị hiện nay của thế giới và đặc biệt là của châu Âu, theo tôi, dường như có đặc điểm là sự phát triển về chính trị lại bị tụt hậu cả về vật chất lẫn tinh thần so với quá trình phát triển kinh tế vốn đã biến đổi trong thời gian tương đối ngắn ngủi; Các lợi ích của các quốc gia riêng rẽ phải đặt dưới những lợi ích của các cộng đồng lớn hơn. Cuộc đấu tranh cho quan điểm mới này của tư duy và cảm nhận chính trị là một cuộc đấu tranh đầy khó khăn, bởi vì nó trái ngược với truyền thống từ hàng trăm năm nay. Nhưng khả năng tồn tại của châu Âu lại phụ thuộc vào lối thoát may mắn ấy. Tôi tin tưởng vững chắc rằng, sau khi vượt qua các trở ngại về mặt tâm lý, việc giải quyết các vấn đề hiện thực sẽ không còn quá khó khăn nữa. Để tạo ra bầu không khí tích cực, trước hết cần phải có sự liên kết về con người giữa những người có cùng mục tiêu chung. Mong sao những nỗ lực hợp nhất này sẽ thành công để bắt được một nhịp cầu tin cậy giữa các dân tộc!

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

BÀN VỀ SỰ CHUNG SỐNG HÒA BÌNH GIỮA CÁC DÂN TỘC

Bài viết cho chương trình truyền hình của Bà phu nhân tổng thống Roosevelt

Thưa Bà Roosevelt! Tôi xin cảm ơn Bà, vì Bà đã cho tôi cơ hội trình bày quan điểm của tôi về vấn đề chính trị quan trọng nhất này:

Trong tình trạng hiện nay của kỹ thuật quân sự, sự tin tưởng rằng, người ta có thể có được an ninh nhờ vũ trang cho đất nước mình, hoàn toàn chỉ là ảo tưởng. Về phía nước Mỹ, ảo tưởng này còn được khuyến khích đặc biệt bởi một ảo tưởng thứ hai là trước tiên thành công trong việc chế tạo bom nguyên tử ở nước này. Người ta có xu hướng tin rằng, về lâu dài có thể đạt được ưu thế tuyệt đối về quân sự. Theo cách này, người ta tin là có thể làm cho bất cứ kẻ thù tiềm năng nào phải khiếp sợ, qua đó mang lại cho chính chúng ta và toàn thể nhân loại an ninh mà tất cả mọi người mong muốn tha thiết. Câu châm ngôn được chúng ta tin cậy trong suốt năm năm qua là: An ninh bằng sức mạnh vượt trội, dù phải trả bằng bất cứ giá nào.

Hậu quả của thái độ máy móc, kỹ thuật-quân sự và tâm lý này là không thể tránh được. Mọi hành động đối ngoại đều bị khống chế bởi quan điểm duy nhất: Chúng ta phải hành động như

thế nào để trong trường hợp chiến tranh, có được ưu thế hơn hẳn so với kẻ thù? Đó là việc thiết lập các căn cứ quân sự tại tất cả các vị trí quan trọng về chiến lược trên trái đất, vũ trang và gia tăng sức mạnh về kinh tế cho các nước đồng minh tiềm tàng; ở trong nước, tập trung quyền lực tài chính khổng lồ vào trong tay quân đội, quân phiệt hóa giới trẻ, giám sát lòng trung thành của các công dân và đặc biệt của các quan chức thông qua hệ thống cảnh sát ngày càng trở nên hùng mạnh, đe dọa những người có tư duy chính trị độc lập, gây ảnh hưởng đến tâm trạng của dân chúng thông qua đài phát thanh, báo chí và trường học, cấm các khu vực thông tin đang phát triển viện có liên quan đến bí mật quân sự.

Những hậu quả tiếp theo: Cuộc chạy đua vũ trang vốn được xem là sự phòng ngừa giữa Liên Xô và Mỹ nay mang tính chất điên rồ. Ở cả hai phía, phương tiện giết người hàng loạt được sản xuất trong tình trạng dồn dập sôi động đằng sau những bức tường bí mật.

Trong triển vọng, bom H được xem như một mục tiêu có thể đạt được. Tổng thống long trọng công bố về sự phát triển nhanh chóng của nó. Nếu thành công, thì về mặt kỹ thuật, bom H có thể gây ra hiện tượng nhiễm phóng xạ cho bầu khí quyển và sự huỷ hoại toàn bộ sự sống trên trái đất. Điều khủng khiếp của diễn biến này chính là ở tính có vẻ tất yếu của nó. Mỗi bước

tiến đường như là hậu quả không thể tránh được của người đi bước trước. Có thể thấy ngày càng rõ ràng, rút cuộc sẽ là sự hủy diệt tất cả.

Liệu có thể có giải pháp gì nói chung để cứu vãn tình hình do chính con người tự tạo ra này được hay không? Tất cả chúng ta và đặc biệt là những người có trách nhiệm về hành động của Mỹ và Liên Xô, cần phải học cách thừa nhận rằng, tuy họ đã kìm chế được kẻ thù bên ngoài, nhưng lại không có khả năng tự giải phóng mình khỏi tâm trạng do chiến tranh tạo ra. Không thể đạt được hòa bình thực sự, nếu người ta định hướng phương thức hành động của mình dựa vào khả năng có thể xảy ra một cuộc xung đột trong tương lai, đặc biệt khi người ta ngày càng biết rõ rằng, một cuộc xung đột chiến tranh như thế có nghĩa là sự hủy diệt tất cả. Vì vậy, tư tưởng chủ đạo của tất cả các hành động chính trị phải là: Chúng ta có thể làm được gì để tạo ra được một sự chung sống hòa bình, thỏa đáng trong khuôn khổ có thể giữa các quốc gia? Vấn đề đầu tiên là loại bỏ nỗi sợ hãi và thiếu tin tưởng lẫn nhau. Sự khước từ một cách long trọng đối với việc sử dụng bạo lực chống lại nhau (không chỉ là sự khước từ đối với việc sử dụng các phương tiện giết người hàng loạt) dĩ nhiên là cần thiết. Sự khước từ đó chỉ trở nên có hiệu quả, nếu nó gắn liền với việc áp dụng một cấp thẩm quyền hành pháp và tư pháp siêu quốc gia. Quyền quyết định về các vấn đề liên quan

trực tiếp đến an ninh của các quốc gia, được chuyển giao cho cấp thẩm quyền này. Ngay một lời tuyên bố của các quốc gia về sự cộng tác trung thành để thực hiện một "Chính phủ thế giới hạn chế" như vậy, cũng sẽ làm giảm một cách đáng kể nguy cơ chiến tranh.

Rút cuộc, mọi sự chung sống hòa bình của con người, thứ nhất, dựa vào sự tin cậy lẫn nhau, thứ hai, dựa vào các thiết chế như tòa án và cảnh sát. Điều này có giá trị cả cho các quốc gia lẫn cho các cá nhân riêng lẻ. Nhưng, sự tin cậy chỉ dựa vào một mối quan hệ trung thực của "give and take" tức là của "cho và nhận".

Nhưng sự tin cậy ấy có quan hệ ra sao với sự kiểm soát quốc tế? Giờ đây [so với lòng tin cậy lẫn nhau] sự kiểm soát quốc tế chỉ có thể có vai trò hữu ích thứ yếu với tư cách là một biện pháp cảnh sát. Người ta có thể thực hiện tốt vai trò này ở đây, mà vẫn không đề cao quá mức tầm quan trọng của nó. So với giải pháp "cấm rượu" [ở Mỹ], thì đây là việc đáng suy ngẫm.

HƯỚNG ĐẾN AN NINH CỦA NHÂN LOẠI

Sự khám phá ra các phản ứng dây chuyền của nguyên tử không đòi hỏi con người thực hiện việc tàn phá nhiều hơn là việc phát minh ra que diêm. Chúng ta phải làm tất cả những gì có thể để loại trừ sự lạm dụng. Ở trình độ hiện nay

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

của phương tiện kỹ thuật, chỉ có một tổ chức siêu quốc gia gắn liền với một quyền lực hành pháp đủ mạnh mới có thể bảo vệ được chúng ta. Nếu chúng ta đã thừa nhận điều này, thì chúng ta sẽ tìm thấy lực lượng mang đến sự hy sinh cần thiết cho an ninh của nhân loại. Mỗi người chúng ta cũng sẽ có lỗi, nếu mục tiêu này không được thực hiện kịp thời. Điều đáng sợ là ở chỗ, mỗi người không làm gì cả mà chỉ chờ đợi người khác làm cho mình.

Sự tôn trọng đối với những tiến bộ khoa học đã đạt được trong thế kỷ này, đều được thể hiện ở mỗi người, từ người có đôi chút trình độ cho đến người quan sát nông nổi, chỉ nhìn thấy những áp dụng về mặt kỹ thuật. Nhưng người ta sẽ không đánh giá quá mức những thành tựu của thời đại vừa qua, khi người ta nhớ đến những vấn đề của khoa học ở quy mô lớn. Điều này cũng giống như trong chuyến đi bằng xe lửa: Nếu người ta chỉ chú ý đến vùng lân cận tiếp theo, thì người ta dường như sẽ đạt được trong nháy mắt. Còn nếu người ta chú ý đến những hình thù lớn như những dãy núi cao, thì tình hình sẽ chỉ thay đổi dần dần. Điều này cũng tương tự, nếu người ta gặp phải những vấn đề lớn của khoa học.

Theo ý kiến của tôi, thật không có lý, khi nói một cách chung chung về "lỗi sống của chúng ta" hay lỗi sống của người Nga. Trong cả hai trường hợp, người ta nói đến sự tập hợp của các

truyền thống và thói quen. Tập hợp này không tạo ra một chỉnh thể hữu cơ. Tốt hơn hết là tự hỏi mình xem, những cơ cấu nào, những truyền thống nào là có hại hoặc có lợi cho con người, những cơ cấu nào, những truyền thống nào làm cho cuộc sống hạnh phúc hơn hoặc đau khổ hơn. Khi đó, người ta phải cố gắng thực thi cái đã được nhận thấy là tốt hơn, không phụ thuộc vào câu hỏi, liệu hiện nay, nó có thực hiện được hay không ở chúng ta hoặc ở một nơi nào đó khác.

CHÚNG TA - NHỮNG NGƯỜI THỪA KẾ DI SẢN

Các thế hệ trước đây đã có thể tin rằng, những tiến bộ về tinh thần và văn minh, đối với họ, không phải là một cái gì khác hơn là những thành quả được thừa hưởng từ lao động mà tổ tiên đã tạo ra, những thành quả đảm bảo cho họ một cuộc sống dễ chịu hơn và tốt đẹp hơn. Những tai họa lớn của thời đại chúng ta đã chỉ ra rằng, điều này đã chỉ là một ảo tưởng nguy hiểm.

Chúng ta thấy rằng, phải thực hiện những nỗ lực lớn nhất để di sản này của nhân loại không mang đến điều bất hạnh, mà mang đến điều hạnh phúc. Nếu trước đây, con người đã từng được coi là có giá trị xã hội khi được giải phóng ở mức độ nào đó khỏi thói ích kỷ cá nhân, thì hiện nay, con người được đòi hỏi phải vượt qua được thói ích kỷ giai cấp và dân tộc của mình. Bởi vì chỉ khi vượt lên cao như vậy, con người

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

mới có thể đóng góp vào việc thay đổi số phận của cộng đồng nhân loại theo hướng tốt hơn.

Trước đòi hỏi quan trọng này của thời đại, những người dân thuộc các quốc gia nhỏ lại ở hoàn cảnh tương đối thuận lợi hơn so với những người dân thuộc các quốc gia lớn, bởi vì cả về chính trị và kinh tế, những người dân này tránh được những cám dỗ của sự bành trướng quyền lực một cách tàn bạo. Hiệp định giữa Hà Lan và Bỉ, một hiệp định đã tạo ra điểm sáng duy nhất trong sự phát triển của châu Âu trong thời đại hiện nay, đã cho phép hy vọng rằng, các quốc gia nhỏ có thể đảm nhận vai trò lãnh đạo trong nỗ lực đạt được sự giải phóng khỏi ách thống trị nhục nhã của chủ nghĩa quân phiệt, nhờ việc khước từ đối với quyền tự quyết tự do, không hạn chế.

Phần III

**TRONG CUỘC ĐẤU TRANH
CHỐNG CHỦ NGHĨA QUỐC XÃ**

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

TỰ NGÔN

Tháng 3 năm 1933

Chừng nào tôi còn có quyền lựa chọn, tôi sẽ chỉ lưu lại xứ sở nào mà quy tắc của nó là tự do chính trị, khoan dung, và bình đẳng giữa mọi công dân trước luật pháp. Tự do chính trị nghĩa là quyền tự do phát biểu quan điểm chính trị của mình bằng lời nói và bằng văn bản; khoan dung là tôn trọng mọi xác tín của bất kỳ cá nhân nào.

Những điều kiện đó không thể có được ở nước Đức hiện nay. Những người có đóng góp nhiều nhất cho sự nghiệp hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc trên thế giới, trong đó có những văn nghệ sĩ hàng đầu, đang bị truy bức ở Đức.

Bất kỳ cơ thể xã hội nào cũng có thể bị mắc bệnh tâm lý như một cá nhân, nhất là trong những thời khốn khó. Các dân tộc thường vượt qua được những cơn bệnh như vậy. Tôi hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa bầu không khí lành mạnh sẽ trở lại với nước Đức và những vĩ nhân như Kant và Goethe sẽ không chỉ thỉnh thoảng mới được tưởng niệm mà những nguyên tắc được họ truyền dạy sẽ là những nguyên tắc được thực hiện trong đời sống công cộng và trong ý thức chung.

Albert Einstein

THƯ TỪ TRAO ĐỔI VỚI
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC PHỔ

TUYÊN BỐ CỦA VIỆN NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 1933

Viện Hàn lâm Khoa học Phổ phần nộ khi được biết thông tin từ báo chí về việc Albert Einstein tham gia vào các hoạt động bồi nhọ ở Pháp và Mỹ. Viện đã đòi ông ta phải tường trình và kiểm điểm. Hiện nay Einstein đã tuyên bố rút khỏi Viện Hàn lâm, với lý do ông không thể tiếp tục phục vụ Nhà nước Phổ dưới Chính phủ hiện nay. Là công dân Thụy Sĩ, hình như ông còn có ý định rút khỏi quốc tịch Phổ mà ông đã nghiêm nhiên có được từ năm 1913 chỉ là nhờ trở thành thành viên đầy đủ của Viện Hàn lâm.

Viện Hàn lâm Khoa học Phổ càng đặc biệt phần nộ trước các hoạt động tuyên truyền của Einstein ở nước ngoài, bởi lâu nay Viện và các thành viên của Viện luôn luôn cảm thấy gắn bó mật thiết với Nhà nước Phổ, và, mặc dù kiên quyết tránh xa việc bày tỏ chính kiến, vẫn luôn luôn nhấn mạnh và trước sau như một vẫn trung thành với ý tưởng quốc gia. Do vậy, Viện Hàn lâm không có lý do gì để lấy làm tiếc về việc rút lui của Einstein.

Thay mặt Viện Hàn lâm Khoa học Phổ:

Giáo sư Tiến sĩ Ernst Heymann

Thư ký thường trực

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

THƯ TRẢ LỜI CỦA EINSTEIN

Le Coq, gần Ostende, ngày 5 tháng 4 năm 1933

Tôi nhận được thông tin từ một nguồn hoàn toàn đáng tin cậy rằng Viện Hàn lâm đã nói trong một thông báo chính thức về việc “Einstein tham gia vào hoạt động bôi nhọ ở Pháp và Mỹ”.

Bằng thư này tôi tuyên bố tôi chưa bao giờ tham gia vào hoạt động bôi nhọ, và tôi phải nói thêm rằng tôi chưa bao giờ nhìn thấy chuyện bôi nhọ đó ở bất cứ đâu. Ở đây, người ta nói chung dành hài lòng với việc dẫn lại và bình luận về các thông báo và chỉ thị chính thức của các viên chức hữu trách của Chính phủ Đức, cũng như về chương trình tiêu diệt người Đức gốc Do Thái bằng những phương thức có hiệu quả và tiết kiệm.

Các tuyên bố tôi đã cung cấp cho báo chí đều liên quan đến việc tôi có ý định từ chức khỏi Viện Hàn lâm và từ bỏ quốc tịch Phổ; lý do là tôi không muốn sống ở một đất nước nơi cá nhân không được bình đẳng trước pháp luật, không có tự do ngôn luận, tự do học thuật.

Sau nữa, tôi mô tả tình trạng của nước Đức hiện nay là tình trạng của bệnh tâm thần tập thể, và đưa ra vài nhận xét về nguyên nhân của tình trạng đó.

Trong một văn bản vốn được gửi cho mục đích vận động của Liên đoàn Quốc tế chống chủ nghĩa bài Do Thái chứ hoàn toàn không phải để đăng báo, tôi cũng kêu gọi tất cả những ai có lý trí sáng suốt, vẫn còn trung thành với những lý tưởng của một nền văn minh đang bị lâm nguy, hãy làm tất cả để ngăn ngừa không cho lan tràn hơn nữa cái cơn hoang tưởng tập thể này, cơn hoang tưởng đang biểu hiện thành những triệu chứng khủng khiếp ở nước Đức hiện nay.

Lẽ ra Viện Hàn lâm có thể dễ dàng thu thập được chính xác lời tôi nói trước khi đưa ra những tuyên bố về tôi như Viện đã làm. Báo chí Đức đã đăng tải lại những lời của tôi bị xuyên tạc một cách có chủ ý, mà trong tình trạng báo chí bị kiểm duyệt nặng nề như hiện nay thì điều đó âu cũng dễ hiểu.

Tôi sẵn sàng kiên định bảo vệ bất cứ lời nào tôi đã công bố. Đổi lại, tôi mong rằng Viện Hàn lâm sẽ truyền đạt tuyên bố này của tôi đến các thành viên của viện cũng như đến công chúng Đức, những người mà trước mặt họ tôi đã bị bôi nhọ, đặc biệt chính Viện cũng đã nhúng tay vào việc bôi nhọ tôi trước họ.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

HAI BỨC THƯ TRẢ LỜI CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC PHỐ

1.

Berlin, ngày 7 tháng 4 năm 1933

Kính thưa Giáo sư!

Với tư cách Tổng Thư ký đương nhiệm của Viện Hàn lâm khoa học Phổ tôi xin xác nhận đã nhận được thư của ông đề ngày 28 tháng 3 thông báo việc ông từ chức thành viên của Viện.

Trong Đại hội toàn thể ngày 30 tháng 3 năm 1933, Viện Hàn lâm đã xác nhận việc từ chức của ông.

Tuy Viện Hàn lâm rất lấy làm tiếc về diễn biến của sự việc, nhưng sự tiếc nuối này nảy sinh từ ý nghĩ cho rằng một người có uy tín khoa học cao nhất, kẻ mà nhờ nhiều năm làm việc cùng với người Đức và nhiều năm đứng về phe ta hẳn đã rất quen thuộc với tính cách Đức và tập quán suy nghĩ của người Đức, lại đã chọn đúng thời khắc này để đứng về một phe khác ở nước ngoài, cái phe mà - phân nào chắc chắn là do không hiểu biết về các hoàn cảnh và sự kiện thực tế - đã gây nhiều tổn thất cho dân tộc Đức chúng ta qua việc loan truyền những quan điểm sai trái và những lời đồn đại vô căn cứ. Chúng tôi đã luôn trông

đội và tin tưởng rằng một người từng thuộc về Viện của chúng tôi lâu đến vậy lẽ ra phải, bất chấp quan điểm chính trị riêng của mình, đứng về phía những người bảo vệ dân tộc chúng ta để chống lại cơn lũ những lời dối trá. Trong những ngày chúng ta bị bôi tro trát trấu bằng những lời vu cáo hoặc là lối bịch, hoặc là độc địa thế này, giá như được một lời bảo chứng cho nhân dân Đức từ phía ông, đặc biệt là ở nước ngoài, thì sẽ có tác động to lớn biết bao! Thay vì thế, lời bảo chứng của ông lại được dùng làm công cụ cho những kẻ thù không chỉ của chính phủ Đức hiện thời mà của cả dân tộc Đức. Đó là một nỗi thất vọng cay đắng và đau đớn đối với chúng tôi, nó nhất định sẽ dẫn tới việc chúng ta chia rẽ thành hai phía, thậm chí dù chúng tôi có không nhận được thư từ chức của ông.

Kính chào ông,
von Ficker (đã ký)

2.

Ngày 11 tháng 4 năm 1933

Viện Hàn lâm muốn chỉ ra rằng tuyên bố của Viện ngày 11 tháng 4 năm 1933 không chỉ dựa trên báo chí Đức mà chủ yếu dựa trên báo chí nước ngoài, đặc biệt là báo chí Pháp và Bỉ, những tờ báo mà ông Einstein hẳn không bác bỏ; ngoài ra, nằm trên bàn trước mắt Viện lúc

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

này là lời tuyên bố đã được phát tán rộng rãi của ông ta gửi cho Liên đoàn chống chủ nghĩa bài Do Thái, trong đó ông ta cực lực lên án việc nước Đức thoái hóa trở về sự dã man của những thời đại xa xưa. Hơn thế nữa, Viện Hàn lâm có lý do để biết rằng ông Einstein, tuy bản thân tuyên bố không tham gia vào bất kỳ hoạt động bôi nhọ nào, nhưng ít nhất thì ông ta đã khoanh tay không làm bất cứ việc gì để phản ứng lại trước những sự vu cáo và bôi nhọ bất công mà, theo ý của Viện, ông ta có nghĩa vụ phải làm với tư cách một trong các thành viên cao cấp của Viện. Thay vì thế, ông Einstein đã có những tuyên bố, nhất là ở nước ngoài, mà những tuyên bố ấy vốn là của một người nổi tiếng thế giới, nên đã bị khai thác và lạm dụng bởi những kẻ thù không chỉ của Chính phủ Đức hiện nay mà của toàn thể dân tộc Đức.

Thay mặt Viện Hàn lâm khoa học Phổ,

H. von Ficker (Đã ký)

E. Heymann

Thư ký thường trực

THƯ TRẢ LỜI CỦA EINSTEIN

Le Coq-sur Mer, Bỉ, ngày 12 tháng 4 năm 1933

Gửi Viện Hàn lâm Khoa học Phổ, Berlin

Tôi đã nhận được bức thư ông gửi ngày 17 tháng 4 và rất lấy làm tiếc về cách nghỉ được biểu hiện ra trong đó.

Về việc này, tôi chỉ có thể trả lời như sau:

Những gì ông quy chụp về hành vi của tôi xét cho cùng chỉ là một dạng khác của lời tuyên bố mà ông đã cho phát hành công khai, trong đó ông buộc tội tôi đã tham gia vào hoạt động bôi nhọ dân tộc Đức. Trong thư trước tôi đã khẳng định, lời buộc tội này là vu khống.

Ông cũng có nhận xét rằng một “lời bảo chứng” từ phía tôi về “nhân dân Đức” sẽ có tác động to lớn ở nước ngoài. Tôi phải đáp lại rằng sự bảo chứng mà ông chờ đợi đó sẽ đồng nghĩa với việc từ bỏ mọi ý niệm về công lý và tự do mà tôi hằng theo đuổi suốt đời. Một lời bảo chứng như vậy sẽ không phải là một bảo chứng cho dân tộc Đức như ông nói; trái lại, nó sẽ chỉ tiếp tay cho những kẻ đang tìm cách tiêu diệt những ý tưởng và nguyên tắc đã từng giúp dân tộc Đức giành được một vị trí danh dự trong thế giới văn minh. Đưa ra một lời bảo chứng như vậy trong hoàn cảnh hiện nay, khác nào tôi muốn góp phần dù chỉ gián tiếp vào việc mọi rợ hóa phong tục và hủy diệt mọi giá trị văn hóa hiện có.

Đó là lý do khiến tôi buộc lòng phải từ chức khỏi Viện, và bức thư của ông chỉ càng chứng tỏ tôi làm vậy là đúng đến nhường nào.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

TRAO ĐỔI VỚI VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC BAYERN

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC BAYERN GỬI GIÁO SƯ
ALBERT EINSTEIN

München, ngày 8 tháng 4 năm 1933

Thưa ông,

Trong thư gửi Viện Hàn lâm khoa học Phổ, ông đã viện ra hiện trạng nước Đức làm lý do khiến ông từ chức. Viện Hàn lâm Bayern, nơi mấy năm trước đã bầu ông làm viện sĩ thông tấn, cũng là một viện hàn lâm Đức, có liên hệ chặt chẽ với Viện Hàn lâm Phổ và các viện hàn lâm Đức khác; do vậy việc ông tách khỏi Viện Hàn lâm Phổ cũng không thể không ảnh hưởng đến quan hệ giữa ông với Viện chúng tôi.

Vì vậy chúng tôi thấy phải hỏi ông cho rõ, sau những gì xảy ra giữa ông với Viện Hàn lâm Phổ, ông nghĩ thế nào về quan hệ giữa ông với Viện chúng tôi?

Hội đồng Chủ tịch Viện Hàn lâm Bayern

Albert Einstein

THƯ TRẢ LỜI CỦA EINSTEIN

Le Coq-sur-Mer, ngày 21/4/1933

Gửi Viện Hàn lâm Khoa học Bayern, München

Tôi đã đưa ra lý do rút khỏi Viện Hàn lâm Phổ rằng trong hoàn cảnh hiện tại tôi không có mong muốn làm công dân Đức hoặc nán lại ở cương vị gần như lệ thuộc vào Bộ Giáo dục Phổ.

Các lý do này tự chúng không bao hàm việc cắt đứt quan hệ của tôi với Viện Hàn lâm Bayern. Mặc dù vậy, tôi vẫn muốn xóa tên mình khỏi danh sách thành viên của Viện, nhưng đó là vì một lý do khác: Nhiệm vụ hàng đầu của các viện hàn lâm là khuyến khích và bảo vệ đời sống khoa học của một đất nước. Tuy nhiên, giới học giả Đức, mặc dù biết rõ nhưng vẫn đứng ngoài lề và ngậm tằm trong khi một tỷ lệ không nhỏ các học giả và sinh viên, cũng như các chuyên gia giáo dục đại học đã bị tước đoạt mọi cơ hội việc làm và kiếm sống tại Đức. Tôi không muốn mình thuộc về một tổ chức có lối hành xử như vậy, cho dù lối hành xử ấy là do sức ép từ bên ngoài đi nữa.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

ĐÁP TỪ

Những dòng sau đây là phúc đáp của Einstein đối với một lời mời ông tham gia vào một cuộc biểu tình ở Pháp chống chủ nghĩa bài Do Thái ở Đức.

Tôi đã cân trọng cân nhắc từ mọi góc độ đối với lời đề nghị rất đỗi quan trọng này, vốn liên quan đến nhiều vấn đề mà tôi hết sức quan tâm. Cuối cùng tôi đi đến kết luận rằng tôi không thể tham gia với tư cách cá nhân vào sự việc vô cùng hệ trọng này, vì hai lý do: Thứ nhất, dù thế nào đi nữa tôi vẫn là công dân Đức, và thứ hai, tôi là người Do Thái. Về điểm thứ nhất, tôi phải nói thêm rằng tôi từng làm việc tại các trường và viện khoa học Đức và ở Đức vẫn luôn luôn được mọi người tin cậy và kính trọng.

Dù tôi có hối tiếc sâu sắc đến nhường nào đi nữa về những gì người ta đang làm ở nước Đức, dù tôi phải lên án mạnh mẽ đến đâu đi nữa những sai lầm khủng khiếp người ta đang làm ở đó với sự cho phép của Chính phủ Đức, tôi vẫn không được phép đích thân tham gia vào một cuộc biểu tình xuất phát từ các nhân vật chính thức của một chính phủ nước ngoài. Để hiểu được đầy đủ điều này, hãy giả thiết rằng một công dân Pháp trong một hoàn cảnh ít nhiều tương tự như tôi liên kết với một số chính khách tên tuổi của Đức tham gia vào một hoạt động

phản đối hành vi của Chính phủ Pháp. Dẫu cho quý vị hoàn toàn thừa nhận rằng lời phản đối đó được chứng minh hùng hồn bằng sự kiện, tôi cho rằng quý vị vẫn sẽ cho hành động trên của người đồng bào mình là một hành vi phản bội. Nếu như Zola cảm thấy cần phải rời nước Pháp vào thời điểm vụ án Dreyfus, chắc hẳn ông cũng sẽ không tham gia vào một hoạt động phản đối của các quan chức Chính phủ Đức dẫu ông có tán thành hành động của họ đến đâu đi nữa. Ông sẽ tự giới hạn ở việc xúi hổ thay cho đồng bào mình. Thứ hai, một sự phản đối đối với bất công và bạo lực sẽ có giá trị hơn gấp bội nếu nó xuất phát từ những người đã buộc phải lên tiếng chỉ bởi lòng nhân đạo và tình yêu đối với người Do Thái. Trường hợp của tôi thì không thể, bởi tôi là một người Do Thái xem những người Do Thái khác là anh em ruột thịt. Đối với người như tôi, một sự bất công đối với người Do Thái cũng là bất công đối với chính mình. Anh ta không thể là quan tòa trong phiên tòa nơi chính mình là nguyên cáo, mà phải đợi sự phán xét của những người ngoài không thiên vị.

Trên đây là những lý do của tôi. Nhưng tôi muốn nói thêm rằng tôi đã luôn luôn trân trọng và ngưỡng mộ cái cảm thức phát triển đến mức cao về công lý, vốn là một trong những đặc trưng cao đẹp nhất của truyền thống Pháp.

Phần IV

CÁC VẤN ĐỀ DO THÁI

LÝ TƯỜNG DO THÁI

Mưu cầu tri thức vì bản thân tri thức, một tình yêu hầu như sùng bái đối với công lý, và lòng khao khát độc lập cá nhân – đó là những đặc trưng của truyền thống dân tộc Do Thái khiến tôi cảm thấy việc tôi thuộc về dân tộc đó như là một quà tặng của số phận.

Những ai ngày nay đang điên cuồng chống lại các lý tưởng về lý trí và tự do cá nhân và đang ra sức dựng lên một nhà nước phi tinh thần - một nhà nước nô dịch bằng bạo lực, những kẻ đó hẳn có lý khi xem chúng tôi như những kẻ thù không đội trời chung. Lịch sử đã cho chúng ta một số phận đầy gian khổ; song chừng nào chúng ta còn là những đấng hết lòng cung hiến cho sự thật, chân lý và tự do, chúng ta sẽ không chỉ vẫn sống còn với tư cách là một trong các dân tộc lâu đời nhất trong mọi dân tộc, mà còn, bằng lao động sáng tạo, tiếp tục làm ra những giá trị đóng góp vào việc làm cho nhân loại ngày thêm cao quý như chúng ta đã làm từ ngàn xưa đến tận ngày nay.

CÓ MỘT THẾ GIỚI QUAN DO THÁI HAY KHÔNG?

Theo ý tôi, không có cái gọi là thế giới quan Do Thái theo nghĩa triết học. Với tôi, đạo Do thái dường như quan tâm chủ yếu đến thái độ đạo

đức trong cuộc sống và đối với cuộc sống. Theo tôi, đạo Do Thái là một tổng thể về nhân sinh quan luôn sống động trong dân tộc Do Thái, chứ không phải là tổng thể các lễ luật được quy định trong kinh Thora và được diễn giải trong kinh Talmud. Đối với tôi, Thora và Talmud chẳng qua là những chứng cứ quan trọng nhất cho sự ngự trị của nhân sinh quan Do Thái trong những thời đại xa xưa.

Nhân sinh quan đó đối với tôi dường như nằm ở thái độ khẳng định cuộc sống của mọi tạo vật. Cuộc sống của cá nhân chỉ có ý nghĩa chừng nào nó giúp cho việc làm cuộc sống của mọi sinh thể trở nên cao thượng hơn, đẹp hơn. Cuộc sống là thiêng liêng – có nghĩa, nó là giá trị tối thượng, mà mọi giá trị khác đều phụ thuộc vào. Sự thiêng hóa đời sống siêu cá nhân mang trong nó niềm tôn kính đối với tất cả những gì mang tính tinh thần - ấy là một nét đặc thù nổi bật của truyền thống Do Thái.

Do Thái giáo không phải là một tín điều: Chúa trời của Do Thái giáo chỉ là phủ định sự mê tín, một thể phẩm tượng tượng của việc loại trừ thói mê tín. Nó cũng là một nỗ lực hòng đặt luật lệ đạo đức trên cơ sở nỗi sợ hãi, một nỗ lực đáng tiếc và đáng hổ thẹn. Thế nhưng tôi vẫn cảm thấy truyền thống đạo đức mạnh mẽ của dân tộc Do Thái phần lớn đã tự mình rũ bỏ khỏi nỗi sợ này. Cũng khá rõ ràng rằng "phụng sự Chúa trời" được xem ngang bằng với "phụng sự

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

những người đang sống". Những người con ưu tú nhất của dân tộc Do Thái, đặc biệt là các nhà tiên tri và Chúa Jesus, từng đấu tranh không mệt mỏi vì điều đó.

Vì vậy Do Thái giáo không phải là một tôn giáo siêu việt; nó bận tâm đến đời thường của chúng ta và có thể nắm bắt đời sống đến một mức độ nào đó, chứ không gì khác. Vì vậy, tôi cảm thấy nghi ngờ việc liệu chẳng có thể gọi nó là "tôn giáo" theo nghĩa được chấp nhận chung của từ này, nhất là bởi Do Thái giáo không đòi hỏi tín đồ của nó phải có "đức tin" mà đòi hỏi một sự thánh hóa đời sống theo nghĩa siêu nhân tính.

Nhưng truyền thống Do Thái còn hàm chứa một cái gì khác, cái gì đó được diễn đạt huy hoàng trong nhiều bản Thánh thi - cụ thể là nỗi kinh ngạc và niềm vui ngây ngất trước vẻ đẹp và sự huy hoàng của thế gian này, cái thế giới mà con người chỉ có thể có một ý niệm mờ nhạt về nó. Ấy chính là cảm thức mà từ đó nghiên cứu khoa học đích thực tìm thấy nguồn dưỡng chất cho mình về mặt tinh thần, nhưng dường như cảm thức đó cũng biểu lộ qua tiếng hót của loài chim... Ở đây, việc nối kết điều đó với ý niệm về Thượng đế xem ra là một sự hỗn nhiên con trẻ.

Có phải những gì tôi vừa mô tả là một nét đặc thù của Do Thái giáo không? Liệu có thể tìm thấy nó ở đâu khác dưới một cái tên khác

không? Dưới dạng thuần khiết của nó thì không ở đâu, kể cả trong Do Thái giáo, giáo lý tinh ròng này đã bị che mờ bởi người ta quá tôn sùng văn tự.

Dẫu vậy, Do Thái giáo đối với tôi vẫn là một trong những hình thái biểu hiện thuần khiết nhất và mãnh liệt nhất của nó.

Điều này đặc biệt đúng đối với nguyên lý nền tảng về sự thánh hóa sự sống.

Điều đặc trưng là các loài vật rõ ràng đã được đưa vào điều răn nhằm mục đích làm cho ngày lễ Sabbath được thiêng liêng, cảm thức này mạnh mẽ đến mức lý tưởng này đòi hỏi phải hợp nhất mọi loài sinh vật. Sự khẩn thiết đòi hỏi sự đoàn kết của mọi con người còn được biểu đạt một cách mạnh mẽ hơn, và không phải ngẫu nhiên mà các đòi hỏi của chủ nghĩa xã hội phần lớn đều phát xuất từ người Do Thái.

Việc cảm giác về sự thánh hóa đời sống ở người Do Thái thật mạnh mẽ đến nhường nào được minh họa một cách đáng khâm phục trong một nhận xét nho nhỏ của Walter Rathenau trong một cuộc đàm đạo với tôi: "Khi một người Do Thái bảo anh ta đi săn là để tìm vui cho bản thân mình, ấy là anh ta nói dối". Cảm thức Do Thái về sự thánh thiêng của đời sống không thể diễn đạt bằng cách nào khác giản dị hơn thế.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

GIỚI TRẺ DO THÁI

Trả lời một cuộc điều tra ý kiến

Điều quan trọng là cần khuyến khích giới trẻ quan tâm đến các vấn nạn và khó khăn của người Do Thái, và các bạn đáng được hàm ơn bởi đã hiến mình cho sự nghiệp của ông trong bài viết của mình. Đây là thời khắc quyết định không chỉ vì vận mệnh người Do Thái, những người mà hạnh phúc của họ tùy thuộc vào việc họ kể vai sát cánh bên nhau và giúp đỡ nhau, nhưng còn cao hơn thế là vì sự vun đắp tinh thần thế giới, cái tinh thần hiện đang lâm nguy ở khắp mọi nơi vì một thứ chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi.

Nơi đây, từ thời các vị Tiên tri, một trong các lĩnh vực hoạt động công chính nhất từng được đặt ra cho dân tộc chúng ta, một dân tộc bị phân tán khắp nơi trên trái đất và chỉ thống nhất với nhau bởi một truyền thống chung.

NHỮNG BÀI PHÁT BIỂU VỀ CÔNG CUỘC TÁI THIẾT Ở PALESTINE

1.

Mười năm trước, khi lần đầu tiên tôi có được niềm vui được nói chuyện với các bạn nhân danh sự nghiệp phục quốc Do Thái, hầu như toàn bộ niềm hy vọng của chúng ta vẫn còn

chăm chăm ở tương lai. Ngày nay ta có thể nhìn lại mười năm đó với niềm vui; bởi trong thời gian đó những năng lượng được hợp nhất của nhân dân Do Thái đã đạt được một thành công rực rỡ đầy tính xây dựng ở Palestine, một thành công đã vượt qua bất cứ cái gì mà chúng ta từng dám hy vọng vào lúc đó.

Chúng ta cũng đã đứng vững qua thử thách cam go mà những sự kiện trong mấy năm qua đã bắt dân tộc chúng ta phải chịu. Làm việc không ngừng, dựa trên một mục đích cao quý, điều đó đang dẫn chúng ta một cách chậm chạp song chắc chắn đến thành công. Những tuyên bố mới nhất của Chính phủ Anh cho thấy họ đã trở về với một phán xét công bằng hơn về trường hợp chúng ta; chúng ta ghi nhận điều đó với lòng biết ơn.

Nhưng chúng ta không bao giờ được quên những điều mà cuộc khủng hoảng này đã dạy cho chúng ta - cụ thể là, sự thiết lập mối quan hệ thỏa đáng giữa người Do Thái và người Ả Rập không phải là việc của người Anh mà của chúng ta. Chúng ta - nghĩa là người Ả Rập và người Do Thái chúng ta - phải thỏa thuận với nhau những nét cơ bản nhất của một quan hệ đối tác có lợi khả dĩ đáp ứng nhu cầu của cả hai dân tộc. Một giải pháp công bằng cho vấn đề này và một giải pháp xứng đáng cho cả hai dân tộc là một mục đích không kém phần quan trọng và xứng đáng để chúng ta nỗ lực so với bản thân công

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

cuộc xây dựng. Cần phải nhớ rằng Thụy Sĩ là tiêu biểu cho một giai đoạn phát triển chính trị cao hơn một nhà nước dân tộc nào khác chính bởi vì những vấn đề chính trị lớn vốn phải được giải quyết trước một cộng đồng ổn định có thể được xây dựng từ những nhóm gồm nhiều dân tộc khác nhau.

Còn nhiều việc phải làm, nhưng ít nhất một trong các mục tiêu mà Herzl từng kỳ vọng đã được thực hiện: công cuộc xây dựng nó tại Palestine đã mang lại cho nhân dân Do Thái một mức độ đoàn kết đáng kinh ngạc và sự lạc quan mà thiếu nó thì không một sinh vật nào có thể sống một cuộc sống lành mạnh. Ngày nay, nếu chịu nhìn, ai cũng sẽ nhận ra điều ấy.

Tất cả những gì ta có thể làm vì mục đích chung. Chúng ta đều làm không chỉ cho những người anh em chúng ta ở Palestine mà còn vì phúc lợi và danh dự của toàn thể nhân dân Do Thái.

2.

Chúng ta tập hợp lại ngày hôm nay nhằm mục đích hồi nhớ lại cộng đồng ngàn tuổi của chúng ta, số phận của nó và những vấn đề của nó. Đó là một cộng đồng có truyền thống đạo đức, một cộng đồng đã luôn luôn chứng tỏ sức mạnh và sức sống của nó trong những thời nghiệt ngã. Ở mọi thời, cộng đồng đó đã sản

sinh những con người là hiện thân cho lương tri của thế giới phương Tây, những kẻ bảo vệ phẩm giá con người và công lý.

Chừng nào bản thân chúng ta còn chăm lo đến cộng đồng này, nó sẽ tiếp tục tồn tại vì lợi ích của loài người, dầu cho nó không hề có một tổ chức nào có đầy đủ chức năng làm việc đó. Một, hai thập kỷ trước đây, một nhóm người nhìn xa trông rộng, mà đứng đầu là Herzl con người lưu danh muôn thuở, đã đi đến kết luận rằng chúng ta cần một trung tâm về tinh thần nhằm gìn giữ tình đoàn kết trong những lúc cam go. Vậy đó đã nảy sinh ý tưởng về chủ nghĩa phục quốc Do Thái và công cuộc định cư ở Palestine, mà việc thực hiện thành công ý tưởng đó chúng ta đã được chứng kiến, ít nhất là trong những giai đoạn khởi đầu đầy hứa hẹn.

Tôi đã có may mắn được nhìn thấy, với niềm vui và nỗi sung sướng thật lớn lao, thành tựu này đã đóng góp nhiều đến nhường nào vào sự khôi phục dân tộc Do Thái, một dân tộc nhỏ bé giữa nhiều dân tộc khác, từng phải hứng chịu không chỉ những hiểm họa từ bên ngoài mà cả những hiểm họa bên trong mang tính tâm lý.

Con khủng hoảng mà công cuộc xây dựng đang phải đương đầu trong mấy năm qua đã đè nặng lên chúng ta và vẫn chưa hoàn toàn vượt qua được. Nhưng các báo cáo mới nhất cho thấy rằng thế giới, đặc biệt là Chính phủ Anh quốc,

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

đang có xu hướng nhìn nhận những điều vĩ đại nằm sau cuộc đấu tranh của chúng ta cho lý tưởng phục quốc Do Thái. Trong giây phút này, chúng ta hãy cùng nhớ lại với nỗi tri ân người lãnh tụ của chúng ta, Weizmann, người mà lòng nhiệt thành và tinh cần trọng đã góp phần cho sự nghiệp thiện hảo của chúng ta đi đến thành công.

Những khó khăn mà chúng ta đã trải qua cũng có mang theo chúng một vài điều tốt. Chúng đã cho ta thấy một lần nữa môi dây liên kết tất cả những người Do Thái ở mọi quốc gia trong một số phận chung là mạnh mẽ đến nhường nào. Cuộc khủng hoảng này cũng đã thanh tẩy quan điểm của chúng ta về vấn đề Palestine, loại trừ khỏi nó mọi tàn dư của chủ nghĩa dân tộc. Lời tuyên bố được đưa ra rất rõ ràng rằng chúng ta không nhằm mục đích tạo ra một xã hội chính trị; mục đích của chúng ta là, theo truyền thống lâu đời của người Do Thái, tạo ra một xã hội văn hóa theo nghĩa rộng nhất của từ này. Bởi vậy, nhiệm vụ của chúng ta là giải quyết vấn đề sống chung vai sát cánh với người anh em Ả Rập một cách cởi mở, phóng khoáng và xứng đáng. Ở đây chúng ta có cơ hội chứng tỏ mình đã học được những gì từ hàng ngàn năm tuần nạn của chúng ta. Một khi đã chọn con đường đúng, chúng ta sẽ thành công và nêu một tấm gương sáng đẹp cho toàn thế giới.

Dù ta có làm gì cho Palestine, ấy là ta làm vì danh dự và phúc lợi của toàn thể nhân dân Do Thái.

3.

Tôi rất sung sướng được dịp nói đôi lời với lớp thanh niên của đất nước này, lớp thanh niên trung thành với những mục đích chung của nhân dân Do Thái. Chớ ngã lòng vì những khó khăn mà chúng ta đang phải đối mặt ở Palestine. Những điều đó chỉ là phép thử cho ý chí sống còn của cộng đồng chúng ta.

Một số việc làm và lời nói của chính quyền Anh quốc đã bị phê phán một cách công bằng. Tuy nhiên, chúng ta không được lấy thế làm đủ mà phải rút từ đó ra bài học kinh nghiệm.

Chúng ta phải hết sức quan tâm đến quan hệ với người Ả Rập. Bằng cách cẩn trọng chăm lo cho các quan hệ đó, trong tương lai chúng ta có thể ngăn ngừa không để mọi chuyện trở nên căng thẳng đến mức người ta có thể lợi dụng chúng nhằm kích động những hành vi thù địch. Mục đích đó hoàn toàn trong tầm tay chúng ta, bởi công cuộc xây dựng của chúng ta đã và vẫn phải tiếp tục được thực hiện sao cho phục vụ lợi ích đích thực của cả nhân dân Ả Rập.

Bằng cách đó, chúng ta sẽ có thể tránh không tự đưa mình vào vị thế không mong muốn đối với cả người Do Thái lẫn người Ả Rập, để buộc phải cậy đến lực lượng ủy trị làm trung gian hòa giải. Vì vậy chúng ta sẽ tuân theo điều răn của sự khôn ngoan mà cả các truyền thống của chúng ta, những truyền thống

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

mà chỉ có chúng mới mang lại được ý nghĩa và sự bền vững cho cộng đồng Do Thái.

Bởi cái cộng đồng đó không phải và không bao giờ được trở thành một cộng đồng chính trị; trái lại, là cộng đồng hoàn toàn chỉ dựa trên một truyền thống luân lý, và chỉ từ truyền thống này, nó có thể rút ra sức mạnh mới, là nền tảng duy nhất để biện minh cho sự tồn tại của nó.

4.

Trong suốt hai ngàn năm qua, tài sản chung của nhân dân Do Thái hoàn toàn nằm trong quá khứ của nó. Bị phân tán khắp nơi trên thế giới, dân tộc chúng ta chẳng có gì chung ngoại trừ một truyền thống được cẩn trọng giữ gìn. Cá nhân mỗi người Do Thái dĩ nhiên đã làm nên những giá trị văn hóa lớn lao, song dường như dân tộc Do Thái như một tổng thể lại không còn đủ sức mạnh ngõ hầu đạt được những thành tựu tập thể lớn lao.

Giờ đây mọi sự đã thay đổi. Lịch sử đã đặt ra cho chúng ta một nhiệm vụ to lớn và cao quý dưới hình thức hợp tác tích cực trong việc xây dựng nên Palestine. Những thành viên ưu tú của dân tộc chúng ta đã bắt tay làm hết sức mình nhằm thực hiện mục đích đó. Cơ hội đặt ra trước chúng ta là lập nên những trung tâm văn minh mà toàn thể nhân dân Do Thái có thể coi là

công việc của mình. Chúng ta ấp ủ niềm hy vọng xây dựng Palestine thành ngôi nhà cho nền văn hóa dân tộc của chúng ta, điều đó đến lượt mình sẽ giúp thức tỉnh vùng Cận Đông hầu tiến tới một đời sống kinh tế và tâm linh mới.

Mục đích của các nhà lãnh đạo phong trào Phục quốc Do Thái không phải là mục đích chính trị mà là mục đích xã hội và văn hóa. Cộng đồng ở Palestine phải tiếp cận với lý tưởng xã hội của các bậc tiền bối như đã đặt ra trong Kinh Thánh, đồng thời trở thành chốn cư ngụ của đời sống tri thức hiện đại, một trung tâm tinh thần cho người Do Thái trên toàn thế giới. Phù hợp với quan niệm này, việc thành lập một trường Đại học Do Thái ở Jerusalem là một trong những mục tiêu quan trọng nhất của tổ chức Phục quốc Do Thái.

Mấy tháng qua tôi đã đến Hoa Kỳ nhằm giúp huy động cơ sở vật chất cho trường đại học này. Thành công của việc đó là hoàn toàn tự nhiên. Nhờ sức làm việc không mệt mỏi và tinh thần hy sinh cao đẹp của các bác sĩ Do Thái ở Hoa Kỳ, chúng ta đã thành công trong việc huy động đủ tiền để lập ra một khoa y, và công việc sơ bộ đang được khởi đầu ngay lập tức. Sau thành công đó tôi không chút nghi ngờ rằng cơ sở vật chất cho các khoa còn lại cũng sẽ có trong thời gian không xa. Khoa y trước hết cần được phát triển thành một viện nghiên cứu và cần tập trung vào việc làm cho đất nước này trở nên

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

khỏe mạnh, điều quan trọng hàng đầu trong công cuộc phát triển. Chỉ sau đó việc giảng dạy trên quy mô lớn mới trở nên quan trọng. Do nhiều chuyên viên khoa học có trình độ cao đã bày tỏ rằng họ sẵn sàng nhận nhiệm vụ ở trường đại học này, việc thành lập khoa y được coi là hoàn toàn chắc chắn. Tôi có thể nói thêm rằng một quỹ đặc biệt dành cho trường đại học này, hoàn toàn khác với quỹ chung dành cho phát triển đất nước, đã được thành lập. Trong mấy tháng qua, quỹ này đã thu được những khoản tiền đáng kể tại Hoa Kỳ, nhờ công lao không mệt mỏi của Giáo sư Weizmann và các lãnh tụ Zionist khác, chủ yếu qua tinh thần hy sinh của tầng lớp trung lưu. Tôi xin kết luận với một lời kêu gọi nhiệt thành đối với mọi người Do Thái tại Đức hãy đóng góp tất cả những gì có thể, mặc những khó khăn kinh tế hiện thời, cho công cuộc xây dựng quê hương của người Do Thái ở Palestine. Đây không phải một công việc từ thiện, mà là một công việc liên quan đến tất cả người Do Thái và thành công của nó sẽ là nguồn thỏa mãn cao đẹp nhất cho tất cả chúng ta.

5.

Đối với người Do Thái chúng ta, Palestine không phải là một công trình từ thiện hay thuộc địa, mà là một vấn đề có tầm quan trọng trung tâm đối với nhân dân Do Thái. Palestine trước hết

không phải là một chốn nương thân cho người Do Thái Đông Âu mà là hiện thân cho tinh thần cộng đồng đã thức tỉnh trở lại của toàn thể dân tộc Do Thái. Liệu đây có đúng là lúc tinh thần cộng đồng này được thức tỉnh và làm mạnh mẽ hơn chăng? Đây là câu hỏi mà tôi cảm thấy cần phải trả lời không do dự rằng “có”, không chỉ theo cảm tính mà còn dựa trên nền tảng duy lý.

Chúng ta hãy thử nhìn lại lịch sử của người Do Thái tại Đức trong một trăm năm qua. Một thế kỷ trước đây cha ông chúng ta, trừ vài ngoại lệ ít ỏi, đều sống trong ghetto³¹. Họ nghèo, không có quyền chính trị, bị tách khỏi những người không phải Do Thái bởi hàng rào truyền thống tôn giáo, thói quen sinh hoạt và những câu thúc của luật pháp; sự phát triển về tri thức của họ chỉ giới hạn trong nguồn sách vở của chính mình; họ hầu như không chịu tác động gì từ sự tiến bộ mạnh mẽ của đời sống tinh thần châu Âu vốn khởi đầu từ thời Phục hưng. Thế nhưng những con người vô danh khiêm nhường đó có một ưu thế lớn so với chúng ta: mỗi người trong họ, trong mỗi đường gân thớ thịt của mình đều thuộc về một cộng đồng mà anh ta hoàn toàn thể nhập vào nó, mà trong đó anh ta cảm thấy mình là một thành viên đầy đủ tư cách, một cộng đồng không đòi hỏi ở anh ta một

³¹ Khu sinh sống của người Do Thái, bị biệt lập với bên ngoài.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

điều gì trái với thói quen suy nghĩ tự nhiên của anh ta. Cha ông chúng ta thời đó khá nghèo nàn về phương diện tinh thần và thể chất, nhưng về mặt xã hội mà nói, họ có một sự cân bằng tinh thần đáng ghen tị.

Thế rồi sự giải phóng đã đến. Điều đó đột ngột mở ra những cơ hội cho các cá nhân mà ngày trước có nằm mơ cũng không thấy nổi. Vài cá nhân riêng lẻ nhanh chóng tìm được một vị trí ở tầng lớp cao trong giới kinh doanh và đời sống xã hội. Họ háo hức nuốt chửng lấy những thành tựu sáng chói mà nghệ thuật và khoa học của thế giới phương Tây đã đạt được. Họ tham gia vào quá trình đó với nhiệt tình cháy bỏng, bản thân họ cũng có những đóng góp mang giá trị trường tồn. Đồng thời họ bắt chước những hình thức bên ngoài của đời sống người châu Âu, ngày càng xa rời khỏi truyền thống tôn giáo và xã hội của người Do Thái mà tiếp thu phong tục, cung cách và thói quen suy nghĩ của người châu Âu. Dường như họ đã đánh mất hoàn toàn bản lai diện mục của mình trong số đông áp đảo và trong nền văn hóa được tổ chức cao hơn của các dân tộc lớn sinh sống xung quanh họ, đến nỗi chỉ trong vài thế hệ đã không còn lại dấu vết nào của họ nữa. Một sự biến mất hoàn toàn của dân tộc Do Thái ở Trung và Tây Âu dường như là không thể tránh khỏi.

Nhưng rồi sự tình lại xoay chuyển theo hướng khác. Các dân tộc thuộc một chủng tộc

khác dường như có một thứ bản năng ngăn cho họ không bị đồng hóa. Cho dù người Do Thái có tự thích nghi với châu Âu ở ngôn ngữ, ở cung cách và trên một chừng mực đáng kể là trong tôn giáo đến nhường nào đi nữa, thì đối với các dân tộc châu Âu mà người Do Thái cùng chung sống, cảm giác xa lạ giữa người Do Thái với các dân tộc chủ nhà không bao giờ biến đi hẳn. Cảm thức này là nguyên nhân tối hậu của chủ nghĩa bài Do Thái, vì vậy chỉ bằng cách tuyên truyền không thôi thì không thể triệt trừ hẳn được. Các dân tộc cần phải theo con đường của riêng mình, không hòa trộn. Một hiện trạng thỏa đáng chỉ có thể đạt được bằng cách bao dung và tôn trọng lẫn nhau.

Bước đầu tiên theo hướng đó là người Do Thái chúng ta thêm một lần nữa cần phải ý thức về hiện hữu của mình với tư cách một dân tộc và tìm lại lòng tự trọng cần thiết cho một sự hiện hữu lành mạnh. Một lần nữa chúng ta phải học hãnh diện về tổ tiên và lịch sử của chúng ta, và một lần nữa, với tư cách một dân tộc, chúng ta phải gánh lấy những trách nhiệm văn hóa thuộc một loại được tính toán sao cho làm mạnh mẽ hơn cảm thức về cộng đồng của chúng ta. Đóng góp vào sự phát triển văn hóa của nhân loại chỉ với tư cách những cá nhân là chưa đủ, chúng ta còn phải thực thi những nhiệm vụ mà chỉ các dân tộc với tư cách toàn thể mới có khả năng

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

làm. Chỉ khi đó người Do Thái mới tìm lại được sự lành mạnh về mặt xã hội.

Tôi muốn các bạn nhìn nhận phong trào phục quốc Do Thái chính từ quan điểm đó. Lịch sử ngày nay đã giao phó cho chúng ta trách nhiệm đóng một vai trò tích cực trong công cuộc tái thiết tổ quốc chúng ta về kinh tế và văn hóa. Những con người đầy nhiệt huyết, với tài năng xuất chúng đã mở đường, nhiều thành viên ưu tú của dân tộc chúng ta đã sẵn sàng cống hiến toàn bộ tâm huyết mình cho sự nghiệp đó. Mong sao mỗi người trong số họ sẽ thực thi trọn vẹn tầm quan trọng của công cuộc này và đóng góp tùy sức mình để đưa công cuộc đó đến thành công!

CỘNG ĐỒNG DO THÁI³²

Phát biểu tại London

Kính thưa Quý ông Quý bà,

Vượt qua được ý thích tự nhiên là sống một cuộc đời lặng lẽ suy tư, đó không phải là việc dễ đối với tôi. Nhưng tôi không thể giả điếc trước lời kêu gọi của các hội O.R.T. và O.Z.E.³³, bởi khi đáp lại lời kêu gọi đó, ấy là tôi đang đáp lại lời

³² Bài này không có trong bản tiếng Đức.

³³ Các hiệp hội từ thiện Do Thái.

kêu gọi của dân tộc Do Thái đang phải chịu vô vàn áp bức của chúng ta, có thể nói vậy.

Vị trí phân tán của cộng đồng Do Thái chúng ta là phong vũ biểu về đạo đức cho nền chính trị thế giới. Bởi, có thứ gì nào về đạo đức chính trị và sự thượng tôn công lý mà lại chính xác hơn thái độ của các dân tộc đối với một dân tộc thiếu số không ai bảo vệ, một dân tộc mà đặc điểm duy nhất là nâng niu gìn giữ một truyền thống văn hóa từ ngàn xưa?

Cái phong vũ biểu này đang ở mức thấp trong thời điểm hiện nay, bởi chúng ta đều biết rõ một cách đau đớn từ cung cách người ta đối xử với cộng đồng Do Thái. Nhưng chính cái mức thấp này lại xác nhận niềm tin của tôi rằng bảo vệ và củng cố cộng đồng này là nghĩa vụ của chúng ta.

Ấn sâu trong truyền thống của dân tộc Do Thái là một tình yêu đối với công lý và lý trí, cái tình yêu cần phải tiếp tục đấu tranh cho cái thiện của mọi dân tộc, ngày nay cũng như trong mai sau. Trong những thời đại gần đây, truyền thống đó đã cho ra đời Spinoza và Karl Marx.

Những ai muốn giữ gìn tinh thần đó cũng phải nhìn vào cái thân thể mà tinh thần đó gắn liền. Hội O.Z.E. thực sự đang trông nom cho thân thể của dân tộc chúng ta, theo nghĩa đen.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Ở Đông Âu, nó đang làm việc ngày đêm để giúp nhân dân chúng ta ở đó, những ai đang chịu ảnh hưởng đặc biệt nặng nề từ sự suy thoái kinh tế, hầu giữ cho thân thể và tinh thần luôn ở bên nhau; trong khi hội O.R.T. đang ra sức loại trừ một cản trở³⁴ nghiêm trọng về xã hội và kinh tế mà người Do Thái đã phải gánh chịu từ thời Trung cổ. Bởi thời đó chúng ta không được phép làm bất cứ nghề nghiệp nào sản xuất trực tiếp, buộc lòng chúng ta chỉ làm những nghề thương mại mà thôi. Cách duy nhất để thực sự giúp đỡ người Do Thái ở các nước phương Đông là cho họ tiếp cận những lĩnh vực hoạt động mới, điều mà người Do Thái trên khắp thế giới đang tranh đấu hòng đạt được. Đây là vấn đề hệ trọng mà hội O.R.T. đang giải quyết thành công.

Lúc này đây, chúng tôi kêu gọi người Anh các bạn hãy giúp chúng tôi trong công cuộc lớn lao này mà những con người xuất chúng đã dọn đường. Mấy năm qua, không, mấy ngày qua đã mang lại cho chúng tôi một nỗi thất vọng mà ắt hẳn đã đặc biệt có tác động gần gũi đến các bạn. Chớ cưỡng lại số phận, mà tốt hơn hãy nhìn các sự kiện đó như một lý do để tiếp tục trung thành với sự nghiệp của cộng đồng Do Thái. Tôi tin chắc rằng, làm như vậy, chúng ta cũng gián tiếp

³⁴ Ở đây có sự chơi chữ: "handicap" vừa có nghĩa là một khuyết tật của thân thể (nghĩa đen) vừa có nghĩa là một sự cản trở, điều bất lợi (nghĩa bóng). – ND.

xiển dương cho những mục đích chung của loài người mà chúng ta phải luôn luôn nhìn nhận là mục đích tối thượng.

Hãy nhớ rằng những khó khăn và trở ngại là một nguồn quý giá cho sự lành mạnh và sinh lực của bất kỳ xã hội nào. Chúng ta hẳn đã không thể sống sót qua hàng ngàn năm với tư cách một cộng đồng nếu chúng ta nằm trên một chiếc giường bằng hoa hồng; tôi tin chắc chắn vào điều đó.

Nhưng chúng ta còn có một niềm an ủi còn đẹp hơn. Bạn bè của chúng ta không nhiều lắm, nhưng trong số đó có những người có tinh thần cao quý và một cảm thức mạnh mẽ về công lý, những người đã cống hiến cả đời mình hầu nâng cao xã hội loài người và giải phóng cá nhân khỏi sự áp bức và nhục mạ phẩm giá con người.

Chúng ta hạnh phúc và may mắn có những người châu Âu như thế đang hiện diện cùng chúng ta tối nay; sự hiện diện của họ làm buổi tối đáng nhớ này tăng thêm phần trang trọng. Tôi rất sung sướng nhìn thấy trước mặt tôi đây ngài Bernard Shaw và ngài H.G. Wells, những người mà quan điểm về cuộc sống là đặc biệt gần gũi với tôi.

Thưa ông Shaw, ông đã thành công trong việc chiếm được thiện cảm và lòng hâm mộ của thế giới khi theo đuổi một con đường từng dẫn nhiều người khác đến vinh quang của những

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

người tuấn nạn. Ông không chỉ đã tuyên đọc những lời răn đạo đức cho đồng bào mình; mà ông đã thực sự chế giễu những gì mà nhiều người trong bọn họ coi là thiêng liêng.

Ông đã làm những gì mà chỉ các nghệ sĩ bẩm sinh mới làm được. Từ cái hộp thần kỳ của mình ông đã cho ra vô số những sinh thể nhỏ bé tuy cũng giống con người song không phải làm từ máu thịt mà từ trí óc, sự thông minh và quyền rũ.

Thế nhưng bằng một cách nào đó chúng lại người hơn chính chúng ta, và người ta hầu như quên mất rằng chúng không phải là tạo vật của tự nhiên mà là của Bernard Shaw. Ông làm cho những sinh thể nhỏ bé đáng yêu kia nhảy múa trong một thế giới thu nhỏ mà đằng trước nó có cái Đẹp đứng làm người canh gác, không cho sự thù địch bước vào. Ai đã nhìn vào cái thế giới nhỏ này thì sẽ thấy thế giới thực của chúng ta trong một ánh sáng khác; bản thân những con búp bê của nó dần dần chuyển thành người thật, khiến chúng đột nhiên trông hoàn toàn khác hẳn. Bằng cách đưa ra chiếc gương soi cho tất cả chúng ta, ông đã có một tác động giải phóng cho chúng ta mà khó lòng có một ai khác trong những người cùng thời làm được, và đã giải phóng đời sống khỏi sự nặng nề bám chặt vào đất của nó. Vì điều đó tất cả chúng ta vô cùng biết ơn ông, cũng như biết ơn số phận, cái số phận mà cùng với những trận dịch chết người cũng đã mang đến cho chúng ta vị bác sĩ và

người giải phóng cho linh hồn chúng ta. Cá nhân tôi còn biết ơn ông vì những lời không thể nào quên ông đã nói về con người bí ẩn cùng tên với tôi kia, người đã khiến cho cuộc sống trở nên nhẹ nhàng đối với tôi, mặc dù ông ta, dấu cho hình dáng thô kệch và kinh khủng của mình, là một gã hoàn toàn vô hại.

Với tất cả các bạn, tôi nói rằng sự tồn vong và vận mệnh của dân tộc chúng ta ít tùy thuộc vào các yếu tố bên ngoài mà chủ yếu tùy thuộc vào việc chính chúng ta vẫn trung thành với những truyền thống đạo đức đã giúp chúng ta sống còn qua suốt hàng ngàn năm, mặc cho những cơn bão nặng nề từng nổ ra trên đầu chúng ta. Để phụng sự đời sống, sự hy sinh trở thành cái đẹp.

TỔ CHỨC WORKING PALESTINE

Trong số các tổ chức phục quốc Do Thái, "Working Palestine" là tổ chức mà việc làm của họ có ích lợi trực tiếp nhất cho lớp người quý báu nhất đang sinh sống ở đó - cụ thể là những người bằng lao động của đôi tay mình đang biến sa mạc thành những khu định cư màu mỡ. Những người lao động đó là một nhóm tinh tuyển, thành lập trên cơ sở tự nguyện, được chọn ra từ toàn thể dân tộc Do Thái, một lớp tinh hoa gồm những con người mạnh mẽ, tự tin và vị tha. Họ không phải những người lao động chân tay dốt nát bán sức lao động của đôi tay

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

mình cho kẻ nào trả giá cao hơn, mà là những con người tự do, mạnh mẽ về trí tuệ, những người đang đấu tranh một cách hòa bình với một vùng đất bị bỏ quên, một cuộc đấu tranh mà từ đó người được lợi, vừa trực tiếp vừa gián tiếp, là toàn thể dân tộc Do Thái.

Làm nhẹ bớt thân phận gian truân của họ trong khả năng có thể có nghĩa là cứu sống những mạng người quý báu nhất; bởi cuộc vật lộn của những người định cư đầu tiên trên mảnh đất chưa hề được cải tạo đó là một công cuộc khó khăn và nguy hiểm đòi hỏi sự hy sinh cá nhân lớn lao. Điều này đáng đến mức nào, chỉ những ai từng tận mắt thấy mới có thể phán xét. Kẻ nào giúp hoàn thiện trang thiết bị của những con người đó là đang giúp cho việc thiện ở một khâu then chốt.

Tuy nhiên, chỉ một mình tầng lớp lao động này mới có đủ năng lực để thiết lập quan hệ lành mạnh với người Ả Rập, điều vốn là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất của chủ nghĩa Phục quốc Do Thái. Các chính quyền đến rồi lại đi; song chính quan hệ giữa người với người mới là cái xoay vần cán cân trong vận mệnh các dân tộc. Vì vậy, hỗ trợ cho "Working Palestine" nghĩa là đồng thời ủng hộ cho một chính sách đầy tính nhân văn và xứng đáng ở Palestine, và chống lại một cách hữu hiệu đối với những dòng chảy ngấm ngấm của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi đang gây phương hại đến toàn bộ giới chính trị, ở

Albert Einstein

mức độ thấp hơn là giới chính trị nhỏ bé của các vụ việc về Palestine.

KHÔI PHỤC DÂN TỘC DO THÁI

Một lời kêu gọi ủng hộ cho Keren Hajessod

Tôi vui lòng tán thành lời yêu cầu của tờ báo quý vị rằng tôi sẽ có bài phát biểu trước những người Do Thái ở Hungary thay mặt cho Keren Hajessod.

Kẻ thù lớn nhất của ý thức dân tộc và danh dự của người Do Thái là sự thoái hóa nhậy mỡ – ý tôi muốn nói là sự quá đáng xuất phát từ chỗ giàu sang thừa mứa và dễ dãi – cùng với sự lệ thuộc từ bên trong vào thế giới người châu Âu quanh mình, vốn bắt nguồn từ sự lỏng lẻo các giềng mối của xã hội Do Thái.

Cái tốt đẹp nhất ở con người chỉ có thể đem hoa kết trái khi anh ta đánh mất chính mình trong một cộng đồng.

Từ đó mới sinh ra nguy cơ đạo đức đối với người Do Thái nào đã đánh mất quan hệ với chính dân tộc mình đồng thời bị dân tộc đang cưu mang mình coi là kẻ ngoại lai. Quá thường khi, một thứ chủ nghĩa cá nhân đáng khinh và sâu thẳm đã nảy sinh từ những hoàn cảnh đó. Sức nặng áp bức từ bên ngoài đè nén lên dân tộc Do Thái đang đặc biệt nặng nề vào lúc này. Nhưng chính nỗi cay đắng này lại tốt cho chúng

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

ta. Một sự hồi sinh cuộc sống dân tộc Do Thái, một cuộc hồi sinh mà thế hệ gần đây nhất không thể nào mơ thấy nổi, đã khởi đầu. Qua tác động của một cảm thức vừa được thức tỉnh về tình đoàn kết giữa những người Do Thái, kế hoạch thuộc địa hóa Palestine mà một số lãnh tụ đẩy tận tụy và công chính đã khởi đầu trong hoàn cảnh khó khăn tưởng như không thể vượt qua, nay đã tiến triển xa đến mức tôi không chút nghi ngờ gì về thành công lâu dài của nó.

Giá trị của thành tựu này đối với người Do Thái ở khắp nơi nơi là thật lớn lao. Palestine sẽ là trung tâm văn hóa cho mọi người Do Thái, một nơi lánh nạn cho những người bị áp bức cùng quẫn nhất, một môi trường hoạt động cho những người ưu tú nhất trong chúng ta, một lý tưởng thống nhất, và là một phương tiện hầu đạt tới sự lãnh mạnh nội tại của người Do Thái trên toàn thế giới.

CHỦ NGHĨA BÀI DO THÁI VÀ GIỚI TRẺ HÀN LÂM

Chừng nào chúng ta còn sống trong ghetto, cái chất Do Thái của chúng ta chỉ khiến chúng ta gặp những khó khăn về vật chất và đôi khi nguy hiểm về thể xác, song không gây cho ta những vấn nạn về xã hội hay tâm lý. Tuy nhiên, từ khi được giải phóng, tình hình đã thay đổi, nhất là với những người Do Thái nào dần thân vào

những nghề nghiệp trí thức. Ở trường trung học và đại học, người thanh niên Do Thái phải chịu ảnh hưởng của một xã hội mang dấu ấn dân tộc nhất định, cái xã hội mà anh ta tôn trọng và ngưỡng mộ, cái xã hội mà từ đó anh ta thu nhận dưỡng chất tinh thần, mà anh ta thấy mình là một thành phần, trong khi chính cái xã hội đó lại coi anh ta như kẻ thuộc một chủng tộc xa lạ, cư xử với anh ta một cách khinh khỉnh và thù địch thế nào đó.

Chịu ảnh hưởng ám thị bởi tâm lý coi mình là ưu việt chứ không hẳn là do những suy tính vị lợi, anh ta quay lưng lại với dân tộc và truyền thống của mình, tự coi mình hoàn toàn thuộc về những kẻ khác trong khi anh ta ra sức một cách hoài công để giấu giếm với chính mình và với những kẻ kia cái sự thực rằng mối quan hệ này giữa hai phía là không công bằng.

Từ đó mới nảy sinh cái kẻ đáng khinh, gã Geheimrat³⁵ Do Thái được "nặn" ra một cách đáng tiếc như thế. Trong hầu hết trường hợp, sở dĩ y thành ra như thế chẳng phải vì y lắm mưu mẹo và thiếu cá tính, mà như tôi đã nói, là do cái sức mạnh ám thị của một môi trường khác có tính áp đảo về số lượng và ảnh hưởng. Dĩ nhiên, anh ta biết rằng nhiều đứa con ưu tú của dân tộc Do Thái đã có những đóng góp quan trọng cho

³⁵ Trong tiếng Đức, "Geheimrat" có nghĩa là "lính kín, mật thám" cho tới năm 1918.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

vinh quang của nền văn minh châu Âu, nhưng chẳng phải là tất cả bọn họ, trừ vài ngoại lệ hiếm hoi, đều đã làm như anh ta sao?

Trong trường hợp này, cũng như trong nhiều chứng bệnh thần kinh, cách chữa trị nằm ở sự biết rõ tình trạng của mình và những nguyên nhân của nó. Chúng ta phải ý thức được rằng chúng ta là một dân tộc ngoại lai và rút ra từ đó những kết luận logic. Chẳng ích gì đi thuyết phục kẻ khác rằng chúng ta bình đẳng với họ về tinh thần và trí thức nếu chỉ bằng những lập luận hướng vào lý trí, bởi thái độ của họ đối với chúng ta nào có xuất phát từ trí tuệ của họ. Thay vào đó, chúng ta phải tự giải phóng mình về mặt xã hội và tự mình đáp ứng chủ yếu cho các nhu cầu xã hội của mình. Chúng ta phải có những hiệp hội sinh viên của riêng mình, và phải giữ một thái độ dè dặt, nhả nhặn song nhất quán, đối với người châu Âu. Và chúng ta hãy sống theo cung cách của mình ở đó, chớ có như con khi đột bắt chước những trò đầu sừng và uống rượu vốn xa lạ với bản tính của chúng ta. Chúng ta có thể vừa là một người châu Âu văn minh và một công dân tốt vừa là một người Do Thái trung thành, yêu dân tộc mình và kính trọng tổ tiên. Nếu chúng ta ghi nhớ điều đó và hành động phù hợp, thì vấn đề bài Do Thái, chừng nào nó vẫn chỉ mang tính xã hội, coi như đã giải quyết xong đối với chúng ta.

Albert Einstein

THƯ GỬI GIÁO SƯ HELLPACH,
BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Sự cần thiết của chủ nghĩa phục quốc Do Thái

Thưa Ngài Hellpach,

Tôi đã đọc bài viết của ngài về chủ nghĩa phục quốc Do Thái và Đại hội Zurich và cảm thấy rằng, với tư cách một người ủng hộ mạnh mẽ ý tưởng Phục quốc Do Thái, tôi cần phải trả lời ngài, dù chỉ một cách ngắn gọn.

Người Do Thái là một cộng đồng gắn kết với nhau bằng những quan hệ máu mủ và truyền thống còn tôn giáo không hề là sợi dây nối kết duy nhất: quan điểm của toàn thể thế giới còn lại đối với người Do Thái là bằng chứng quá đủ về điều đó. Khi tôi đến Đức mười lăm năm trước đây, lần đầu tiên tôi phát hiện ra mình là người Do Thái, mà phát hiện đó nhờ những người không phải Do Thái hơn là nhờ người Do Thái.

Bi kịch của người Do Thái nằm ở chỗ họ là một dân tộc thuộc một dạng thức lịch sử riêng biệt, thiếu sự hỗ trợ của một cộng đồng nhằm giữ cho họ cố kết thành một khối. Hậu quả là sự bất an trong mỗi cá nhân, có thể tăng lên thành sự mất chỗ tựa về tinh thần. Tôi đã nhận ra rằng sự cứu rỗi duy nhất khả dĩ cho dân tộc này là, mỗi người Do Thái trên thế giới phải gắn bó với một xã hội đầy sức sống mà cá nhân đó tự thấy vui

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

khi mình là một thành phần của nó, một xã hội giúp anh ta đủ sức chống đỡ với sự hận thù và khinh bỉ mà anh ta đã phải hứng chịu với phần còn lại của thế giới.

Tôi đã thấy những người Do Thái đáng kính bị châm biếm một cách hèn hạ, cảnh đó khiến tim tôi rỉ máu. Tôi đã thấy nhà trường, các tờ báo hài hước và vô số những yếu tố văn hóa của đa số không phải Do Thái đã chôn vùi lòng tự tin của ngay cả những người ưu tú nhất trong đồng bào của tôi. Tôi cảm thấy không thể cho phép điều đó tiếp diễn.

Thế rồi tôi hiểu ra rằng chỉ một công cuộc chung mà mỗi người Do Thái trên toàn thế giới đều nâng niu yêu quý thì mới có khả năng hồi phục dân tộc này. Herzl thật sự đã đạt được một thành tựu vĩ đại khi ông đã nhận ra và cất cao giọng tuyên bố rằng, với thái độ yêu chuộng truyền thống sẵn có của người Do Thái, việc thành lập một ngôi nhà cho dân tộc, nói chính xác hơn là một trung tâm ở Palestine, là một sự nghiệp mà ta có thể tập trung hết sức lực vào.

Tất cả những điều đó ông gọi là chủ nghĩa dân tộc, và lời quy kết đó không phải không có lý. Nhưng một mục đích nhằm hướng tới cộng đồng, mục đích mà nếu không có nó thì chúng ta sống không được mà chết cũng không xong trong cái thế giới thù địch này, luôn luôn có thể bị gọi bằng cái tên xấu xa đó. Trong bất cứ trường hợp

nào, đó cũng là một chủ nghĩa dân tộc mà mục đích không phải là sức mạnh mà là phẩm giá và sự khang kiên của dân tộc. Giả như chúng ta không phải sống giữa những con người thiếu khoan dung, hẹp hòi và đầy bạo lực thì tôi sẽ là người đầu tiên vứt bỏ mọi thứ chủ nghĩa dân tộc vì lợi ích của tính người phổ quát.

Sự chỉ trích rằng nếu chúng ta muốn là một "quốc gia", người Do Thái chúng ta ắt không thể là những công dân đúng nghĩa, chẳng hạn công dân của nhà nước Đức, ấy là do hiểu lầm về bản chất của Nhà nước vốn này sinh từ sự thiếu khoan dung của bộ phận đa số trong quốc gia. Người Do Thái chúng ta sẽ không bao giờ có thể an toàn với một sự thiếu khoan dung như vậy, dẫu chúng ta có tự gọi mình là một "dân tộc" hay "quốc gia" hay không.

Tôi nói tất cả những điều này một cách thẳng thắn không úp mở, cốt sao ngắn gọn, nhưng từ những gì ông viết, tôi biết ông là người chú trọng đến ý nghĩa chứ không phải hình thức diễn đạt.

THƯ GỬI MỘT NGƯỜI Ả RẬP

Ngày 15.3.1930

Thưa ông,

Thư của ông khiến tôi rất đổi vui lòng. Nó cho tôi thấy rằng phía ông cũng có thiện chí

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

nhằm giải quyết những khó khăn hiện nay bằng một cách xứng đáng cho cả hai dân tộc chúng ta. Tôi tin rằng những khó khăn đó có tính tâm lý hơn là thực tế, và sẽ có thể vượt qua nếu cả hai phía chúng ta cùng giải quyết bằng sự trung thực và thiện chí.

Sở dĩ tình thế hiện nay tồi tệ đến vậy là do người Do Thái và người Ả Rập coi nhau như cừ thù trước lực lượng ủy trị. Tình trạng này không xứng đáng với cả hai dân tộc và chỉ có thể thay đổi nếu chúng ta tìm ra một giải pháp trung gian mà cả hai phía đều chấp thuận.

Tôi muốn nói với ông rằng tôi tin những khó khăn hiện tại là có thể khắc phục đồng thời tôi phải nói thêm rằng đó chỉ là ý kiến cá nhân của tôi, chưa hề được bàn bạc với bất cứ ai. Tôi viết thư này bằng tiếng Đức bởi tôi không có khả năng tự viết bằng tiếng Anh và bởi tôi muốn chịu hoàn toàn trách nhiệm về nó. Tôi tin chắc rằng ông sẽ tìm được người bạn Do Thái nào đó có khả năng dịch nó cho ông.

Theo ý cá nhân tôi, tưởng nên thành lập một "Hội đồng Tư vấn bí mật" trong đó có đại diện của cả người Do Thái và người Ả Rập, mỗi bên bốn người; tất cả những người này phải không thuộc bất kỳ đảng phái chính trị nào.

Mỗi nhóm gồm những người như sau:

Một bác sĩ, do Hiệp hội Y tế bầu ra;

Một luật sư, do giới luật sư bầu ra;

Một đại diện của tầng lớp lao động, do các công đoàn bầu ra;

Một giáo sĩ, do các chức sắc tôn giáo bầu ra.

Tám người này sẽ gặp nhau mỗi tuần một lần. Nhiệm vụ của họ không phải là trao đổi những mối quan tâm mang tính riêng tư của nghề nghiệp hay dân tộc mình mà là, một cách có ý thức và toàn tâm toàn lực, nhằm tới phúc lợi của toàn thể nhân dân đất nước này. Những thảo luận của họ sẽ được giữ kín, và họ tuyệt đối không được tiết lộ bất cứ thông tin nào về những thảo luận đó dù ở chỗ riêng tư.

Khi Hội đồng này đạt tới quyết định về một vấn đề với ít nhất ba thành viên của mỗi bên nhất trí tán thành, quyết định đó sẽ được công bố, nhưng chỉ dưới danh nghĩa toàn thể Hội đồng. Nếu một thành viên không tán thành, người đó có thể rút lui khỏi Hội đồng, nhưng không phải vì thế mà được miễn trừ trách nhiệm giữ bí mật (về công việc của Hội đồng). Nếu một trong các cơ quan bầu cử thành viên đã nói ở trên không hài lòng với một nghị quyết của Hội đồng, họ có thể thay người đại diện của mình bằng một người khác.

Cho dù "Hội đồng Tư vấn bí mật" này không có quyền lực xác định, song nó vẫn có thể mang lại sự dung hợp dần dần những cái khác biệt và đóng vai trò đại diện thống nhất cho những mối quan tâm của đất nước trong tương quan với lực

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

lượng ủy trị, hoàn toàn rũ sạch khỏi lớp bụi của thứ chính trị phù du.

KI TÔ GIÁO VÀ DO THÁI GIÁO

Nếu loại bỏ được các nhà tiên tri ra khỏi Ki Tô giáo và loại trừ khỏi Ki Tô giáo chân truyền của Chúa Jesus tất cả những thứ do đời sau thêm thắt, nhất là những thứ thêm thắt của các giáo sĩ, chúng ta sẽ còn lại một giáo lý có khả năng chữa lành cho mọi căn bệnh xã hội của loài người.

Nghĩa vụ của mỗi con người thiện chí là bên bi đấu tranh trong cái thế giới nhỏ bé của mình, đến cùng cực khả năng mình, hầu làm cho giáo lý thuần túy nhân bản này trở thành một nguồn lực sống động. Nếu anh ta nỗ lực một cách trung thực theo hướng này mà không bị những người sống cùng thời bóp nát và chà đạp dưới chân, thì anh ta có thể coi như bản thân mình và cộng đồng mình đã gặp vận may.

CÁCH NGÔN CHO LEO BAECK^{*}

- Vạn tuế kẻ nào đã đi vào cuộc đời để luôn giúp đỡ người khác, vô úy và xa lạ với tính gây hấn và hận thù! Dùng thứ gỗ ấy để đeo nên những mẫu hình lý tưởng, giúp cho con người

^{*} Bài này không có trong bản tiếng Anh. Bùi Văn Nam Sơn dịch từ bản tiếng Đức.

được bao điều an ủi trong những cảnh huống khổ đau do chính mình tạo ra!

- Hợp nhất lòng kiên trì, sự sáng suốt với quyền lực thì hiếm khi thành công và cũng chỉ thành công ngắn ngủi thôi!

- Con người thường tránh khen ai là khôn ngoan, trừ khi đó là kẻ thù của mình!

- Ít có ai thanh thản nói ra ý kiến đi chệch khỏi định kiến của chung quanh; phần đông thậm chí không đủ sức có được những ý kiến như thế!

- Tính đa số của những người ngu xuẩn là vô địch và thiên thu trường tại. Vì thế, sự bạo ngược khủng khiếp của nó cũng được giảm nhẹ đi vì thiếu... triệt để!

- Để có thể làm một thành viên ngoan ngoãn của một đàn cừu, trước hết ta phải là một con cừu đả!

- Những đối chọi và mâu thuẫn có thể chung sống hòa bình lâu dài trong một bộ não, nên mọi hệ thống lạc quan lẫn bi quan của các nhà chính trị đều tiêu tan hết!

- Ai vỗ ngực xưng mình là quyền uy trong lĩnh vực chân lý và tri thức thì chỉ làm trò cười cho các thần linh!

- Niềm vui chiêm ngưỡng và thấu hiểu là quà tặng đẹp đẽ nhất của Tự nhiên!

THỂ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

TIỂU SỬ EINSTEIN

Ghi chú: số trong ngoặc là tuổi của Einstein

Năm	Sự kiện
1879 (0)	Einstein sinh ngày 14 tháng 3 năm 1879 ở Ulm, một thành phố trung bình ở miền Tây Nam nước Đức. Cha là Hermann Einstein (1847-1902), mẹ là Pauline Einstein (1858-1920), cả hai đều gốc Do Thái.
1880 (1)	Gia đình Einstein chuyển tới sống ở München.
1884 (4)	Bố Einstein giải thích cho cậu bé Albert cách hoạt động của la bàn.
1885 (6)	Einstein học chơi violon.
1888 (9)	Nhập học ở Trường tiểu học Luitpold, München.
1889 (10)	Gặp Max Talmud, người tặng Einstein cuốn sách hình học đầu tiên và thường xuyên dành thời gian trao đổi với Einstein tới năm 1894.
1890 (11)	Einstein trải qua "một năm tôn giáo", bởi cậu sinh hoạt theo các điều luật nghiêm ngặt của đạo Do Thái.
1891 (12)	Einstein đọc một cuốn sách về hình học Euclid. Sau này, Einstein nói: "Sự sáng sủa và chắc chắn đó đã mang lại cho tôi một ấn tượng khó tả."

Albert Einstein

- 1894 (15) Gia đình di chuyển tới Milan, Italia. Riêng Einstein ở lại München để kết thúc việc học.
- 1896 (17) Vào học Đại học Bách khoa Zürich, Thụy Sĩ. Einstein làm quen với Mileva Marić (1875-1948), người trở thành vợ ông sau này. Ông bỏ quốc tịch Đức và năm năm liền, ông là người không có quốc tịch.
- 1900 (21) Einstein gửi bài viết khoa học đầu tiên tới tạp chí "Annalen der Physik" (Niên giám vật lý).
- 1902 (23) Bỏ qua đời ở Milan; Einstein trở thành nhân viên Cục cấp bằng sáng chế tại Bern. Con gái Liesert chào đời trước hôn nhân.
- 1903 (24) Kết hôn với Mileva Marić.
- 1904 (25) Con trai Hans Albert chào đời.
- 1905 (26) Năm thần kỳ của Einstein: xuất bản 5 tiểu luận khoa học, một trong đó có công thức $E = mc^2$.
- 1907 (28) Einstein cộng tác với các nhà vật lý lớn nhất của thời đại, trong đó có Max Planck (1858-1947) và Hermann Minkowski (1864-1909).
- 1908 (29) Bảo vệ luận án sau tiến sĩ (tiến sĩ habil) tại Đại học Bern; Giảng bài đầu tiên tại học kỳ mùa đông về "lý thuyết bức xạ". Chỉ có 3 sinh viên đến nghe.
- 1910 (31) Con trai thứ Eduard chào đời.

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

- 1913 (34) Einstein viết "Phác thảo về một lý thuyết tương đối tổng quát và một lý thuyết về hấp dẫn".
- 1914 (35) Chuyển tới sống ở Berlin; ly dị với Mileva Marić.
- 1916 (37) Einstein hoàn tất Thuyết tương đối rộng.
- 1917 (38) Xuất bản cuốn sách "Về Thuyết tương đối hẹp và Thuyết tương đối rộng". Sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, cuốn sách được dịch ra nhiều thứ tiếng.
- 1919 (40) Einstein nổi tiếng thế giới: Đoàn thiên văn của Hoàng gia London tới Brazil quan sát nhật thực đã chứng minh tính đúng đắn của Thuyết tương đối.
- 1922 (43) Einstein nhận giải Nobel Vật lý (Giải được trao năm 1921).
- 1924 (45) Phát minh khoa học lớn cuối cùng: trạng thái đồng đặc Bose-Einstein.
- 1930 (51) Giảng viên được mời tại Đại học Princeton cho học kỳ mùa đông.
- 1931 (52) Tuyển tập "Mein Weltbild" (Thế giới như tôi thấy) xuất bản.
- 1933 (54) Nghỉ ở bãi biển La Coq, miền Ostende, Bỉ. Đây là lần cuối cùng Einstein đặt chân ở châu Âu. Ông quyết định di cư sang Mỹ. Ông trở thành Giáo sư tại Viện nghiên cứu phát triển Princeton.

Albert Einstein

- 1934 (55) Einstein biểu diễn một buổi hòa nhạc violon tại New York để ủng hộ các nhà khoa học chạy trốn Đức Quốc xã.
- 1936 (57) Vợ thứ hai Elsa qua đời.
- 1939 (60) Einstein viết hai bức thư gửi Tổng thống Franklin D. Roosevelt.
- 1944 (65) Bản viết tay bài viết "Điện động lực học của các vật chuyển động" (1905) được bán đấu giá tại Kansas City với giá 6 triệu đôla.
- 1946 (67) Nhận chức Chủ tịch Hội đồng chống chiến tranh nguyên tử.
- 1948 (69) Vợ thứ nhất Mileva Marić qua đời.
- 1950 (71) Einstein viết di chúc.
- 1951 (72) Em gái Maja Winteler qua đời ở Princeton.
- 1952 (73) Einstein được mời làm Tổng thống Israel. Ông từ chối.
- 1953 (74) Einstein tổ chức sinh nhật rộng rãi để quyên góp thành lập Đại học Y khoa Einstein ở New York.
- 1954 (75) Einstein ốm nặng. Suy gan, thiếu máu và suy nhược toàn cơ thể.
- 1955 (76) Einstein qua đời ngày 18 tháng 4. Câu cuối cùng ông viết là "Nhiệt tình chính trị đòi hỏi phải hi sinh."

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

53 Nguyễn Du, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 9454 661

Fax: (84-4) 9454 660

E-mail: lienhe@nxbtrithuc.com.vn

ALBERT EINSTEIN

THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Mein Weltbild

Dinh Bá Anh, Nguyễn Vũ Hào,

Trần Tiến Cao *Đã dịch*

Bùi Văn Nam Sơn *hiệu đính*

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

CHU HẢO

BIÊN TẬP

HỒ THỊ HÒA

VẼ BÌA

TRẦN VŨ

TRÌNH BÀY

TRẦN VĂN PHƯƠNG

In 1000 cuốn khổ (12x20)cm tại Xưởng in Tạp chí Than
- Khoáng sản Việt Nam. Giấy phép xuất bản số 295-
2007/CXB/09-06/TrF do nhà xuất bản Tri Thức cấp
ngày 24-4-2007. In xong nộp lưu chiểu tháng 5/2007

Chỉ cá thể đơn lẻ mới có thể tư duy và qua đó, tạo ra những giá trị mới cho xã hội, vâng, thậm chí đề ra những quy phạm đạo đức mới để đời sống cộng đồng hướng theo. Nếu không có những cá thể sáng tạo, suy nghĩ và phán xét độc lập, thì sự phát triển lên cao của xã hội là khó tưởng tượng.

Cộng đồng và cá thể

Lý tưởng chính trị của tôi là lý tưởng dân chủ. Mỗi người cần được tôn trọng như một nhân cách và không ai được thần thánh hóa. Thật trớ trêu cho số phận, chính tôi lại nhận được quá nhiều sự ngưỡng mộ và trọng thị từ người khác - mà tôi chẳng làm gì xứng đáng hay làm gì nên tội.

Thế giới như tôi thấy

Cái đẹp dễ nhất mà chúng ta có thể trải nghiệm được là cái bí ẩn. Đó là cảm thức nền tảng trong cái nôi của nghệ thuật và khoa học chân chính. Kẻ nào không biết đến nó, không còn khả năng thăng thốt hay kinh ngạc, kẻ đó có thể coi như đã chết, đã tắt rụi lửa sống trong mắt mình.

Thế giới như tôi thấy



Giá: 33.000đ